

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã về việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 10/TTr-SCT ngày 31 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế và bãi bỏ:

1. Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Quyết định 315/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Các phòng, ban ,TT;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Tuyết Minh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI
QUYẾT CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Trang | Mức DVC |
|--|----------------------------|---|-------|------------|
| I. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ | | | | |
| 1 | 2.001434. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương | 12 | 4 |
| 2 | 2.001433. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương | 17 | 4 |
| 3 | 1.003401. 000.00.00.H10 | Thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp | 22 | 4 |
| 4 | 2.000229. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương | 23 | 4 |
| 5 | 2.000210. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương | 28 | 4 |
| II. LĨNH VỰC HÓA CHẤT | | | | |
| 6 | 2.001547. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | 31 | 4 |
| 7 | 2.001175. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | 36 | 4 |
| 8 | 2.001172. 000.00.00.H10 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | 40 | 4 |
| 9 | 1.002758. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | 44 | 4 |
| 10 | 2.001161. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | 50 | 4 |
| 11 | 2.000652. 000.00.00.H10 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. | 55 | 4 |

| | | | | |
|--|----------------------------|---|-----|---|
| 12 | 1.011506. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | 59 | 4 |
| 13 | 1.011507. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | 65 | 4 |
| 14 | 1.011508. 000.00.00.H10 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | 70 | 4 |
| III. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NẶNG | | | | |
| 15 | 1.001158. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa | 74 | 4 |
| IV. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG | | | | |
| 16 | 2.000331. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh | 79 | 4 |
| V. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | | | | |
| 17 | 2.000046. 000.00.00.H10 | Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hoá nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng | 89 | 4 |
| VI. LĨNH VỰC ĐIỆN | | | | |
| 18 | 2.001561. 000.00.00.H10 | Cấp giấy phép hoạt động Tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền của địa phương | 92 | 3 |
| 19 | 2.001632. 000.00.00.H10 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động Tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền của địa phương | 97 | 4 |
| 20 | 2.001617. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3MW đặt tại địa phương | 100 | 4 |
| 21 | 2.001549. 000.00.00.H10 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương. | 105 | 4 |
| 22 | 2.001535. 000.00.00.H10 | Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương. | 108 | 4 |
| 23 | 2.001266. 000.00.00.H10 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương. | 112 | 4 |
| 24 | 2.001249. 000.00.00.H10 | Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương. | 115 | 4 |
| 25 | 2.001724. 000.00.00.H10 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương. | 120 | 4 |
| 26 | 2.000621. 000.00.00.H10 | Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện | 123 | 4 |
| 27 | 2.000643. 000.00.00.H10 | Cấp lại thẻ an toàn điện | 125 | 4 |

| | | | | |
|---|----------------------------|--|-----|---|
| 28 | 2.000638. 000.00.00.H10 | Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện | 128 | 4 |
| VII. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN | | | | |
| 29 | 2.001640. 000.00.00.H10 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP). | 127 | 4 |
| 30 | 2.001607. 000.00.00.H10 | Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP). | 129 | 4 |
| 31 | 2.001587. 000.00.00.H10 | Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP). | 134 | 3 |
| 32 | 2.001322. 000.00.00.H10 | Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 136 | 4 |
| 33 | 2.001292. 000.00.00.H10 | Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 140 | 4 |
| 34 | 2.001313. 000.00.00.H10 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 146 | 4 |
| 35 | 2.001300. 000.00.00.H10 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 149 | 4 |
| 36 | 2.001384. 000.00.00.H10 | Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện | 152 | 3 |
| VIII. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM | | | | |
| 37 | 2.000591. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện | 155 | 4 |
| 38 | 2.000535. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện | 167 | 4 |
| IX. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC | | | | |
| 39 | 2.001646. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) | 178 | 4 |

| | | | | |
|----|----------------------------|---|-----|---|
| 40 | 2.001636. 000.00.00.H10 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) | 182 | 4 |
| 41 | 2.001630. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) | 185 | 4 |
| 42 | 1.010696. 000.00.00.H10 | Cấp giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ | 188 | 4 |
| 43 | 2.000674. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương | 192 | 4 |
| 44 | 2.000666. 000.00.00.H10 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương | 196 | 4 |
| 45 | 2.000664. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương | 199 | 4 |
| 46 | 2.000673. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu | 202 | 4 |
| 47 | 2.000669. 000.00.00.H10 | Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu. | 206 | 4 |
| 48 | 2.000672. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu. | 209 | 3 |
| 49 | 2.000648. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu | 212 | 3 |
| 50 | 2.000645. 000.00.00.H10 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu. | 216 | 4 |
| 51 | 2.000647. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu | 219 | 4 |
| 52 | 2.000190. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá | 223 | 4 |
| 53 | 2.000176. 000.00.00.H10 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá | 228 | 4 |
| 54 | 2.000167. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá | 232 | 4 |
| 55 | 2.000626. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá | 237 | 4 |
| 56 | 2.000622. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá | 241 | 4 |
| 57 | 2.000204. 000.00.00.H10 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá | 246 | 4 |
| 58 | 2.001624. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 250 | 3 |
| 59 | 2.000636. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 253 | 4 |
| 60 | 2.001619. | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên | 257 | 4 |

| | | | | |
|-----------------------------------|----------------------------|--|-----|---|
| | 000.00.00.H10 | địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | |
| 61 | 1.001005. 000.00.00.H10 | Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương | 260 | 4 |
| 62 | 2.000459. 000.00.00.H10 | Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương | 268 | 4 |
| X. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ | | | | |
| 63 | 2.000073. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai | 274 | 4 |
| 64 | 2.000207. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai | 277 | 4 |
| 65 | 2.000201. 000.00.00.H10 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai | 280 | 4 |
| 66 | 2.000194. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn | 283 | 3 |
| 67 | 2.000187. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn | 286 | 4 |
| 68 | 2.000175. 000.00.00.H10 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn | 289 | 3 |
| 69 | 2.000196. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải | 292 | 3 |
| 70 | 1.000425. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải | 295 | 4 |
| 71 | 2.000180. 000.00.00.H10 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải | 298 | 3 |
| 72 | 2.000387. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải | 301 | 4 |
| 73 | 2.000376. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải | 304 | 4 |
| 74 | 2.000371. 000.00.00.H10 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải | 307 | 4 |
| 75 | 2.000163. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải | 310 | 4 |
| 76 | 1.000444. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải | 313 | 4 |
| 77 | 2.000211. 000.00.00.H10 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải | 316 | 4 |
| 78 | 2.000142. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG | 319 | 4 |
| 79 | 2.000136. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG | 323 | 3 |
| 80 | 2.000078. 000.00.00.H10 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG | 326 | 3 |
| 81 | 2.000166. 000.00.00.H10 | Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG | 329 | 4 |

| | | | | |
|--|----------------------------|--|-----|---|
| 82 | 2.000156. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG | 333 | 4 |
| 83 | 2.000390. 000.00.00.H10 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG | 336 | 4 |
| 84 | 2.000354. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG | 339 | 4 |
| 85 | 2.000279. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG | 343 | 4 |
| 86 | 1.000481. 000.00.00.H10 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG | 346 | 4 |
| XI. LĨNH VỰC DẦU KHÍ | | | | |
| 87 | 2.000453. 000.00.00.H10 | Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³ | 349 | 4 |
| 88 | 2.000433. 000.00.00.H10 | Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³ | 354 | 4 |
| 89 | 2.000427. 000.00.00.H10 | Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³ | 359 | 4 |
| XII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CANH TRANH | | | | |
| 90 | 2.000309. 000.00.00.H10 | Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương | 364 | 4 |
| 91 | 2.000631. 000.00.00.H10 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương | 368 | 4 |
| 92 | 2.000619. 000.00.00.H10 | Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương | 371 | 4 |
| 93 | 2.000609. 000.00.00.H10 | Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp | 386 | 4 |
| 94 | 2.000191. 000.00.00.H10 | Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương | 390 | 4 |
| XIII. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ | | | | |
| 95 | 2.000063. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. | 393 | 4 |
| 96 | 2.000450. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. | 398 | 4 |
| 97 | 2.000347. 000.00.00.H10 | Cấp Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. | 401 | 4 |
| 98 | 2.000314. 000.00.00.H10 | Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 405 | 4 |
| 99 | 2.000327. 000.00.00.H10 | Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. | 408 | 4 |
| 100 | 2.000255. | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có | 411 | 4 |

| | | | | |
|-----|----------------------------|---|-----|---|
| | 000.00.00.H10 | vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa | | |
| 101 | 2.000370. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn | 415 | 4 |
| 102 | 2.000362. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí | 419 | 4 |
| 103 | 2.000351. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP | 423 | 4 |
| 104 | 2.000340. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | 427 | 4 |
| 105 | 2.000330. 000.00.00.H10 | Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | 430 | 4 |
| 106 | 2.000272. 000.00.00.H10 | Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP | 434 | 4 |
| 107 | 2.000361. 000.00.00.H10 | Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) | 438 | 4 |
| 108 | 1.000774. 000.00.00.H10 | Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) | 442 | 4 |
| 109 | 2.000339. 000.00.00.H10 | Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ | 447 | 4 |
| 110 | 2.000334. 000.00.00.H10 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ² | 451 | 4 |
| 111 | 2.000322. 000.00.00.H10 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại | 455 | 4 |
| 112 | 2.002166. 000.00.00.H10 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini | 459 | 4 |
| 113 | 2.000665. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ | 464 | 4 |

| | | | | |
|---|----------------------------|--|-----|---|
| 114 | 1.001441. 000.00.00.H10 | Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ | 467 | 4 |
| 115 | 2.000662. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động | 470 | 4 |
| XIV. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH THƯƠNG MẠI | | | | |
| 116 | 1.005190. 000.00.00.H10 | Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại | 475 | 4 |
| 117 | 2.000110. 000.00.00.H10 | Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại | 478 | 4 |
| XV. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI | | | | |
| 118 | 2.000004. 000.00.00.H10 | Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 481 | 4 |
| 119 | 2.000002. 000.00.00.H10 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 487 | 4 |
| 120 | 2.000131. 000.00.00.H10 | Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam | 489 | 4 |
| 121 | 2.000001. 000.00.00.H10 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam | 492 | 4 |
| 122 | 2.000033. 000.00.00.H10 | Thông báo hoạt động khuyến mại | 495 | 4 |
| 123 | 2.001474. 000.00.00.H10 | Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại | 497 | 4 |

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Trang | Mức DVC |
|---|----------------------------|--|-------|------------|
| I. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ | | | | |
| 1 | 2.001283. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | 499 | 4 |
| 2 | 2.001270. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | 502 | 3 |
| 3 | 2.001261. 000.00.00.H10 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | 505 | 4 |
| II. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC | | | | |
| 4 | 2.000633. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | 508 | 4 |
| 5 | 2000629. 000.00.00.H10 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | 512 | 4 |
| 6 | 1.001279. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | 515 | 4 |

| | | | | |
|--|----------------------------|---|-----|---|
| 7 | 2.000620. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu | 518 | 4 |
| 8 | 2.001240. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu | 521 | 4 |
| 9 | 2.000615. 000.00.00.H10 | Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu | 524 | 4 |
| 10 | 2.000181. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | 527 | 4 |
| 11 | 2.000162. 000.00.00.H10 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | 531 | 4 |
| 12 | 2.000150. 000.00.00.H10 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | 535 | 4 |
| III. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦ ĐIỆN CẤP HUYỆN | | | | |
| 13 | 2.000599. 000.00.00.H10 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện | 539 | 3 |
| 14 | 1.000473. 000.00.00.H10 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện | 542 | 3 |
| IV. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG | | | | |
| 15 | 2.002096. 000.00.00.H10 | Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện | 545 | 3 |

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Trang | Mức DVC |
|---|----------------------------|--|-------|---------|
| I. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦ ĐIỆN CẤP XÃ | | | | |
| 1 | 2.000206. 000.00.00.H10 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã | 553 | 4 |
| 2 | 2.000184. 000.00.00.H10 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã | 556 | 4 |

D. DANH SÁCH QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC BỊ THAY THẾ

Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh và Quyết định 315/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thay thế được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa tỉnh Bình Phước.

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

1. Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương . Mã TTHC: 2.001434.000.00.H10

a) Trình tự thủ tục:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các loại giấy tờ, tài liệu hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ, Sở Công Thương hướng dẫn để cá nhân, Tổ chức hoặc cá nhân, Tổ chức được ủy quyền lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại Sở theo văn bản hướng dẫn BS, chỉnh sửa.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công; hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện công ích; hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (do Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu).

- Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật. Bản sao

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. Bản sao

- Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng

nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp. Bản sao

- Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Phương án nổ mìn được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đồng ý bằng văn bản.

- Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (đối với các tổ chức có kho chứa vật liệu nổ công nghiệp). Bản sao

- Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và chữa cháy hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn.

- Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người có liên quan trực tiếp đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn và đội ngũ thợ mìn.

- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

h) Phí, Lệ phí:

- Cấp mới:

+ Cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 4000.000 đồng/giấy phép

+ Cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm thăm dò khai thác trên đất liền: 3500.000 đồng/giấy phép

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (Mẫu tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hoạt động ngành, nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có hoạt động khoáng sản, dầu khí hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm hoặc thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Có kho, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

- Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định có liên quan;

- Người quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn và người khác có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy và chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

- Quy mô sử dụng thuốc nổ trong một quý từ 500 kg trở lên, trừ trường hợp sử dụng thuốc nổ để thử nghiệm, thăm dò, đánh giá địa chất.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ và tiền chất thuốc nổ

- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

- Thông tư số 31/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

- Thông tư số 148/2016/TT-BCT ngày 14/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Thông tư số 32/2019/TT-BCT ngày 21/11/2019 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên doanh nghiệp:.....

Quyết định hoặc Giấy phép thành lập số:

Do cấp ngày.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Đăng ký kinh doanh số Docấp ngày tháng ... năm 20 ...

Đề nghị cấp: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Mục đích:

Phạm vi, địa điểm:.....

Họ và tên người đại diện:.....

Ngày tháng năm sinh: Nam (Nữ).....

Chức danh (Giám đốc/Chủ doanh nghiệp):

Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú):

Đề nghị Sở Công Thương tỉnh Bình Phước xem xét và cấp (TÊN DOANH NGHIỆP) theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN CHỦ DOANH
NGHIỆP**

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

2. Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương. Mã TTHC: 2.001433.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các loại giấy tờ, tài liệu hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ, Sở Công Thương hướng dẫn để cá nhân, Tổ chức hoặc cá nhân, Tổ chức được ủy quyền lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại Sở theo văn bản hướng dẫn BS, chỉnh sửa.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công; hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện công ích; hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Nếu không có sự thay đổi về quy mô, địa điểm

- Báo cáo hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp do thủ trưởng ký bản gốc.
- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (do Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu).

- Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật. Bản sao

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. Bản sao

- Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp. Bản sao

- Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ

công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Phương án nổ mìn được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đồng ý bằng văn bản.

- Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (đối với các tổ chức có kho chứa vật liệu nổ công nghiệp). Bản sao

- Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và chữa cháy hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn.

- Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người có liên quan trực tiếp đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn và đội ngũ thợ mìn.

- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

Nếu có sự thay đổi về quy mô, địa điểm

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (do Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu).

- Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật. Bản sao

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. Bản sao

- Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng

nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp. Bản sao

- Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Phương án nổ mìn được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đồng ý bằng văn bản.

- Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (đối với các tổ chức có kho chứa vật liệu nổ công nghiệp). Bản sao

- Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và chữa cháy hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn.

- Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người có liên quan trực tiếp đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn và đội ngũ thợ mìn. bản sao

- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ CN.

h) Phí, Lệ phí:

- Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 2.000.000 đồng/giấy phép; trong trường hợp thay đổi về địa điểm, quy mô hoặc điều kiện sử dụng: 4.000.000 đồng/giấy phép.

- Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm thăm dò khai thác trên đất liền: 1.750.000 đồng/giấy phép; trong trường hợp thay đổi về địa điểm, quy mô hoặc điều kiện sử dụng: 3.500.000 đồng/giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (Mẫu tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đã được cấp hết hạn và không thay đổi về địa điểm, quy mô hoạt động so với Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đã cấp;

- Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bị mất, sai sót hoặc hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ và tiền chất thuốc nổ.

- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

- Thông tư số 31/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

- Thông tư số 148/2016/TT-BCT ngày 14/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Thông tư số 32/2019/TT-BCT ngày 21/11/2019 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên doanh nghiệp:.....

Quyết định hoặc Giấy phép thành lập số:

Do cấp ngày.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Đăng ký kinh doanh số Docấp ngày tháng ... năm 20

Đề nghị cấp lại: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Mục đích:

Phạm vi, địa điểm:.....

Họ và tên người đại diện:.....

Ngày tháng năm sinh: Nam (Nữ).....

Chức danh (Giám đốc/Chủ doanh nghiệp):

Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú):

Đề nghị Sở Công Thương tỉnh
Bình Phước xem xét và cấp
(TÊN DOANH NGHIỆP) theo quy
định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ
khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ
ngày 20 tháng 6 năm 2017./.

ĐẠI DIỆN CHỦ DOANH NGHIỆP

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

3. Thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Mã TTHC: 1.003401.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương ra Quyết định thu hồi;

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công; hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện công ích; hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- * Thành phần hồ sơ
- Văn bản đề nghị thu hồi;
- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh do Quân đội nhân dân cấp của người đến liên hệ.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương ra Quyết định thu hồi

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp giải thể, chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập;
- Chấm dứt hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Không bảo đảm các điều kiện về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; không đáp ứng đầy đủ hoặc không thực hiện đúng các nội dung quy định trong Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Giấy phép cấp không đúng thẩm quyền.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

4. Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương. Mã TTHC: 2.000229.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ;

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thông báo kế hoạch huấn luyện, kiểm tra cho tổ chức đề nghị;

- Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kế hoạch huấn luyện, kiểm tra, Sở Công Thương tổ chức huấn luyện, kiểm tra;

- Bước 5: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Công Thương thực hiện cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp.

- Bước 6: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công; hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện công ích; hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Trường hợp hồ sơ đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

- Giấy đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 01 tại Phụ lục II);

- Danh sách người đề nghị được huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 02 tại Phụ lục II);

- 02 ảnh (3×4 cm) của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các quy định về trình độ chuyên môn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

* Trường hợp hồ sơ đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

- Giấy đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 01 tại Phụ lục II);

- Danh sách người đề nghị được kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 02 tại Phụ lục II);

- 02 ảnh (3×4 cm) của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;

- Tài liệu huấn luyện chi tiết phù hợp cho từng đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 71/2018/NĐ-CP;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các quy định về trình độ chuyên môn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị huấn luyện (nếu có), kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp;

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 02 năm.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 Phụ lục II: Giấy đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn.

- Mẫu số 02 Phụ lục II: Danh sách các đối tượng tham gia huấn luyện (nếu có), kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn.

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

*** Điều kiện chung:**

- Được huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP.

*** Điều kiện riêng:**

Người huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Hóa chất, vũ khí đạn, công nghệ hóa học về thuốc phóng, thuốc nổ, công binh, khai thác mỏ, kỹ thuật mỏ, địa chất, xây dựng công trình, giao thông, thủy lợi, địa vật lý, dầu khí và có kinh nghiệm thực tế làm việc về kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp từ 05 năm liền kề trở lên hoặc làm quản lý nhà nước trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp từ 03 năm liền kề trở lên; có kiến thức pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20/6/2017;
- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;
- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

TÊN DOANH
NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MSố:

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên cơ sở hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ:.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Thực hiện Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

Tên Doanh nghiệp.... đề nghị Sở Công Thương tỉnh Bình Phước Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp (danh sách kèm theo) cho các đối tượng liên quan tới hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của doanh nghiệp./.

Địa danh,
ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ DOANH NGHIỆP
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

Mẫu số 02

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HUẤN LUYỆN, KIỂM TRA, CẤP GIẤY
CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN**

| T | Họ và tên | N gày, tháng năm sinh | Chức danh | Trình độ chuyên môn | Nơi cơ trú | Đăng ký |
|----|-----------|-----------------------------------|--------------|---------------------------|---------------|---------|
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| .. | | | | | | |

.....,
ngày.....tháng.....năm.....

.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- Lĩnh vực hoạt động (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ);
- Đăng ký kiểm tra, cấp giấy chứng nhận (Ví dụ: Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp);
- Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp hoạt động vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Quảng Ninh);
- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

5. Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương. Mã TTHC: 2.000210.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương thực tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ;

- Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Công Thương thực thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp lại phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (mẫu số 01 Phụ lục II);

- 02 ảnh (cỡ 3×4 cm) của người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: bằng thời gian của Giấy chứng nhận đã cấp.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 01 Phụ lục II: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn.

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn đã cấp bị mất, sai sót hoặc hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20/6/2017;

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

TÊN DOANH
NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên cơ sở hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ:.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Thực hiện Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

TÊN DOANH NGHIỆP đề nghị Sở Công Thương tỉnh Bình Phước Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp (danh sách kèm theo) cho các đối tượng liên quan tới hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của doanh nghiệp./.

Địa danh,
ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ DOANH NGHIỆP

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

II. LĨNH VỰC HÓA CHẤT

6. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. Mã TTHC: 2.001547.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp lập 01 hồ sơ gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương thông báo đề tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận quy định tại điểm c, điểm d khoản 5 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ.

- Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất
- + Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Bản chính);
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Bản sao);
- + Bản kê khai từng cơ sở sản xuất hóa chất (Bản chính);
- + Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất (Bản sao);
- + Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có

thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (Bản sao);

+ Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng từng cơ sở sản xuất hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất, kho chứa hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa, Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất (Bản chính);

+ Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất (Bản chính);

+ Bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất; Bản sao bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất (Bản sao);

+ Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP (Bản sao);

+ Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất theo quy định (Bản chính);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí: 1.200.000 đồng/giấy chứng nhận.

- Lệ phí: không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (theo Mẫu 01a).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện sản xuất

- + Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
- + Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 1, 2 Điều 5; khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;
- + Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;
- + Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/12/2022 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

| | | | | | | | | |
|---|---------|--------|----------|---------------------------------|-----|-----|---------|--|
| 1 | VD: ABC | Axeton | 67-64-1 | C ₃ H ₆ O | 30% | 100 | Tấn/năm | |
| | | Toluen | 108-88-3 | C ₇ H ₈ | 20% | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| n | | | | | | | | |

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

.....⁽⁸⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “sản xuất”
- (5): Chỉ kê khai các thành phần là chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Luật Hóa chất; Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP;
- (6): Kê khai khối lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh tối đa trong một năm;
- (7): Đơn vị đo khối lượng trên đơn vị thời gian là một năm;
- (8): Tên các giấy tờ kèm theo.

7. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. Mã TTHC: 2.001175.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng) lập 01 hồ sơ gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Phước hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định: Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do. (Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp giấy chứng nhận.

- Bước 3: Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Bản chính);

- Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân hoặc Bản bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng (Bản chính);

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

h) Phí, Lệ phí:

+ Phí: 600.000 đồng/giấy chứng nhận

+ Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (theo Mẫu 1b).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện sản xuất

+ Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 1, 2 Điều 5; khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;

+ Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

+ Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

* Điều kiện riêng:

- Trường hợp giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin tổ chức, cá nhân.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/12/2022 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu 01b

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN** ⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ⁽²⁾..... ⁽³⁾, ngày tháng năm**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ****Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh
có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên tổ chức/cá nhân: ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: Điện thoại: Fax:

Loại hình: Sản xuất Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh
số do cấp ngày.... tháng.... năm....Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản
xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
số ⁽⁵⁾ ngày.... tháng.... năm....., giải trình lý do đề nghị cấp lại:..... ⁽⁶⁾..... ⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị
định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi
tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, Nghị định số
82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. Nếu vi
phạm ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật...... ⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm: ⁽⁷⁾**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất;
- (2): Ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại giấy chứng nhận;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “sản xuất”
- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại;
- (6): Thông tin giải trình đề nghị cấp lại, bao gồm các thôn tin sửa đổi (nếu có);
- (7): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

8. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. Mã TTHC: 2.001172.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp lập 01 hồ sơ gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Phước hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do. (Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp giấy chứng nhận).

- Bước 3: Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Bản chính);

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp (Bản chính);

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh (Bản sao)

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí: 600.000 đồng/giấy chứng nhận.

- Lệ phí: không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (theo Mẫu 1c).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện chung

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề sản xuất hóa chất;

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 1, 2 Điều 5; khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;

- Diện tích nhà xưởng, kho chứa phải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Cơ sở sản xuất có đủ diện tích để bố trí dây chuyền sản xuất phù hợp với công suất thiết kế, đảm bảo các công đoạn sản xuất, đáp ứng yêu cầu công nghệ;

- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

* Điều kiện riêng

Trường hợp có thay đổi về địa điểm cơ sở sản xuất hóa chất, loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/12/2022 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu 01c

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN** ⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ⁽²⁾

..... ⁽³⁾, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất,
kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên tổ chức/cá nhân:..... ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính tại:Điện thoại: Fax.....

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: Điện thoại: Fax:

Loại hình: Sản xuất

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh sốdo cấp ngày.... tháng.... năm....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số..... ⁽⁵⁾ ngày.... tháng....năm....., thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm:..... ⁽⁶⁾

Giải trình lý do đề nghị cấp điều chỉnh:..... ⁽⁷⁾

..... ⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. Nếu vi phạm ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:..... ⁽⁸⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “sản xuất”;
- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp điều chỉnh;
- (6): Thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm thông tin trước khi điều chỉnh và thông tin đề nghị điều chỉnh;
- (7): Thông tin giải trình rõ lý do đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận;
- (8): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

9. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. Mã TTHC: 2.001547.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp lập 01 hồ sơ gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận quy định tại điểm c, điểm d khoản 5 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ;

+ Trường hợp cơ sở kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt tại sở chính, trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức, cá nhân để lấy ý kiến của Sở Công Thương địa phương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh hóa chất có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 của Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ. Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân không muộn hơn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản của Sở Công Thương địa phương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi 01 bản cho Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh hóa chất để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Bước 3:

+ Trong vòng 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt tại sở chính, Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân.

+ Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt tại sở chính.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất

+ Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Bản sao);

+ Bản kê khai từng cơ sở địa điểm kinh doanh hóa chất (Bản chính);

+ Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất (Bản sao);

+ Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (Bản sao);

+ Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng từng cơ sở địa điểm kinh doanh hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào kho chứa hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hóa chất hoặc Hợp đồng thuê kho đối với trường hợp thuê kho lưu trữ hoặc Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất (Bản chính);

+ Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng cơ sở kinh doanh hóa chất (Bản chính);

+ Bản sao bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất (Bản sao);

+ Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP (Bản sao);

+ Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở kinh doanh hóa chất theo quy định (Bản chính);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt tại sở chính.

- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt tại sở chính.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí: 1.200.000 đồng/giấy chứng nhận.

- Lệ phí: không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (theo Mẫu 01a).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với điều kiện kinh doanh

+ Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Cơ sở vật chất – kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;

+ Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

+ Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;

+ Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất.

+ Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/12/2022 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm**Mẫu 01a****TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN ⁽¹⁾****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:⁽²⁾.....⁽³⁾, ngày tháng năm**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ****Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh
có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên tổ chức/cá nhân:.....⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa chỉ kinh doanh: Điện thoại: Fax:

Loại hình: Kinh doanh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số do cấp ngày....
tháng.... năm....Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh
doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, gồm:**Hóa chất kinh doanh:**

| STT | Tên thương mại | Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾ | | | | Khối lượng ⁽⁶⁾ | Đơn vị tính ⁽⁷⁾ | Ghi chú |
|-----|----------------|--|----------|---------------------------------|-----------|---------------------------|----------------------------|---------|
| | | Tên hóa học | Mã CAS | Công thức hóa học | Hàm lượng | | | |
| 1 | VD: ABC | Axeton | 67-64-1 | C ₃ H ₆ O | 30% | 500 | Tấn/năm | |
| | | Toluen | 108-88-3 | C ₇ H ₈ | 20% | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| n | | | | | | | | |

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số 82/2022/NĐ-

CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

.....⁽⁸⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;

(2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;

(3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;

(4): Ghi rõ “kinh doanh”

(5): Chỉ kê khai các thành phần là chất thuộc Danh mục hóa chất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP và Nghị định số 82/2022/NĐ-CP;

(6): Kê khai khối lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh tối đa trong một năm;

(7): Đơn vị đo khối lượng trên đơn vị thời gian là một năm;

(8): Tên các giấy tờ kèm theo.

10. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. Mã TTHC: 2.001175.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân) lập 01 hồ sơ gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do. (Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp giấy chứng nhận.

- Bước 3: Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Bản chính);

- Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân hoặc Bản bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng (Bản chính);

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

h) Phí, Lệ phí:

- + Phí: 600.000 đồng/giấy chứng nhận
- + Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (theo Mẫu 1b).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện chung:

- Điều kiện kinh doanh
- + Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
- + Cơ sở vật chất – kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;
- + Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;
- + Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;
- + Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất.
- + Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

* Điều kiện riêng:

- Trường hợp giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin tổ chức, cá nhân.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/12/2022 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN** ⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ⁽²⁾

..... ⁽³⁾, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh
doanh có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên tổ chức/cá nhân:..... ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại: Fax:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: Điện thoại: Fax:

Loại hình: Kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh
số do cấp ngày.... tháng.... năm....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh
doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
số ⁽⁵⁾ ngày.... tháng.... năm.....,

giải trình lý do đề nghị cấp lại:..... ⁽⁶⁾

..... ⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị
định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi
tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, Nghị định số
82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. Nếu vi
phạm ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm: ⁽⁷⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất;
- (2): Ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại giấy chứng nhận;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “kinh doanh”;
- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại;
- (6): Thông tin giải trình đề nghị cấp lại, bao gồm các thông tin sửa đổi (nếu có);
- (7): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

11. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. Mã TTHC: 2.001172.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp lập 01 hồ sơ gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do. (Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp giấy chứng nhận).

- Bước 3: Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Bản chính);

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp (Bản chính);

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh (Bản sao)

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất, sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí: 600.000 đồng/giấy chứng nhận.
- Lệ phí: không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (theo Mẫu 1c).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện kinh doanh
- + Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
- + Cơ sở vật chất – kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;
- + Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;
- + Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;
- + Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất.
- + Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/12/2022 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm**Mẫu 01c****TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN ⁽¹⁾****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ⁽²⁾..... ⁽³⁾, ngày tháng năm**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ****Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất,
kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên tổ chức/cá nhân:..... ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính tại:Điện thoại: Fax.....

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: Điện thoại: Fax:

Loại hình: Kinh doanh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh
số do cấp ngày.... tháng.... năm....Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều
kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực
công nghiệp số..... ⁽⁵⁾ ngày.... tháng....năm....., thông tin đề nghị cấp điều
chỉnh bao gồm:..... ⁽⁶⁾Giải trình lý do đề nghị cấp điều chỉnh:..... ⁽⁷⁾..... ⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị
định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi
tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số
82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. Nếu vi
phạm ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật...... ⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:..... ⁽⁸⁾**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “kinh doanh”;
- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp điều chỉnh;
- (6): Thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm thông tin trước khi điều chỉnh và thông tin đề nghị điều chỉnh;
- (7): Thông tin giải trình rõ lý do đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận;
- (8): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

12. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp Mã TTHC: 1.011506.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp lập 01 hồ sơ gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận quy định tại điểm c, điểm d khoản 5 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ;

+ Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt tại sở chính, trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức, cá nhân để lấy ý kiến của Sở Công Thương địa phương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 của Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ. Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân không muộn hơn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản của Sở Công Thương địa phương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi 01 bản cho Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Bước 3:

+ Trong vòng 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt tại sở chính, Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân.

+ Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt tại sở chính.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh

+ Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Bản sao);

+ Bản kê khai từng cơ sở sản xuất, địa điểm kinh doanh hóa chất (Bản chính);

+ Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất (Bản sao);

+ Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (Bản sao);

+ Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng từng cơ sở sản xuất, địa điểm kinh doanh hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất, kho chứa hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa, Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất (Bản chính);

+ Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất (Bản chính);

+ Bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở

sản xuất; Bản sao bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất (Bản sao);

+ Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP (Bản sao);

+ Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất theo quy định (Bản chính);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt tại sở chính.

- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt tại sở chính.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí: 1.200.000 đồng/giấy chứng nhận.

- Lệ phí: không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (theo Mẫu 01a).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với điều kiện sản xuất

+ Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 1, 2 Điều 5; khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;

+ Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

+ Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

- Đối với điều kiện kinh doanh

+ Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Cơ sở vật chất – kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;

+ Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

+ Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;

+ Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất.

+ Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/12/2022 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

2. Hóa chất kinh doanh:

| STT | Tên thương mại | Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾ | | | | Khối lượng ⁽⁶⁾ | Đơn vị tính ⁽⁷⁾ | Ghi chú |
|-----|----------------|--|----------|---------------------------------|-----------|---------------------------|----------------------------|---------|
| | | Tên hóa học | Mã CAS | Công thức hóa học | Hàm lượng | | | |
| 1 | VD: ABC | Axeton | 67-64-1 | C ₃ H ₆ O | 30% | 500 | Tấn/năm | |
| | | Toluen | 108-88-3 | C ₇ H ₈ | 20% | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| n | | | | | | | | |

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

Nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

.....⁽⁸⁾

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;

(2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;

(3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;

(4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất và kinh doanh”;

(5): Chỉ kê khai các thành phần là chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp và Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Luật Hóa chất; Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

(6): Kê khai khối lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh tối đa trong một năm;

(7): Đơn vị đo khối lượng trên đơn vị thời gian là một năm;

(8): Tên các giấy tờ kèm theo.

13. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. Mã TTHC: 1.011507.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân) lập 01 hồ sơ gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do. (Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp giấy chứng nhận.

- Bước 3: Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Bản chính);

- Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân hoặc Phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng (Bản chính);

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

h) Phí, Lệ phí:

+ Phí: 600.000 đồng/giấy chứng nhận

+ Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (theo Mẫu 1b).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện chung:

- Đối với điều kiện sản xuất

+ Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 1, 2 Điều 5; khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;

+ Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

+ Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

- Đối với điều kiện kinh doanh

+ Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Cơ sở vật chất – kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;

+ Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

+ Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;

+ Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất.

+ Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

* Điều kiện riêng:

- Trường hợp giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin tổ chức, cá nhân.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/12/2022 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN** ⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ⁽²⁾

..... ⁽³⁾, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên tổ chức/cá nhân:..... ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại: Fax:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: Điện thoại: Fax:

Loại hình: Sản xuất Kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số do cấp ngày.... tháng.... năm....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số ⁽⁵⁾ ngày.... tháng.... năm....., giải trình lý do đề nghị cấp lại:

..... ⁽⁶⁾

..... ⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. Nếu vi phạm ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm: ⁽⁷⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất;
- (2): Ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại giấy chứng nhận;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “sản xuất và kinh doanh”;
- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại;
- (6): Thông tin giải trình đề nghị cấp lại, bao gồm các thông tin sửa đổi (nếu có);
- (7): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

14. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp Mã TTHC: 1.011508.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (trong trường hợp có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân) lập 01 hồ sơ gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do. (Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp giấy chứng nhận).

- Bước 3: Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Bản chính);

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp (Bản chính);

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất và kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh (Bản sao)

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí: 600.000 đồng/giấy chứng nhận.

- Lệ phí: không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (theo Mẫu 1c).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện chung

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề sản xuất hóa chất;

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 1, 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;

- Diện tích nhà xưởng, kho chứa phải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Cơ sở sản xuất có đủ diện tích để bố trí dây chuyền sản xuất phù hợp với công suất thiết kế, đảm bảo các công đoạn sản xuất, đáp ứng yêu cầu công nghệ;

- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

* Điều kiện riêng: Trường hợp có thay đổi về địa điểm cơ sở sản xuất hóa chất, loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/12/2022 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm**Mẫu 01c****TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN ⁽¹⁾****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**-----
Số: ⁽²⁾-----
..... ⁽³⁾, ngày tháng năm**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ****Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên tổ chức/cá nhân:..... ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính tại:Điện thoại: Fax.....

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: Điện thoại: Fax:

Loại hình: Sản xuất Kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số do cấp ngày.... tháng.... năm....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số..... ⁽⁵⁾ ngày.... tháng....năm....., thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm:..... ⁽⁶⁾Giải trình lý do đề nghị cấp điều chỉnh:..... ⁽⁷⁾..... ⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. Nếu vi phạm ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật..... ⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:..... ⁽⁸⁾**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh

Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất;

(2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký

cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất;

(3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;

(4): Ghi rõ “sản xuất và kinh doanh”;

(5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp điều chỉnh;

(6): Thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm thông tin trước khi điều chỉnh và thông tin đề nghị điều chỉnh;

(7): Thông tin giải trình rõ lý do đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận;

(8): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

III. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

15. Cấp Giấy xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Mã TTHC: 1.001158.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 05 ngày thẩm định, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và không hợp lệ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Bước 3: Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định nội dung hồ sơ, trường hợp cần thiết sẽ kiểm tra thực tế tại cơ sở. Cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản thông báo kết quả xác nhận ưu đãi chậm nhất sau hai mươi (20) ngày làm việc.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

1. Đối với dự án đang sản xuất:

- Văn bản đề nghị xác nhận ưu đãi (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương);

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Thuyết minh hiện trạng quy trình sản xuất, cơ sở vật chất (nhà xưởng), máy móc thiết bị (bảng kê danh mục và công suất máy móc, thiết bị chuyên ngành cho các công đoạn chính phù hợp với sản phẩm và quy mô đang sản xuất của cơ sở; thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng...); công suất sản xuất.

- Báo cáo kiểm toán độc lập năm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ xin xác nhận ưu đãi (hoặc báo cáo tài chính).

- Dự án đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

- Cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hoặc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương (nếu có) do tổ chức chứng nhận được phép hoạt động chứng nhận theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa cấp.

2. Trường hợp dự án được thực hiện lần đầu hoặc hoạt động độc lập

- Văn bản đề nghị xác nhận ưu đãi;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Báo cáo (dự án) đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương (nếu có) do tổ chức chứng nhận được phép hoạt động chứng nhận theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa cấp.

* Số lượng hồ sơ: 06 bộ (01 bản chính và 05 bản sao);

- Hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký xin ưu đãi;

- Trường hợp các dự án có thay đổi về điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư thì gửi hồ sơ bổ sung (nội dung phần thay đổi) tới Sở Công Thương để xem xét.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp nhỏ và vừa

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận ưu đãi

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo Phụ lục 2; Giấy xác nhận ưu đãi theo Phụ lục 3 Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công Thương);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Sự phù hợp của dự án sản xuất đối với các quy định tại Nghị định số 111/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Thủ tục pháp lý của dự án.

- Tính khả thi, hợp lý của các giải pháp kỹ thuật - công nghệ áp dụng trong sản xuất của dự án.

- Năng lực tài chính, hiệu quả đầu tư của dự án.
- Khả năng đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường của dự án.
- Đối tượng nộp hồ sơ là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

- Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 23/11/2021 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 quy định trình tự, thủ tục, xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với các Dự án sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo

Mẫu 01

TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN¹CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../ Công văn

....., ngày tháng năm

ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ƯU ĐÃI

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân:

2. Địa chỉ liên lạc: Điện thoại:

Fax: E-mail:

3. Hồ sơ kèm theo:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Thuyết minh dự án:

- Trường hợp dự án được thực hiện lần đầu hoặc hoạt động độc lập: Báo cáo (dự án) đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng;

- Trường hợp dự án đang sản xuất:

+ Thuyết minh hiện trạng quy trình sản xuất, cơ sở vật chất (nhà xưởng), máy móc thiết bị (bảng kê danh mục và công suất máy móc, thiết bị chuyên ngành cho các công đoạn chính phù hợp với sản phẩm và quy mô đang sản xuất của cơ sở; thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng...); công suất sản xuất; Báo cáo kiểm toán độc lập năm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ xin xác nhận ưu đãi (hoặc báo cáo tài chính);

+ Dự án đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

c) Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với dự án đầu tư mới) hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hoặc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (đối với dự án đang hoạt động).

d) Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương (nếu có).

4. Sau khi nghiên cứu các quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ và các văn bản liên quan khác, (tổ chức, cá nhân) xin (cơ quan có thẩm quyền) xác nhận ưu đãi cho dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ như sau:

- Loại sản phẩm (đánh dấu X vào ngành xác nhận ưu đãi):

| | | | |
|---------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Dệt may | <input type="checkbox"/> | Cơ khí chế tạo | <input type="checkbox"/> |
| Da giày | <input type="checkbox"/> | Sản xuất lắp ráp ô tô | <input type="checkbox"/> |
| Điện tử | <input type="checkbox"/> | Công nghệ cao | <input type="checkbox"/> |

- Giải trình sản phẩm theo DM sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển:

.....

5. Các chính sách xin hưởng ưu đãi:

(Căn cứ vào Điều 12, Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ, (tổ chức, cá nhân) liệt kê các chính sách

6. Cam kết của tổ chức, cá nhân:

- Sẽ có sản phẩm theo đăng ký đề nghị xác nhận ưu đãi trong thời gian 18 tháng kể từ thời điểm được xác nhận ưu đãi.

- Báo cáo với cơ quan có thẩm quyền nếu có sự thay đổi về sản phẩm xin xác nhận đã được hưởng ưu đãi trong quá trình sản xuất.

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú

¹ Tên tổ chức, cá nhân xin xác nhận ưu đãi.

² Bộ Công Thương hoặc tên cơ quan có thẩm quyền xác nhận ưu đãi.

IV. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

16. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh. Mã hồ sơ: 2.000331. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 05 (Năm) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

- Bước 1: Các cơ sở công nghiệp nông thôn gửi hồ sơ đăng ký đến Hội đồng bình chọn cấp huyện. UBND cấp huyện tổng hợp hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tham mưu thành lập Hội đồng bình chọn cấp tỉnh.

- Thành lập Ban giám khảo và Tổ chuyên môn giúp việc; tổ chức bình chọn; trình UBND cấp tỉnh phê duyệt kết quả bình chọn, quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

- Trong thời gian 03 ngày làm việc thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt yêu cầu đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của cơ sở công nghiệp nông thôn (theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương) kèm theo bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương;

- Bản thuyết minh, mô tả giới thiệu về sản phẩm đăng ký bình chọn (theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương) kèm theo tối thiểu 03 (ba) ảnh màu, cỡ (10 x 15) cm của sản phẩm được chụp tại các góc độ khác nhau (tối thiểu tại các góc: chính diện, các mặt bên, từ trên xuống);

- Bản sao hợp lệ các tài liệu khác còn giá trị pháp lý liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: Chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác”.

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện còn giá trị;

- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo danh sách trích ngang các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh (theo mẫu tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương);

Bản sao hợp lệ là bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao (không có chứng thực) xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu.

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ hồ sơ bản giấy.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, cơ sở công nghiệp nông thôn.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Công Thương - Cơ quan thường trực Hội đồng cấp tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương (Mẫu số 01).

- Bản thuyết minh sản phẩm đăng ký bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương (Mẫu số 02).

- Danh sách trích ngang các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh (theo mẫu tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm);

- Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn;

- Sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường”.

- Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường;

- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

- + Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;
- + Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;
- + Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;
- + Tiêu chí khác.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

- Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày...tháng...năm...

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA**BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

| | | | |
|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> cấp Huyện | <input type="checkbox"/> cấp Tỉnh | <input type="checkbox"/> cấp Khu vực | <input type="checkbox"/> cấp Quốc gia |
|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|

Kính gửi: Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

1. Tên cơ sở công nghiệp nông thôn

Tên viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa có dấu):

.....

Tên viết tắt (nếu có): Mã số (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:.....

.....

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chức danh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc trong các loại hình sau:

- Công ty cổ phần Doanh nghiệp tư nhân Trung tâm
 Công ty TNHH Hợp tác xã Cơ sở sản xuất
 Hộ kinh doanh Khác (ghi rõ loại hình):.....

Tài khoản số: Chủ tài khoản:

Mở tại ngân hàng: Chi nhánh:

2. Thông tin về chi nhánh (nếu có)

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

3. Thông tin về địa điểm sản xuất

Tên địa điểm sản xuất: (nếu nằm ngoài trụ sở chính và chi nhánh)

Địa chỉ địa điểm sản xuất:

Các văn bản, giấy tờ liên quan đến địa điểm sản xuất:

4. Ngành, nghề kinh doanh chính

Số đăng ký kinh doanh, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh:.....

Ngày cấp, nơi cấp

Các ngành, nghề kinh doanh chính

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|-----------|----------|
| | | |
| | | |

5. Quy mô vốn, tài sản và lao động

Vốn đăng ký kinh doanh (bằng số; VNĐ):.....

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):
.....

Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):.....

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất:

Tổng số lao động hiện đang sử dụng:

Trong đó: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội:

Thu nhập bình quân lao động (bằng số VNĐ/người):
.....

6. Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước

Các giải thưởng: Huân huy chương, Bằng khen, Giấy khen, giấy chứng nhận đã đạt được:..... ;

- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo luật định;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo luật định;
- Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo các quyền lợi đối với người lao động;

Khác (ghi chi tiết)

.....

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

7. Tên sản phẩm hoặc bộ sản phẩm:

.....

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sản phẩm sau:

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Thủ công mỹ nghệ | <input type="checkbox"/> Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm |
| <input type="checkbox"/> Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí | <input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):... |

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm, bộ sản phẩm nêu trên; sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác đối với các tài liệu, thông tin được cung cấp, kê khai trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu./.

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng...năm...

THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

Địa chỉ:

Người đại diện: ; Chức vụ:

Điện thoại: ; Email:

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên sản phẩm:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

- Thủ công mỹ nghệ
- Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm
- Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí
- Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh:

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm:

Năm trước năm bình chọn.....

Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Trong đó: Số lượng sản phẩm xuất khẩu/năm:

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Doanh thu của sản phẩm/năm:

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm (nếu có):

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):

Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng trong nước%.

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng nhập khẩu%.

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu

Có khả năng sản xuất với số lượng lớn Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm

Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác

Đánh giá khác (ghi chi tiết):...

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm:

.....

.....

.....

Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

| | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm | <input type="checkbox"/> Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp |
| <input type="checkbox"/> Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất | <input type="checkbox"/> Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường |
| <input type="checkbox"/> Đánh giá khác (ghi chi tiết): | |

2.2. Về thị trường tiêu thụ:

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước%.

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước%.

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:

.....

Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):

.....

2. Bảo vệ môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm

.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:

Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:

Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:

4. Một số nội dung khác

Các chứng nhận liên quan: Quy định đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc nhóm ngành sản xuất có điều kiện theo quy định pháp luật; (ví dụ: Giấy phép sản xuất; Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...).

Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:

.....

Các giải thưởng, bằng khen, giấy chứng nhận,...đã đạt được:

.....

Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....

Tham gia các hoạt động công ích xã hội:

Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN

.....

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC SỐ 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014
của Bộ Công Thương)

Tên Cơ quan, đơn vị:

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG
SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN SẢN PHẨM
CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP.....**

| TT | Tên sản phẩm | Cơ sở công nghiệp nông thôn | Địa chỉ | Ghi chú |
|-----------|---------------------|--|----------------|----------------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

.....,
ngày tháng năm
Thủ trưởng cơ quan/đơn vị
(ký tên và đóng dấu)

V. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

17. Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Mã TTHC: 2.000046.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 02 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hoá nhóm 2 cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản công bố hợp quy theo mẫu CBHC/HQ quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Bản sao chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận hợp quy cấp;

- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá.

- Các tiêu chuẩn liên quan trực tiếp đến sản phẩm, hàng hoá (tiêu chuẩn TCVN, TCCS hoặc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc quy định kỹ thuật khác.

- Bản hướng dẫn sử dụng sản phẩm, hàng hoá.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hoá nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng

- Văn bản xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản công bố hợp quy (Mẫu CBHC/HQ của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

k) Yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính:

- Các Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải thực hiện việc công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- Trường hợp các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì việc công bố sản phẩm, hàng hóa được thực hiện theo các tiêu chuẩn (TCVN, TCCS hoặc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc quy định kỹ thuật khác đang được áp dụng để công bố sự phù hợp cho đến khi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho sản phẩm, hàng hóa đó được ban hành và có hiệu lực thi hành.

l) Căn cứ pháp lý của thực tục hành chính

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ;

- Thông tư số 33/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung mã số HS trong danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 29/2016/TT-BCT ngày 13/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 Quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo

Mẫu CBHC/HQ số 28/2012/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY

Số

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...)

.....

Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

.....

Thông tin bổ sung (căn cứ công bố hợp chuẩn/hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...):

.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân) cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của
 (sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường)..... do mình sản xuất,
 kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

....., ngày ... tháng ... năm

....

Đại diện Tổ chức, cá nhân
 (Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

VI. LĨNH VỰC ĐIỆN

18. Cấp Giấy phép hoạt động Tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương. Mã hồ sơ: 2.001561. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tổ chức thẩm định và phê duyệt trong thời gian 08 ngày làm việc. Trong thời gian 03 ngày thẩm định nếu kết quả không đạt thì Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả của TTPVHCC tỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Danh sách trích ngang chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh chủ nhiệm, chức danh giám sát trưởng và các chuyên gia tư vấn khác theo Mẫu 3a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT; bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc không xác định thời hạn của các chuyên gia tư vấn.

- Tài liệu chứng minh kinh nghiệm của các chuyên gia tư vấn (Quyết định phân công nhiệm vụ, giấy xác nhận của các đơn vị có dự án mà chuyên gia đã thực hiện hoặc các tài liệu có giá trị tương đương).

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ (Trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp)

d) Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng quản lý năng lượng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực.

h) Phí, lệ phí:

- **Phí thẩm định:** 800.000 đồng/giấy phép

Ghi chú: Nếu cấp giấy phép 2 lĩnh vực (tư vấn thiết kế và tư vấn giám sát) lên thì mức thu phí thẩm định là: 1.120.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính. Mẫu 1 Cấp giấy phép hoạt động điện lực

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- **Điều kiện cấp giấy phép tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp:**

+ Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật đăng ký hoạt động tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Chuyên gia tư vấn đảm nhận chức danh chủ nhiệm phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành điện; có kinh nghiệm công tác ít nhất 05 năm trong lĩnh vực tư vấn; đã chủ nhiệm ít nhất 01 dự án hoặc tham gia thiết kế ít nhất 02 dự án công trình đường dây và trạm biến áp có hạng tương đương; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trong lĩnh vực thiết kế hạng tương đương.

+ Chuyên gia tư vấn khác phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành trắc địa, địa chất, xây dựng, điện, hệ thống điện, thiết bị điện, tự động hóa; có kinh nghiệm công tác ít nhất 05 năm trong lĩnh vực tư vấn; đã tham gia thiết kế ít nhất 01 dự án công trình đường dây và trạm biến áp có hạng tương đương; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trong lĩnh vực thiết kế hạng tương đương.

- Điều kiện cấp giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp

+ Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật đăng ký hoạt động tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Chuyên gia tư vấn đảm nhận chức danh giám sát trưởng phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành điện; có kinh nghiệm công tác ít nhất 05 năm trong lĩnh vực tư vấn; đã đảm nhận giám sát trưởng ít nhất 01 dự án hoặc tham gia giám sát thi công ít nhất 02 dự án công trình đường dây và trạm biến áp có hạng tương đương; có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trong lĩnh vực giám sát thi công hạng tương đương.

+ Chuyên gia tư vấn khác phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành xây dựng, điện, hệ thống điện, thiết bị điện, tự động hóa; có kinh nghiệm công tác ít nhất 05 năm trong lĩnh vực tư vấn; đã tham gia giám sát thi công ít nhất 01 dự án công trình đường dây và trạm biến áp có hạng tương đương; có

chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trong lĩnh vực giám sát thi công hạng tương đương.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 10 /5/2021 của UBND tỉnh về việc Ủy quyền cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên tổ chức đề nghị:

.....

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại:Điện thoại:Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số:

..... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp , đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

.....

Các giấy tờ kèm theo:

Đề nghị ²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương.

² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương

19. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động Tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền của địa phương: Mã TTHC 2.001632.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tổ chức thẩm định và phê duyệt trong thời gian 05 ngày làm việc. Trong thời gian 02 ngày thẩm định nếu kết quả không đạt thì Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả của TTPVHCC tỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyển giao bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;

+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản; tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc chuyên gia tư vấn theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 21/2020/TT-BCT.

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có

chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ (Trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng quản lý năng lượng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực được sửa đổi, bổ sung.

h) Phí, lệ phí:

- **Phí thẩm định:** 400.000 đồng/giấy phép

Ghi chú: Nếu cấp giấy phép 2 lĩnh vực (Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện) lên thì mức thu phí thẩm định là: 560.000 đồng

i) Tên mẫu đơn, Tờ khai hành chính.

Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 10 /5/2021 của UBND tỉnh về việc Ủy quyền cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

ĐỀ NGHỊ**Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên tổ chức đề nghị:

.....

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại:Điện thoại:Fax:; Email:

.....

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số:

..... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp, đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

Các giấy tờ kèm theo:

-

Đề nghị ²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO
(Ký tên, đóng dấu)¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương.² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương.

20. Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3MW đặt tại địa phương. Mã TTHC: 2.001617.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tổ chức thẩm định và phê duyệt trong thời gian 08 ngày làm việc. Trong thời gian 03 ngày thẩm định nếu kết quả không đạt thì Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; bản sao bằng tốt nghiệp và hợp đồng lao động với chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý vận hành của người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện; tài liệu về kết quả tập huấn sát hạch đạt yêu cầu về an toàn và giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành của đội ngũ trưởng ca nhà máy điện.

- Bản sao Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, chủ trương đầu tư nhà máy điện của cơ quan có thẩm quyền.

- Bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án đầu tư nhà máy điện của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về môi trường.

- Bản sao quyết định phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa của cơ quan có thẩm quyền (đối với nhà máy thủy điện).

- Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt tổ máy hoặc hệ thống pin năng lượng mặt trời; bản sao tài liệu xác định thông số chính của nhà máy điện (thông số tua bin, máy phát, máy biến áp chính).

- Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông phục vụ vận hành thị trường điện; bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống SCADA phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện (đối với nhà máy tham gia thị trường điện).

- Bản sao biên bản nghiệm thu đập thủy điện; phương án bảo vệ đập, phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; báo cáo kết quả kiểm định đập (đối với đập thủy điện đã đến kỳ kiểm định).

- Trường hợp nhà máy điện, tổ máy phát điện dự phòng không nối lưới và chỉ phát điện để bán điện cho khách hàng khi sự cố mất điện từ lưới điện quốc gia, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép không bao gồm nội dung quy định tại Khoản 8 Điều 7 Thông tư số 21/2020/TT-BTC, cụ thể không có ” Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông phục vụ vận hành thị trường điện; bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống SCADA phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện (đối với nhà máy tham gia thị trường điện).”.

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ (trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp).

d) Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng quản lý năng lượng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định: 2.100.000 đồng/giấy phép

i) Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính. Mẫu số 1. Cấp giấy phép hoạt động điện lực (ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật đăng ký hoạt động phát điện phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực được duyệt. Các hạng mục công trình nhà máy điện được xây dựng, lắp đặt theo thiết kế được phê duyệt, được kiểm tra, nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy định.

- Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, vận hành phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện hoặc kỹ thuật phù hợp và có thời gian làm việc trong lĩnh vực phát điện ít nhất 05 năm. Người trực tiếp vận hành phải được đào tạo chuyên ngành phù hợp, được đào tạo về an toàn, được đào tạo và cấp chứng chỉ vận hành nhà máy điện, thị trường điện theo quy định.

- Có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống điều khiển giám sát, thu thập dữ liệu phù hợp với yêu cầu của hệ thống điện và thị trường điện lực theo quy định của pháp luật.

- Có báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án phát điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp nhận, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Có quy trình vận hành hồ chứa đối với nhà máy thủy điện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Các tài liệu pháp lý về an toàn đập thủy điện đối với nhà máy thủy điện theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 10 /5/2021 của UBND tỉnh về việc Ủy quyền cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

ĐỀ NGHỊ**Cấp giấy phép hoạt động điện lực**Kính gửi: **Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.**

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại:Điện thoại:Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số:

..... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp, đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

-.....

Các giấy tờ kèm theo:

-

Đề nghị² ... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương.

21. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3MW đặt tại địa phương. Mã TTHC: 2.001549. 000.00.00. H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tổ chức thẩm định, phê duyệt trong thời gian 05 ngày làm việc. Trong thời gian 02 ngày thẩm định nếu kết quả không đạt thì Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyển giao bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;

+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản; tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 21/2020/TT-BCT.

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có

chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ (trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp) .

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng quản lý năng lượng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy Giấy phép hoạt động điện lực được cấp sửa đổi, bổ sung.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định: 1.050.000 đồng/ giấy phép

i) Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính. Mẫu số 1. Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực (ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Thông tư số 12/2020/TT-BTC ngày 03/3/2020 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung mục II phần A Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.

- Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 10 /5/2021 của UBND tỉnh về việc Ủy quyền cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh.

Mẫu 01**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

ĐỀ NGHỊ**Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại:Điện thoại:Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số:

..... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp, đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

.....

Các giấy tờ kèm theo:.....

Đề nghị²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO
(Ký tên, đóng dấu)¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương.² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương

22. Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 KV tại địa phương. Mã TTHC: 2.001535. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tổ chức thẩm định, phê duyệt trong thời gian 08 ngày làm việc. Trong thời gian 03 ngày thẩm định nếu kết quả không đạt thì Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kinh doanh theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT; bản sao bằng tốt nghiệp của người có tên trong danh sách.

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ (trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp)

d) Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng quản lý năng lượng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực

h) Phí, lệ phí :

- Phí thẩm định: 700.000 đồng/giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính. Mẫu số 1. Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực (ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy và pháp luật về cá nhân đăng ký hoạt động bán lẻ điện phải đáp ứng điều kiện sau:

Người trực tiếp quản lý kinh doanh bán lẻ điện phải có bằng trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành điện, kỹ thuật, kinh tế, tài chính và có thời gian làm việc trong lĩnh vực kinh doanh mua bán điện ít nhất 03 năm.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 10 /5/2021 của UBND tỉnh về việc Ủy quyền cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: **Sở Công Thương tỉnh Bình Phước**

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại:Điện thoại:Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số:

..... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp, đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

.....

Các giấy tờ kèm theo:

.....

Đề nghị² ... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương.

² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương.

23. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 KV tại địa phương. Mã TTHC: 2.001266. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tổ chức thẩm định, phê duyệt trong thời gian 05 ngày làm việc. Trong thời gian 02 ngày thẩm định nếu kết quả không đạt thì Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyển giao bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;

+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản; tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 21/2020/TT-BCT.

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có

chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ (trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng quản lý năng lượng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực được cấp sửa đổi, bổ sung.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định: 350.000 đồng/ giấy phép

i) Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính. Mẫu số 1. Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực (*ban hành* kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 10 /5/2021 của UBND tỉnh về việc Ủy quyền cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

ĐỀ NGHỊ

Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: **Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.**

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại:Điện thoại:Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số:

..... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp, đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

.....

Các giấy tờ kèm theo:

.....

Đề nghị ²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương.

² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương

24. Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 KV tại địa phương. Mã TTHC: 2.001249. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tổ chức thẩm định, phê duyệt trong thời gian 08 ngày làm việc. Trong thời gian 03 ngày thẩm định nếu kết quả không đạt thì Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca vận hành theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT; bản sao bằng tốt nghiệp của người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca vận hành; tài liệu về kết quả tập huấn sát hạch đạt yêu cầu về an toàn hoặc thẻ an toàn điện theo quy định tại Điều 64 Luật Điện lực, giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành của đội ngũ trưởng ca vận hành.

- Danh mục các hạng mục công trình lưới điện chính và phạm vi lưới điện do tổ chức đang quản lý. Trường hợp mua bán, sáp nhập, bàn giao không hoàn vốn tài sản lưới điện phải có Biên bản nghiệm thu theo quy định hoặc Biên bản bàn giao tài sản.

- Bản sao Thỏa thuận đấu nối hoặc Hợp đồng đấu nối vào hệ thống điện quốc gia; Bản đồ ranh giới lưới điện và phạm vi hoạt động.

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ (trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp)

d) Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng quản lý năng lượng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định: 800.000 đồng/ giấy phép

i) Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính. Mẫu số 1. Cấp giấy phép hoạt động điện lực (ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy và pháp luật về đăng ký hoạt động phân phối điện phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có trang thiết bị công nghệ, công trình đường dây và trạm biến áp được xây dựng, lắp đặt theo thiết kế kỹ thuật được duyệt; được kiểm tra, nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy định.

- Người trực tiếp quản lý kỹ thuật phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc nhóm ngành công nghệ kỹ thuật điện và có thời gian làm việc trong lĩnh vực phân phối điện ít nhất 03 năm.

- Người trực tiếp vận hành phải được đào tạo chuyên ngành điện, được đào tạo về an toàn điện và có giấy chứng nhận vận hành theo quy định.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 10 /5/2021 của UBND tỉnh về việc Ủy quyền cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

ĐỀ NGHỊ**Cấp giấy phép hoạt động điện lực**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại:Điện thoại:Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số:

..... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp, đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

.....

Các giấy tờ kèm theo:

.....

Đề nghị²... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương.

25. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 KV tại địa phương. Mã TTHC: 2.001724. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tổ chức thẩm định, phê duyệt trong thời gian 05 ngày làm việc. Trong thời gian 02 ngày thẩm định nếu kết quả không đạt thì Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyển giao bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;

+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản; tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 21/2020/TT-BCT.

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có

chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ (trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp)

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng quản lý năng lượng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động điện lực được cấp sửa đổi, bổ sung

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định: 400.000 đồng/ giấy phép

i) Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính. Mẫu số 1. Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực (ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 10 /5/2021 của UBND tỉnh về việc Ủy quyền cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

ĐỀ NGHỊ

Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên tổ chức đề nghị:

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại:Điện thoại:Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số:
..... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp , đăng ký
lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày
(nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động
sau đây:

-

Các giấy tờ kèm theo:

-

Đề nghị ¹... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... (tên tổ chức đề nghị).

...(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép,
đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương.

26. Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện. Mã hồ sơ: 2.000621.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

Cấp mới đối với các trường hợp:

- Sau khi người lao động được huấn luyện lần đầu và sát hạch đạt yêu cầu;

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ: Trong thời gian hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Sở Công Thương tổ chức kiểm tra về tính hợp lệ của hồ sơ. Sở Công Thương trả lời bằng văn bản yêu cầu Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

+ Hồ sơ hợp lệ và tổ chức huấn luyện: Trong thời gian hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Sở Công Thương xem xét các điều kiện thực tế khác để tổ chức huấn luyện, quy định cụ thể thời gian tổ chức huấn luyện, kiểm tra sát hạch căn cứ vào tình hình thực tế, số lượng người lao động được đề nghị huấn luyện, cấp mới thẻ an toàn điện trong thời gian 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (từ ngày người lao động được huấn luyện lần đầu, huấn luyện định kỳ, huấn luyện lại, kiểm tra đạt yêu cầu).

+ Hồ sơ hợp lệ nhưng không tổ chức huấn luyện: Trong thời gian hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Sở Công Thương xem xét các điều kiện thực tế khác để tổ chức huấn luyện. Trường hợp từ chối huấn luyện, sát hạch và cấp mới thẻ an toàn điện, Sở Công Thương phải trả lời người sử dụng lao động bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận một cửa của Trung tâm Hành chính công của tỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;

- 02 ảnh (2x3)cm của người lao động.

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ (trường hợp gửi qua đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp).

d) Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày người lao động được huấn luyện lần đầu, huấn luyện định kỳ, huấn luyện lại, kiểm tra đạt yêu cầu.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo thuộc tổ chức hoạt động theo Luật Điện lực và các luật khác có liên quan, phạm vi hoạt động tại khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý năng lượng

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ An toàn điện.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu/ điều kiện thực hiện TTHC: Người làm công việc vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo mới được tuyển dụng hoặc chuyển từ công việc khác sang.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

- Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

- Thông tư số 13/2022/TT-BCT ngày 25 tháng 8 năm 2022 Bãi bỏ khoản 6 Điều 7 Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

27. Cấp lại thẻ an toàn điện. Mã hồ sơ: 2.000643. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2:

+ Hồ sơ chưa hợp lệ: Trong thời gian hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Sở Công Thương xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Sở Công Thương trả lời bằng văn bản yêu cầu Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

+ Hồ sơ hợp lệ và cấp lại thẻ (làm hỏng, làm mất thẻ): Trong thời gian hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Sở Công Thương xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương thực hiện cấp lại thẻ an toàn điện cho người lao động.

+ Hồ sơ hợp lệ và từ chối cấp lại thẻ: Trong thời gian hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Sở Công Thương xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp từ chối cấp lại thẻ an toàn điện, Sở Công Thương phải trả lời người sử dụng lao động bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận 1 của Trung tâm Hành chính công tỉnh

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;

- 02 ảnh (2x3)cm và thẻ an toàn điện cũ (nếu có) của người lao động.

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có

chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo thuộc tổ chức hoạt động theo Luật Điện lực và các luật khác có liên quan, phạm vi hoạt động tại khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý năng lượng

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ An toàn điện.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC: Người làm công việc vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo làm mất hoặc làm hỏng thẻ an toàn điện.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

- Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

- Thông tư số 13/2022/TT-BCT ngày 25 tháng 8 năm 2022 Bãi bỏ khoản 6 Điều 7 Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

28. Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện. Mã hồ sơ: 2.000638.000.00.00.H10

a) Cách thức thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2:

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: Trong thời gian hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Sở Công Thương trả lời bằng văn bản yêu cầu Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, từ chối huấn luyện, sát hạch và cấp sửa đổi bổ sung thẻ an toàn điện: Trong thời gian hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Sở Công Thương phải trả lời người sử dụng lao động bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối huấn luyện, sát hạch và cấp sửa đổi bổ sung thẻ an toàn điện.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và tổ chức huấn luyện, sát hạch và cấp sửa đổi bổ sung thẻ an toàn điện: Trong thời gian hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Sở Công Thương quy định cụ thể thời gian tổ chức, thời gian kiểm tra sát hạch căn cứ vào tình hình thực tế, số lượng người lao động được đề nghị huấn luyện, cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc, kể từ ngày người lao động được huấn luyện và kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu, Sở Công Thương cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện cho người lao động.

- Bước 3: Đến ngày hẹn Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận 1 của Trung tâm Hành chính công

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;

- 02 ảnh (2x3)cm và thẻ an toàn điện cũ (nếu có) của người lao động.

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có

chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo thuộc tổ chức hoạt động theo Luật Điện lực và các luật khác có liên quan, phạm vi hoạt động tại khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý năng lượng

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ An toàn điện.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu điều kiện: Người làm công việc vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo chuyển đổi vị trí công việc hoặc thay đổi bậc an toàn hoặc có sự thay đổi thiết bị, công nghệ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

- Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

- Thông tư số 13/2022/TT-BCT ngày 25 tháng 8 năm 2022 Bãi bỏ khoản 6 Điều 7 Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

VIII. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP , HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

29. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP). Mã TTHC 2.001640.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công chuyển cho Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị cấp giấy phép bổ sung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện cấp phép thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt đề thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với các hoạt động: (i) Xây dựng công trình mới; (ii) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; (iii) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; (iv) Nuôi trồng thủy sản; (v) Xây dựng công trình ngầm bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;

- Bản vẽ thiết kế thi công đối với trường hợp (i) Xây dựng công trình mới (ii) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; (iii) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; (v) Xây dựng công trình ngầm;

- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy điện;

- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện;

- Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cơ giới đường bộ; phương tiện đường thủy nội địa;

- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy điện;

- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện.

3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;

- Dự án đầu tư được phê duyệt;

- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy điện;

- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện.

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;

- Bản sao hộ chiếu nổ mìn
- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;
- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy điện;
- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện.

5. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động trồng cây lâu năm bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP
- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép
- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy điện
- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện

6. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy điện, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;
- Bản đồ tỷ lệ 1/5.000 khu vực xử lý nước thải, vị trí xả nước thải vào hệ thống công trình thủy điện;
- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện;
- Bản vẽ thiết kế thi công, quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải;
- Kết quả phân tích chất lượng nước của công trình thủy lợi tại vị trí xả nước thải; kết quả phân tích chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý đối với trường hợp đang xả nước thải vào công trình thủy điện;
- Đề án xả nước thải vào công trình thủy điện đối với trường hợp chưa xả nước thải; báo cáo hiện trạng xả nước thải đối với trường hợp đang xả nước thải vào công trình thủy điện;
- Bản sao giấy tờ quyền sử dụng đất khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải.

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với các hoạt động: (i) Xây dựng công trình mới; (ii) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; (iii) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; (iv) Xây dựng công trình ngầm: 17 ngày làm việc

- Đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy điện: 21 ngày làm việc.

- Đối với hoạt động trồng cây lâu năm: 07 ngày làm việc.

- Đối với hoạt động: (i) Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ; (ii) Nuôi trồng thủy sản; (iii) Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác: 10 ngày làm việc.

- Đối với hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ: 05 ngày làm việc..

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: **Mẫu số 01.** Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: **Không.**

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

- Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ...tháng ...năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG
TRÌNH THỦY ĐIỆN****Kính gửi:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Sở Công Thương.

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đề nghị được cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy điện (tên công trình thủy điện) do (tên tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình thủy điện) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:
- Nội dung:.....
- Vị trí của các hoạt động.....
- Thời hạn đề nghị cấp phép.....; từ... ngày... tháng năm... đến ngày...tháng... năm

Đề nghị Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cấp phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)

30. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP): Mã TTHC 2.001607. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính chuyên cho Sở Công Thương; Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, đối với các hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép không đảm bảo điều kiện cấp giấy phép theo quy định, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị cấp lại giấy phép bổ sung hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện cấp lại giấy phép thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét cấp lại giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện cấp lại giấy phép, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt để thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp giấy phép bị mất, bị rách, hư hỏng, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép.

- Trường hợp tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép.

+ Tài liệu chứng minh việc thay đổi tên chủ Giấy phép trực tiếp.

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp giấy phép bị mất, bị rách, hư hỏng.

- Tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

- Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

31. Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP). Mã TTHC: 2.001587.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công chuyển cho Sở Công Thương; Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, đối với các hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép không đảm bảo điều kiện gia giấy phép theo quy định, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép bổ sung hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét gia hạn, điều chỉnh giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt để thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo mẫu quy định tại Mẫu 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;

- Bản vẽ thiết kế thi công bổ sung hoặc Dự án đầu tư bổ sung đối với trường hợp đề nghị Điều chỉnh nội dung giấy phép quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 6 và Khoản 10 Điều 13 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP; báo cáo

phân tích chất lượng nước thải đối với trường hợp đề nghị Điều chỉnh nội dung giấy phép quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP.

- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp;
- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện.

** Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử.*

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với hoạt động: (i) Xây dựng công trình mới; (ii) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; (iii) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; (iv) Xả nước thải vào công trình thủy điện, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ; (v) Xây dựng công trình ngầm: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với hoạt động: (i) Trồng cây lâu năm; (ii) Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với hoạt động: (i) Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ; (ii) Nuôi trồng thủy sản; (iii) Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Mẫu số 02. Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp cấp điều chỉnh: Nội dung giấy phép có sự thay đổi cần điều chỉnh;
- Đối với trường hợp gia hạn: phải nộp hồ sơ trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất 45 ngày.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện;

- Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Mẫu đơn kèm theo

Mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 67/2018/NĐ-CP

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--

....., ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN**

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn/ điều chỉnh nội dung giấy phép:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đang tiến hành các hoạt độngtrong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện tại vị trí theo giấy phép số.... ngày... tháng... năm... do (Tên cơ quan cấp phép); thời hạn sử dụng giấy phép từ..... đến

Đề nghị Sở Công Thương xem xét và cấp giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép) được tiếp tục hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện với những nội dung sau:

- Tên các hoạt động đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung:
- Vị trí của các hoạt động
- Nội dung:
- Thời hạn đề nghị gia hạn...; từ.... ngày... tháng... năm.. đến ngày... tháng... năm....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét và cấp giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) gia hạn (hoặc điều chỉnh) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)

32. Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã TTHC: 2.001322.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính chuyên cho Sở Công Thương thụ lý xem xét; Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, đối với các hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện không đảm bảo điều kiện thẩm định, phê duyệt theo quy định, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện bổ sung hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện phê duyệt thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt để thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt;
- Dự thảo quy trình vận hành hồ chứa nước;
- Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật;
- Bản đồ hiện trạng công trình;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;

- Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

*Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

- Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Biểu mẫu, tờ khai

TÊN CÔNG TY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CTy-..

Bình Phước, ngày tháng năm 202

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thủy điện

.....

Kính gửi:

- UBND tỉnh;

- Sở Công Thương.

- Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện;

- Căn cứ Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

Ctyđề nghị Sở Công Thương, UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thủy điện, cụ thể với các nội dung sau:

1. Thông tin về dự án/công trình.

.....

2. Các nội dung chính của quy trình

.....

.....

3. Tài liệu đính kèm

.....

.....

Công ty đề nghị Sở Công Thương, UBND tỉnh sớm thẩm định, phê duyệt./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

- Như trên:

- Lưu: VT.

33. Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã TTHC: 2.001292. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển cho Sở Công Thương; Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, đối với các hồ sơ đề nghị điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện không đảm bảo điều kiện điều chỉnh quy trình theo quy định, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện bổ sung hồ sơ đề nghị điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện phê duyệt điều chỉnh thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt để thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị điều chỉnh
- Dự thảo quy trình
- Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật
- Bản đồ hiện trạng công trình;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

*Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khi nhu cầu dùng nước hoặc nguồn nước, quy mô, nhiệm vụ công trình thay đổi hoặc quy trình vận hành không còn phù hợp thì phải điều chỉnh quy trình vận hành.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

- Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Biểu mẫu, tờ khai

TÊN CÔNG TY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CTy-..

Bình Phước, ngày tháng năm 202

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thủy điện

Kính gửi:

- UBND tỉnh;
- Sở Công Thương.

- Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện;

- Căn cứ Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

Ctyđề nghị Sở Công Thương, UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thủy điện, cụ thể với các nội dung sau:

1. Thông tin về dự án/công trình.

.....

2. Các nội dung chính đề nghị điều chỉnh quy trình

.....

.....

3. Tài liệu đính kèm

.....

Công ty đề nghị Sở Công Thương, UBND tỉnh sớm thẩm định, phê duyệt./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

- Như trên:

- Lưu: VT.

34. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã TTHC: 2.001313.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển cho Sở Công Thương thụ lý xem xét; Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, đối với các hồ sơ đề nghị Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện không đảm bảo điều kiện thẩm định, phê duyệt theo quy định, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện bổ sung hồ sơ đề nghị Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện phê duyệt thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt để thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án;
- Dự thảo phương án;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;

- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

*Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý năng lượng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

- Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý án toàn đập, hồ chứa thủy điện.

*Biểu mẫu, tờ khai***TÊN CÔNG TY****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: /CTy-..****Bình Phước, ngày tháng năm 202****TỜ TRÌNH****Đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình
vùng hạ du đập thủy điện****Kính gửi:**

- UBND tỉnh;
- Sở Công Thương.

- Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện;

- Căn cứ Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

Ctyđề nghị Sở Công Thương, UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt **phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện**, cụ thể với các nội dung sau:

1. Thông tin về dự án/công trình.

.....

2. Các nội dung chính của phương án

.....

3. Tài liệu đính kèm

.....

Công ty đề nghị Sở Công Thương, UBND tỉnh sớm thẩm định, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên:
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

35. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã TTHC: 2.001300.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển cho Sở Công Thương; Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, đối với các hồ sơ đề nghị Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện không đảm bảo điều kiện thẩm định, phê duyệt theo quy định, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện bổ sung hồ sơ.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện phê duyệt thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt để thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt;
- Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

- Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Biểu mẫu, tờ khai

TÊN CÔNG TY CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CTy-.. Bình Phước, ngày tháng năm 202

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện

Kính gửi:

- UBND tỉnh;**
- Sở Công Thương.**

- Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện;

- Căn cứ Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

Ctyđề nghị Sở Công Thương, UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện , cụ thể với các nội dung sau:

1. Thông tin về dự án/công trình.
.....
2. Các nội dung chính của phương án
.....
3. Tài liệu đính kèm
.....

Công ty đề nghị Sở Công Thương, UBND tỉnh sớm thẩm định, phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên:
- Lưu: VT

GIÁM ĐỐC

36. Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện. Mã TTHC: 2.001384. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển cho Sở Công Thương; Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, đối với các hồ sơ đề nghị Thẩm định

nh, phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện không đảm bảo điều kiện thẩm định, phê duyệt theo quy định, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện bổ sung hồ sơ đề nghị Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện phê duyệt thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt để thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt;
- Phương án cấm mốc chỉ giới.

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có

chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Công Thương có trách nhiệm tổ chức thẩm định:

Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt.

Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành hoặc không phù hợp với đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành văn bản yêu cầu chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện điều chỉnh, bổ sung phương án cấm mốc chỉ giới.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Các trường hợp phải cấm mốc chỉ giới:

- Đập của hồ chứa thủy điện có dung tích từ 500.000 m³ trở lên;

- Đập có chiều cao từ 15m trở lên.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

- Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

*Biểu mẫu, tờ khai***TÊN CÔNG TY****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: /CTy-..*****Bình Phước, ngày tháng năm 202*****TỜ TRÌNH****Đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện****Kính gửi:**

- UBND tỉnh;
- Sở Công Thương.

- Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện;

- Căn cứ Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

Ctyđề nghị Sở Công Thương, UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện, cụ thể với các nội dung sau:

1. Thông tin về dự án/công trình.

.....

2. Các nội dung chính của phương án

.....

3. Tài liệu đính kèm

.....

Công ty đề nghị Sở Công Thương, UBND tỉnh sớm thẩm định, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên:
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

VIII. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

37. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện. Mã TTHC: 2.000591.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương (sau đây gọi là cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) lập một (01) bộ hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công địa chỉ: Số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Bước 2: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Sau 30 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ thì hồ sơ không còn giá trị.

Bước 3: Xem xét, thẩm định, cấp Giấy chứng nhận:

- Sau khi kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương Quyết định thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở. Đoàn thẩm định có từ 03 đến 05 thành viên, trong đó phải có ít nhất 02 thành viên làm công tác chuyên môn về thực phẩm hoặc an toàn thực phẩm (có bằng cấp về thực phẩm hoặc an toàn thực phẩm) hoặc quản lý về an toàn thực phẩm. Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở được mời chuyên gia độc lập có chuyên môn phù hợp tham gia. Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở.

- Nội dung thẩm định thực tế tại cơ sở: Kiểm tra tính thống nhất của hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận gửi cơ quan có thẩm quyền với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở; Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định.

- Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở: Kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” vào Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, cơ sở kinh doanh thực phẩm hoặc cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm. Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định. Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày kể từ ngày có biên bản thẩm định. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục và nộp phí thẩm định về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục. Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị. Trường hợp kết quả thẩm định lại “Không đạt” hoặc quá thời hạn khắc phục mà cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục, cơ quan có thẩm quyền thông báo

bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.

- Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;
- Bảo sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của cơ sở.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại, Phòng Quản lý Công nghiệp

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

h) Phí, Lệ phí:

- 1.000.000 đồng/lần/cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh);
- 2.500.000 đồng/ lần/cơ sở (đối với cơ sở sản xuất);
- 2.500.000 đồng/ lần/cơ sở (đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

*** Điều kiện chung:**

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

+ Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm;

+ Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm: Thực hiện việc gửi bản cam kết đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

+ Đối tượng được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm: Thực hiện việc gửi bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.”

*** Điều kiện riêng**

- Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

+ Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;

+ Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;

+ Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;

+ Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;

+ Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;

+ Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;

- Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

- Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;

- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu số 01a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày....tháng....năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Cơ sở sản xuất, kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp):.....

Địa điểm tại:

Điện thoại:Fax:

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (tên sản phẩm):

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất
- Cơ sở kinh doanh
- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh
- Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm

(tên cơ sở)

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

(1) : kèm theo Danh sách nhóm sản phẩm

(2) : Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI

(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)

| STT | Tên cơ sở thuộc chuỗi | Địa chỉ | Thời hạn GCN | Ghi chú |
|------------|------------------------------|----------------|---------------------|----------------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |

DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM

(Kèm theo mẫu đơn đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)

| STT | Tên nhóm sản phẩm | Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận |
|------------|---|---|
| I | Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế | |
| 1 | Nước uống đóng chai | |
| 2 | Nước khoáng thiên nhiên | |
| 3 | Thực phẩm chức năng | |
| 4 | Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng | |
| 5 | Phụ gia thực phẩm | |
| 6 | Hương liệu thực phẩm | |
| 7 | Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm | |
| 8 | Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm) | |
| 9 | Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | |
| II | Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | |
| 1 | Ngũ cốc | |

| | | |
|------------|--|--|
| 2 | Thịt và các sản phẩm từ thịt | |
| 3 | Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư) | |
| 4 | Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả | |
| 5 | Trứng và các sản phẩm từ trứng | |
| 6 | Sữa tươi nguyên liệu | |
| 7 | Mật ong và các sản phẩm từ mật ong | |
| 8 | Thực phẩm biến đổi gen | |
| 9 | Muối | |
| 10 | Gia vị | |
| 11 | Đường | |
| 12 | Chè | |
| 13 | Cà phê | |
| 14 | Ca cao | |
| 15 | Hạt tiêu | |
| 16 | Điều | |
| 17 | Nông sản thực phẩm khác | |
| 18 | Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. | |
| III | Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương | |
| 1 | Bia | |
| 2 | Rượu, Cồn và đồ uống có cồn | |
| 3 | Nước giải khát | |
| 4 | Sữa chế biến | |
| 5 | Dầu thực vật | |
| 6 | Bột, tinh bột | |
| 7 | Bánh, mứt, kẹo | |

Mẫu số 02a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại: Fax
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

| T T | Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ) | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ | | | Ghi chú |
|--------|--|----------|--|-------|-----|---------|
| | | | Tốt | Trung | Kém | |
| | | | | | | |

| | | | | bình | | |
|---|--|--|--|------|--|--|
| I Trang thiết bị, dụng cụ hiện có | | | | | | |
| 1 | Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất | | | | | |
| 2 | Dụng cụ bao gói sản phẩm | | | | | |
| 3 | Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm | | | | | |
| 4 | Thiết bị bảo quản thực phẩm | | | | | |
| 5 | Thiết bị khử trùng, thanh trùng | | | | | |
| 6 | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ | | | | | |
| 7 | Thiết bị giám sát | | | | | |
| 8 | Phương tiện rửa và khử trùng tay | | | | | |
| 9 | Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu | | | | | |
| 10 | Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại | | | | | |
| 11 | Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm | | | | | |
| II Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung | | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại:Fax
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanhm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

| TT | Tên trang, thiết bị | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị | | | Ghi chú |
|----------|--|----------|---|------------|-----|---------|
| | | | Tốt | Trung bình | Kém | |
| I | Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có | | | | | |

| | | | | | | |
|---|--|--|--|--|--|--|
| 1 | Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm | | | | | |
| 2 | Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm | | | | | |
| 3 | Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyên sản phẩm | | | | | |
| 4 | Dụng cụ rửa và sát trùng tay | | | | | |
| 5 | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ | | | | | |
| 6 | Trang bị bảo hộ | | | | | |
| 7 | Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại | | | | | |
| 8 | Dụng cụ, thiết bị giám sát | | | | | |
| II Trang, thiết bị dự kiến bổ sung | | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày....tháng....năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:
2. Địa chỉ Cơ sở:
3. Số điện thoại:Fax:Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

| TT | Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của | Nguyên nhân sai lỗi | Biện pháp khắc phục | Kết quả |
|----|--|---------------------|---------------------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

38. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện. Mã TTHC: 2.000535.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương lập một (01) bộ hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công địa chỉ: Số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Xem xét, thẩm định cấp Giấy chứng nhận:

+ Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét, thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho thương nhân, trường hợp từ chối phải bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- **Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc bị hỏng**
+ Đơn đề nghị cấp lại.

- **Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực**

+ Đơn đề nghị cấp lại;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm;

+ Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của cơ sở.

- **Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh**

+ Đơn đề nghị cấp lại;

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi tên cơ sở.

- **Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh**

+ Đơn đề nghị cấp lại;

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất; mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại, phòng Quản lý Công nghiệp.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

h) Phí, Lệ phí:

* Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 0 đồng

* Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ mặt hàng kinh doanh: 0 đồng

* Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 0 đồng

* Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:

+ 1.000.000 đồng/ lần/cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh);

+ 2.500.000 đồng/ lần/cơ sở (đối với cơ sở sản xuất);

+ 2.500.000 đồng/ lần/cơ sở (đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa

sản xuất vừa kinh doanh) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh

*** Điều kiện chung:**

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

+ Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm;

+ Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm: Thực hiện việc gửi bản cam kết đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

+ Đối tượng được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm: Thực hiện việc gửi bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.”

*** Điều kiện riêng**

- Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:
- + Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- + Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

- Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;

- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT.

D) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu số 01b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày....tháng....năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: *(tên cơ quan có thẩm quyền cấp)*.....

Tên cơ sởđề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số.....ngày cấp

.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận *(ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này)*:

.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại: Fax
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

| T T | Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ) | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ | | | Ghi chú |
|--|--|----------|--|------------|-----|---------|
| | | | Tốt | Trung bình | Kém | |
| I Trang thiết bị, dụng cụ hiện có | | | | | | |
| 1 | Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất | | | | | |

| | | | | | | |
|---|--|--|--|--|--|--|
| 2 | Dụng cụ bao gói sản phẩm | | | | | |
| 3 | Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm | | | | | |
| 4 | Thiết bị bảo quản thực phẩm | | | | | |
| 5 | Thiết bị khử trùng, thanh trùng | | | | | |
| 6 | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ | | | | | |
| 7 | Thiết bị giám sát | | | | | |
| 8 | Phương tiện rửa và khử trùng tay | | | | | |
| 9 | Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu | | | | | |
| 10 | Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại | | | | | |
| 11 | Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm | | | | | |
| II Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung | | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH
THỰC PHẨM**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại:Fax
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanhm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

| TT | Tên trang, thiết bị | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị | | | Ghi chú |
|--|---|----------|---|------------|-----|---------|
| | | | Tốt | Trung bình | Kém | |
| I Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có | | | | | | |
| 1 | Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm | | | | | |

| | | | | | | |
|---|--|--|--|--|--|--|
| 2 | Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm | | | | | |
| 3 | Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm | | | | | |
| 4 | Dụng cụ rửa và sát trùng tay | | | | | |
| 5 | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ | | | | | |
| 6 | Trang bị bảo hộ | | | | | |
| 7 | Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại | | | | | |
| 8 | Dụng cụ, thiết bị giám sát | | | | | |
| II Trang, thiết bị dự kiến bổ sung | | | | | | |
| 1 | | | | | | |

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày....tháng....năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:
2. Địa chỉ Cơ sở:
3. Số điện thoại:Fax:Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục

| TT | Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của | Nguyên nhân sai lỗi | Biện pháp khắc phục | Kết quả |
|----|--|---------------------|---------------------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| 4 | | | | |
| 5 | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

IX. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

39 Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm). Mã TTHC: 2.001646.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

+ Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc bản sao một trong các giấy chứng nhận sau: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (EFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000).

+ Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

+ Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà doanh nghiệp sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.

+ Bản sao bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của cán bộ kỹ thuật.

* số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/doanh nghiệp.

- Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Tại Điều 8, Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

+ Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

+ Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất.

+ Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.

+ Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.

+ Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu.

+ Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề SX rượu.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Mẫu số 01

**TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
----- NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm
.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
.....

Kính gửi:

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do.....cấp ngày..... tháng năm
.....

Đề nghị..... xem xét cấp Giấy phép....., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu:

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu: của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:.....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

.....

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

.....

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu: của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu: của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:

Được phép mua các loại rượu: của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau:

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

.....⁽⁶⁾ ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày... tháng ... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

: Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

: Ghi rõ tên, địa chỉ.

⁽⁶⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

40. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (dưới 3 triệu lít/năm). Mã TTHC: 2.001636.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

+ Bản sao Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã cấp.

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có giấy phép hết hạn, bị mất, bị hỏng.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (cấp lại lần thứ...)

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/doanh nghiệp.

- Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị Sửa đổi, bổ sung Giấy theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

+ Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có giấy phép hết hạn, bị mất, bị hỏng.

+ Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất.

+ Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.

+ Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.

+ Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu.

+ Có Cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

Đối với trường hợp Giấy phép hết hạn: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP-.....

Kính gửi:

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:

Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.....Điện thoại:

.....Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sốdocấp ngàytháng..... năm

Giấy phép..... đã được cấp số..... do ... cấp ngày ...thángnăm

Giấy phép... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm đề nghị xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép....., với lý do cụ thể như sau:

Thông tin cũ:

Thông tin mới:

..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).

: Cơ quan cấp phép: Sở Công Thương

: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

**41. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (dưới 3 triệu lít/năm).
Mã TTHC: 2.001630.000.00.00.H10**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

- Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp do bị mất hoặc bị hỏng: Hồ sơ đề nghị cấp lại bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có);

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có giấy phép hết hạn, bị mất, bị hỏng.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (cấp lại lần thứ...)

h) Phí, Lệ phí:

- Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực:

+ Phí thẩm định Giấy phép sản xuất rượu: 2.200.000 đồng/doanh nghiệp.

- Lệ phí: không
- Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp do bị mất hoặc bị hỏng.
- + Phí thẩm định Giấy phép sản xuất rượu: 2.200.000 đồng/doanh nghiệp.
- + Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- + Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có giấy phép hết hạn, bị mất, bị hỏng.
- + Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất.
- + Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.
- + Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.
- + Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP-.....
(trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)**

Kính gửi:.....-.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:Điện thoại:

Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:Điện thoại: Fax:

.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sốdocấp ngày ...tháng..... năm

Giấy phép.....-...đã được cấp số.... do cấp ngày ... tháng năm

.....

Giấy phép...-...đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm

.....-..... đề nghị-..... xem xét cấp lại Giấy phép.....-....., với lý do cụ thể như sau:.....-.....

.....-..... xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số..... /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

- : Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)

- : Cơ quan cấp phép: Sở Công Thương.

- : Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

- : Lý do xin cấp lại.

42. Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ. Mã TTHC: 1.010696.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân lập một (01) bộ hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công địa chỉ: Số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Bước 2: Trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy tiếp nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ bao gồm:

- Bản chính thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ theo Mẫu số 3a của Phụ lục kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP.

- Bản sao Giấy xác nhận làm thương nhân kinh doanh xăng dầu theo các loại hình tương ứng theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP.

- Bản sao Chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy của nhân viên kinh doanh trực tiếp.

- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.

* Trường hợp thương nhân thay đổi thông tin trên Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ, thương nhân nộp hồ sơ chứng minh việc thay đổi thông tin hoặc trường hợp Giấy tiếp nhận bị thất lạc, hỏng, thương nhân nộp hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 24a Nghị định số 95/2021/NĐ-CP (Điều 24a được bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 nghị định số 95/2021/NĐ-CP) để được Sở Công Thương cấp lại Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân Việt Nam theo quy định của Luật Thương mại.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ theo Mẫu số 3a tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Được kiểm soát về đo lường và kiểm định an toàn bởi các cơ quan chức năng theo quy định;

- Hoạt động tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa theo hướng dẫn của Bộ Công Thương phù hợp với các quy định hiện hành.

- Thuộc sở hữu của thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014

của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy chứng nhận thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu số 3

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm.....

THÔNG BÁO KINH DOANH XĂNG DẦU
BẰNG THIẾT BỊ BÁN XĂNG DẦU QUY MÔ NHỎ

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:.....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do
 cấp ngàytháng năm

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp, cấp thay đổi thông tin Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng:.....

Địa chỉ kinh doanh.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

43. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương. Mã TTHC: 2.000674.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân lập một (01) bộ hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công địa chỉ: Số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

a) Đối với trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

- Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh theo quy định tại Khoản 5 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;

- Bản chính Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP), kèm theo các tài liệu chứng minh;

- Bản chính danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP), kèm theo các tài liệu chứng minh;

- Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho tổng đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.

b) Trường hợp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hết hiệu lực thi hành, thương nhân phải lập hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và gửi về cơ quan có thẩm quyền trước ít nhất ba mươi (30) ngày làm việc, trước khi Giấy xác nhận hết hiệu lực.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân Việt Nam theo quy định của Luật Thương mại.

- Thương nhân có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước và có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn tỉnh Bình Phước

- Không áp dụng đối với thương nhân nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và pha chế các loại xăng dầu chuyên dùng cho nhu cầu riêng của mình với số lượng không quá 200 lít/kg/tháng và không lưu thông trên thị trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

h) Phí, Lệ phí:

- Tại các thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng;

- Tại các huyện: 600.000 đồng;

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

- Có kho, bể chứa xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

- Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

- Có hệ thống phân phối xăng dầu: tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên, trong đó có ít nhất ba (03) cửa hàng thuộc sở hữu; tối thiểu mười (10) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc các đại lý được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và khoản 20 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP.

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy chứng nhận thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

44. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương. Mã THC: 2.000666.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân lập một (01) bộ hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công địa chỉ: Số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu, hồ sơ gồm:

- Bản chính Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu;

- Bản gốc Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân Việt Nam theo quy định của Luật Thương mại.
- Thương nhân có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước và có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn tỉnh Bình Phước

- Không áp dụng đối với thương nhân nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và pha chế các loại xăng dầu chuyên dùng cho nhu cầu riêng của mình với số lượng không quá 200 lít/kg/tháng và không lưu thông trên thị trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân kinh doanh xăng dầu đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy chứng nhận thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu số 7**TÊN DOANH
NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY XÁC NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên doanh nghiệp:.....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp ngày... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương tỉnh Bình Phước xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên tỉnh Bình Phước.

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

45. Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương. Mã TTHC: 2.000664.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân lập một (01) bộ hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công địa chỉ: Số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Bước 2: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Trường hợp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác, hồ sơ gồm:

- Bản chính Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (nếu có).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân Việt Nam theo quy định của Luật Thương mại.
- Thương nhân có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước và có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn tỉnh Bình Phước
- Không áp dụng đối với thương nhân nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và pha chế các loại xăng dầu chuyên dùng cho nhu cầu riêng của mình với số lượng không quá 200 lít/kg/tháng và không lưu thông trên thị trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân kinh doanh xăng dầu đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy chứng nhận thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

46. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu. Mã TTHC: 2.000673.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân lập một (01) bộ hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công địa chỉ: Số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;

- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ môi trường, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp kinh doanh;

- Bản chính Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu chứng minh;

- Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân Việt Nam theo quy định của Luật Thương mại.
- Thương nhân có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước và có hệ thống từ hai (02) cửa hàng bán lẻ xăng dầu trở lên trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
- Trường hợp thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu chỉ có một (01) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê không phải thực hiện việc cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.
- Không áp dụng đối với thương nhân nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và pha chế các loại xăng dầu chuyên dùng cho nhu cầu riêng của mình với số lượng không quá 200 lít/kg/tháng và không lưu thông trên thị trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

h) Phí, Lệ phí:

- Tại các thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng;
- Tại các huyện: 600.000 đồng;

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và khoản 20 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP.
- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy chứng nhận thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

47. Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu. Mã TTHC: 2.000669.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân lập một (01) bộ hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công địa chỉ: Số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Trường hợp thay đổi các nội dung của Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu, hồ sơ gồm:

- Bản chính Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Bản gốc Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đã được cấp;
- Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân Việt Nam theo quy định của Luật Thương mại.
- Thương nhân có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước và có hệ thống từ hai (02) cửa hàng bán lẻ xăng dầu trở lên trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Trường hợp thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu chỉ có một (01) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê không phải thực hiện việc cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

- Không áp dụng đối với thương nhân nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và pha chế các loại xăng dầu chuyên dùng cho nhu cầu riêng của mình với số lượng không quá 200 lít/kg/tháng và không lưu thông trên thị trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân kinh doanh xăng dầu đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy chứng nhận thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

48. Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu. Mã TTHC: 2.000672. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân lập một (01) bộ hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công địa chỉ: Số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Bước 2: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Trường hợp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác, hồ sơ gồm:

- Bản chính Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu;

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (nếu có).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân Việt Nam theo quy định của Luật Thương mại.
- Thương nhân có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước và có hệ thống từ hai (02) cửa hàng bán lẻ xăng dầu trở lên trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Trường hợp thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu chỉ có một (01) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê không phải thực hiện việc cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

- Không áp dụng đối với thương nhân nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và pha chế các loại xăng dầu chuyên dùng cho nhu cầu riêng của mình với số lượng không quá 200 lít/kg/tháng và không lưu thông trên thị trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân kinh doanh xăng dầu đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy chứng nhận thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

49. Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu. Mã TTHC: 2.000648.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân lập một (01) bộ hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công địa chỉ: Số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ:
- * Đối với trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:
 - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;
 - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;
 - Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
 - Bản sao tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu (Giấy phép xây dựng hoặc văn bản thông báo thẩm định thiết kế bản vẽ thi công công trình cửa hàng xăng dầu và thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng cửa hàng xăng dầu);

- Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nhân viên cửa hàng (phòng cháy chữa cháy; bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu);

- Bản sao văn bản xác nhận cung cấp hàng cho các cửa hàng xăng dầu của thương nhân cung cấp;

- Bản sao giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng thuê đất và tài sản gắn liền với đất...).

* Trường hợp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết hiệu lực thi hành, thương nhân phải lập hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và khoản 20 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP trước ít nhất ba mươi (30) ngày làm việc, trước khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực. Trường hợp cửa hàng xăng dầu không xây mới hoặc cải tạo, mở rộng, hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực thi hành không bao gồm tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân Việt Nam theo quy định của Luật Thương mại.

- Không áp dụng đối với thương nhân nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và pha chế các loại xăng dầu chuyên dùng cho nhu cầu riêng của mình với số lượng không quá 200 lít/kg/tháng và không lưu thông trên thị trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

h) Phí, Lệ phí:

- Tại các thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng;

- Tại các huyện: 600.000 đồng;

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu). Trường hợp đi thuê cửa hàng bán lẻ xăng dầu, thương nhân đi thuê phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

- Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu, bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy chứng nhận thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu số 3**TÊN DOANH
NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / , ngày tháng năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên doanh nghiệp:.....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... Số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do
cấp ngàytháng năm

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu:.....

Địa chỉ

Điện thoại:..... số Fax:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

50. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu. Mã TTHC: 2.000645.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân lập một (01) bộ hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công địa chỉ: Số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Trường hợp thay đổi các nội dung của Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, hồ sơ gồm:

- Bản chính Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;
- Bản gốc Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được cấp;
- Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân Việt Nam theo quy định của Luật Thương mại.

- Không áp dụng đối với thương nhân nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và pha chế các loại xăng dầu chuyên dùng cho nhu cầu riêng của mình với số lượng không quá 200 lít/kg/tháng và không lưu thông trên thị trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân kinh doanh xăng dầu đã được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy chứng nhận thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu số 3**TÊN DOANH
NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày tháng năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU****Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.**

Tên doanh nghiệp:.....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do
cấp ngàytháng năm

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu:.....

Địa chỉ

Điện thoại:..... số Fax:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

51. Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu. Mã TTHC: 2.000647.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân lập một (01) bộ hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công địa chỉ: Số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Bước 2:

+ Đối với cấp lại do bị mất, bị cháy, bị rách... Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho thương nhân. Trong hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với cấp lại khi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết hiệu lực, Thương nhân phải lập hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới gửi về Sở Công Thương trước ít nhất ba mươi (30) ngày làm việc, trước khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

* Đối với cấp lại do bị mất, bị cháy, bị rách..., hồ sơ gồm:

- Bản chính Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (nếu có).

* Đối với cấp lại khi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết hiệu lực, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;

- Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

- Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nhân viên cửa hàng (phòng cháy chữa cháy; bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu);

- Bản sao văn bản xác nhận cung cấp hàng cho các cửa hàng xăng dầu của thương nhân cung cấp;

- Bản sao giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng thuê đất và tài sản gắn liền với đất...).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với cấp lại do bị mất, bị cháy, bị rách: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

- Đối với cấp lại khi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết hiệu lực: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân Việt Nam theo quy định của Luật Thương mại.

- Không áp dụng đối với thương nhân nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và pha chế các loại xăng dầu chuyên dùng cho nhu cầu riêng của mình với số lượng không quá 200 lít/kg/tháng và không lưu thông trên thị trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

h) Phí, Lệ phí, lệ phí:

- Đối với cấp lại do bị mất, bị cháy, bị rách...: 0 đồng

- Đối với cấp lại khi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết hiệu lực:

+ Tại các thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng;

+ Tại các huyện: 600.000 đồng;

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu). Trường hợp đi thuê cửa hàng bán lẻ xăng dầu, thương nhân đi thuê phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

- Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu, bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy chứng nhận thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Mẫu số 3

**TÊN DOANH
NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /, ngày tháng năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên doanh nghiệp:.....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do
cấp ngàytháng năm

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu:.....

Địa chỉ

Điện thoại:..... số Fax:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

52. Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. Mã TTHC: 2.000190.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn tám (08) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ Lục 21 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Bản sao các văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

- Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn;

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ, 01 bộ gửi Sở Công Thương, thương nhân lưu 01 bộ;

d) Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện TTHC: Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

h) Phí, Lệ phí:

+ Khu vực thị xã, thành phố : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Khu vực các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật ;

- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012;

- Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên);

- Có văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ- CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương,

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

...(tên thương nhân)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...⁽⁴⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi thương nhân dự định xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá; các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

53. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. Mã TTHC: 2.000176.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung; (theo mẫu Phụ lục 44 Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

- Bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

- Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

*Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật ;

- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012;

- Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên);

- Có văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ- CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương,

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Thông tin cũ:..... Thông tin mới:.....

9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:

Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2)

Đề tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....(3)

b) Đề nghị bổ sung:.....(4)

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...⁽⁴⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

54. Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. Mã TTHC: 2.000167.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá; Phụ Lục 21 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Bản sao các văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

- Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế,

Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn;

- Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

*** Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:**

- Văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu Phụ lục 50 ban hành kèm Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương.

- Bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

- Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ, 01 bộ gửi Sở Công Thương, thương nhân lưu 01 bộ;

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

h) Phí, Lệ phí, lệ phí:

* Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực:

+ Khu vực thị xã, thành phố : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Khu vực các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

* Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực: Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá Phụ lục 21 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương).

- Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá Phụ lục 50 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018

của Bộ Công Thương), đối với trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật ;
- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012;
- Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên);
- Có văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 106/2017/NĐ- CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương,
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...⁽⁴⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

55. Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá. Mã TTHC: 2.000626.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Bản chính - theo mẫu Phụ lục 8 Thông tư số 57/2018/TT-BCT);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác

- Bản sao hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

h) Phí, Lệ phí:

- Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Tại khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá Phụ lục 8 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. Doanh nghiệp có Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá chỉ được nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá cho các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

PHỤ LỤC 8

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /... , ngày..... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....;
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:.....Fax:.....;
3. Văn phòng đại diện (nếu có).....Điện thoại.....Fax.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....

5. Đề nghị(1) xem xét cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, cụ thể như sau:

- Loại nguyên liệu thuốc lá:.....(2)

- Được phép nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá của các doanh nghiệp:.....(3)

- Những hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....

.....(4) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
 (ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan cấp Giấy phép

(2): Ghi cụ thể các loại nguyên liệu thuốc lá (ví dụ: lá thuốc lá, sợi thuốc lá, thuốc lá tẩm, lá tách cọng...).

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các doanh nghiệp ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu.

(4): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép

56. Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá. Mã TTHC: 2.000622.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: Thành phần hồ sơ như quy định với trường hợp cấp mới.

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Bản chính - theo mẫu Phụ lục 8 Thông tư số 57/2018/TT-BCT);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác

- Bản sao hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá.

Trường hợp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá theo mẫu Phụ lục 36 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018.

- Bản sao Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã cấp (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (cấp lại lần thứ....)

h) Phí, Lệ phí:

Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:

- Khu vực thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Khu vực các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

Trường hợp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá theo mẫu Phụ lục 36 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. Doanh nghiệp có Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá chỉ được nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá cho các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo:

Chú thích:

(1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.

(2): Nếu Giấy phép đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy

(3): Ghi rõ lý do đề nghị cấp lại Giấy phép.

(4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị cấp lại Giấy phép.

(5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy phép

57. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá. Mã TTHC: 2.000204.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp Giấy sửa đổi, bổ sung giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá theo mẫu Phụ lục 28 Thông tư số 57/2018/TT-BCT;

- Bản sao Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...):

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. Doanh nghiệp có Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá chỉ được nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá cho các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Phụ lục 28

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /... .., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

Kính gửi:(1)

- 1. Tên doanh nghiệp:.....
- 2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;
- 3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
- 4. Đã được.....(1) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá số.....ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).....(2)
- 5. Đề nghị(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá với nội dung sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp):
 - Thông tin cũ:.....(3)
 - Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....
 - Lý do sửa đổi, bổ sung:.....
 - Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)

.....(5) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.
- (2): Nếu đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy.
- (3): Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung ghi trong Giấy phép cũ.
- (4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung.
- (5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép.

58. Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã TTHC: 2.001624.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn tám (08) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép bán buôn rượu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

- Tài liệu về hệ thống bán buôn rượu gồm một trong hai loại sau:

+ Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống phân phối rượu kèm bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp để kinh doanh rượu.

- Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu:

+ Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất trong nước, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác, trong đó ghi rõ các loại rượu dự kiến kinh doanh phù hợp với hoạt động của thương nhân sản xuất, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác;

+ Bản sao Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép phân phối hoặc Giấy phép bán buôn rượu của các nhà cung cấp rượu.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, Lệ phí:

- Khu vực thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Khu vực các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật

- Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính với ít nhất 01 thương nhân bán lẻ rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán lẻ rượu.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.-

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ)

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP BÁN BUÔN RƯỢU

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày..... tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy phép bán buôn rượu cụ thể là:

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:.....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau: ..

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

59. Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã TTHC: 2.000636.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp lại giấy phép bán buôn rượu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

- Tài liệu về hệ thống bán buôn rượu gồm một trong hai loại sau:

+ Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống phân phối rượu kèm bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp để kinh doanh rượu.

- Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu:

+ Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất trong nước, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác, trong đó ghi rõ các loại rượu dự kiến kinh doanh phù hợp với hoạt động của thương nhân sản xuất, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác;

+ Bản sao Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép phân phối hoặc Giấy phép bán buôn rượu của các nhà cung cấp rượu.

Trường hợp cấp lại do bị mất hoặc bị hỏng giấy phép:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép đã được cấp (nếu có);

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp cấp lại do bị mất hoặc bị hỏng giấy phép: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán buôn rượu cấp lại

h) Phí, Lệ phí:

* **Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:**

- Khu vực thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Khu vực các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

***Trường hợp cấp lại do bị mất hoặc bị hỏng giấy phép:** 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn rượu (theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật ;

- Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính với ít nhất 01 thương nhân bán lẻ rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán lẻ rượu.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Mẫu số 03

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ)

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại giấy phép bán buôn rượu
(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số docấp ngày tháng..... năm

Giấy phép bán buôn rượu đã được cấp số..... do cấp ngày tháng năm

Giấy phép bán buôn rượu đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm

.....đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy phép bán buôn rượu với lý do cụ thể như sau:.....

..... xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

60. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã TTHC: 2.001619.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn rượu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

- Bản sao Giấy phép đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán buôn rượu

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật

- Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính với ít nhất 01 thương nhân bán lẻ rượu.

Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán lẻ rượu.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ)

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN BUÔN RƯỢU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.....

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm

Giấy phép bán buôn rượu đã được cấp số..... do cấp ngày tháng năm

Giấy phép bán buôn rượu đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm

..... đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép bán buôn rượu, với lý do cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

Thông tin cũ:

Thông tin mới:

2. Bổ sung:

xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

61. Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương. Mã TTHC: 1.001005.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp Xác nhận được phép mua bán theo giá đã kê khai cho thương nhân. Trường hợp từ chối xác nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Biểu mẫu đăng ký giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu đăng ký giá; Bảng đăng ký giá cụ thể và Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá).

- Đối với trường hợp Biểu mẫu gửi qua đường thư điện tử: bản scan Biểu mẫu đăng ký giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu đăng ký giá; Bảng đăng ký giá cụ thể và Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá).

- 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị;

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận được phép mua bán theo giá đã kê khai

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Biểu mẫu đăng ký giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trong thời gian nhà nước thực hiện bình ổn giá bằng biện pháp đăng ký giá; khi thương nhân thay đổi giá sản phẩm.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giá số 11/2012/QH13;

- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

- Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Phụ lục số 1: BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ**Tên đơn vị đăng ký giá****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/

... , ngày ... tháng ... năm

V/v: đăng ký giá

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Thực hiện Thông tư sốngày..... của Bộ Công Thương.

(tên đơn vị đăng ký) gửi Biểu mẫu đăng ký giá gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể.

2. Giải trình lý do điều chỉnh giá (trong đó có giải thích việc tính mức giá cụ thể áp dụng theo các hướng dẫn, quy định về phương pháp tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

... (tên đơn vị đăng ký) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà đơn vị đã đăng ký./.

Nơi nhận:**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

- Như trên;

- Lưu:

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:

- Số điện thoại liên lạc:

- Số fax:

**Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu đăng ký giá
của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá**

1. (Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Biểu mẫu đăng ký giá và đóng dấu công văn đến)

2. Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trên, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân không được thực hiện mức giá đăng ký mới hoặc phải giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký.

Tên đơn vị
thực hiện đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

BẢNG ĐĂNG KÝ MỨC GIÁ BÁN CỤ THỂ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của Công ty.....)

Doanh nghiệp là đơn vị (sản xuất hay dịch vụ).....

Đăng ký giá (bán buôn, bán lẻ) :.....cụ thể như sau:

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Quy cách, chất lượng | Đơn vị tính | Mức giá đăng ký hiện hành | Mức giá đăng ký mới | Mức tăng/giảm | Tỷ lệ % tăng/giảm |
|-----|-----------------------|----------------------|-------------|---------------------------|---------------------|---------------|-------------------|
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

(Ghi chú: Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu đăng ký giá bán buôn thực tế của mình cùng với giá bán lẻ khuyến nghị)

Tên đơn vị thực hiện **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
đăng ký giá **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.....năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng nhập khẩu)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

| STT | Khoản mục chi phí | Đơn vị tính | Thành tiền | Ghi chú |
|------------|---|--------------------|-------------------|----------------|
| A | Sản lượng nhập khẩu | | | |
| B | Giá vốn nhập khẩu | | | |
| 1 | Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF) | | | |
| 2 | Thuế nhập khẩu | | | |
| 3 | Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) | | | |
| 4 | Các khoản thuế, phí khác (nếu có) | | | |
| 5 | Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có) | | | |
| C | Chi phí chung | | | |
| 6 | Chi phí tài chính (nếu có) | | | |
| 7 | Chi phí bán hàng | | | |
| 8 | Chi phí quản lý | | | |
| D | Tổng chi phí | | | |
| Đ | Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm | | | |
| E | Lợi nhuận dự kiến | | | |

| | | | | |
|----------|--|--|--|--|
| G | Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định | | | |
| H | Giá bán dự kiến | | | |

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)
2. Thuế nhập khẩu
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
4. Các khoản thuế, phí khác (nếu có)
5. Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)
6. Chi phí tài chính (nếu có)
7. Chi phí bán hàng
8. Chi phí quản lý
9. Lợi nhuận dự kiến
10. Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định
11. Giá bán dự kiến

Tên đơn vị thực hiện **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 đăng ký giá **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.....năm

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ GIÁ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

| Số TT | Khoản mục chi phí | ĐVT | lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|----------|---|-----|-------|---------|------------|
| 1 | Chi phí sản xuất: | | | | |
| 1.1 | Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp | | | | |
| 1.2 | Chi phí nhân công trực tiếp | | | | |
| 1.3 | Chi phí sản xuất chung: | | | | |
| a | Chi phí nhân viên phân xưởng | | | | |
| b | Chi phí vật liệu | | | | |
| c | Chi phí dụng cụ sản xuất | | | | |
| d | Chi phí khấu hao TSCĐ | | | | |
| đ | Chi phí dịch vụ mua ngoài | | | | |
| e | Chi phí bằng tiền khác | | | | |
| | Tổng chi phí sản xuất : | | | | |
| 2 | Chi phí bán hàng | | | | |
| 3 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | | | | |
| 4 | Chi phí tài chính | | | | |
| | Tổng giá thành toàn bộ | | | | |
| 5 | Lợi nhuận dự kiến | | | | |
| | Giá bán chưa thuế | | | | |

| | | | | | |
|----------|--|--|--|--|--|
| 6 | Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) | | | | |
| 7 | Thuế giá trị gia tăng (nếu có) | | | | |
| | Giá bán (đã có thuế) | | | | |

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Chi phí tài chính
5. Lợi nhuận dự kiến
6. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
7. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
8. Giá bán (đã có thuế)

62. Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương. Mã TTHC: 2.000459.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp Xác nhận được phép mua bán theo giá đã kê khai cho thương nhân. Trường hợp từ chối xác nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Biểu mẫu kê khai giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu kê khai giá; Bảng kê khai mức giá) hoặc Thông báo mức giá tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư.

- Đối với trường hợp Biểu mẫu gửi qua đường thư điện tử: Bản scan Biểu mẫu kê khai giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu kê khai giá; Bảng kê khai mức giá) hoặc Thông báo mức giá tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư.

- 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị;

* Số lượng: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận được phép mua bán theo giá đã kê khai

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Biểu mẫu kê khai giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT.

- Thông báo giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trong thời gian nhà nước không áp dụng biện pháp bình ổn giá.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giá số 11/2012/QH13;

- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

- Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sửa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Phụ lục số 2: MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

**Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....
V/v kê khai giá hàng
hóa, dịch vụ bán trong
nước

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá....)

Thực hiện Thông tư số ngày của Bộ Công Thương.

... (tên đơn vị kê khai giá) gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Email:.....
- Số fax:

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Mức giá kê khai (bán buôn, bán lẻ): Các mức giá tại các địa bàn, khu vực khác nhau (nếu có).

| TT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Quy cách, chất lượng | Đơn vị tính | Mức giá kê khai hiện hành | Mức giá kê khai mới | Mức tăng/giảm | Tỷ lệ tăng/giảm | Ghi chú |
|----|-----------------------|----------------------|-------------|---------------------------|---------------------|---------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

3. Ghi rõ các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng, các điều kiện vận chuyển, giao hàng, bán hàng kèm theo mức giá kê khai (nếu có).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

Ghi chú:

Mức giá kê khai là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm. Trường hợp lần đầu thực hiện kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với sản phẩm mới thì gửi kèm theo Bảng xây dựng hình thành mức giá bán hàng hóa, dịch vụ.

Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu kê khai giá bán lẻ khuyến nghị cùng với giá bán buôn thực tế của doanh nghiệp.

Phụ lục số 3: MẪU THÔNG BÁO MỨC GIÁ**Tên đơn vị thực hiện
thông báo giá****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo mức giá
điều chỉnh tăng, giảm giá
hàng hóa, dịch vụ bán
trong nước trong phạm vi
5% so với mức giá đã kê
khai hoặc thông báo liên
kề trước đó

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu thông báo giá....)

Thực hiện Thông tư số ngày của Bộ Công Thương.

... (tên đơn vị thông báo giá) thông báo mức giá sửa hoặc thực phẩm chức
năng bán trong nước điều chỉnh trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai hoặc
thông báo liên kề trước đó (Bảng thông báo mức giá đính kèm).

Mức giá này thực hiện từ ngày .../... /

... (tên đơn vị thông báo giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính
chính xác của mức giá mà chúng tôi đã thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....

- Địa chỉ đơn vị thông báo giá:.....

- Số điện thoại liên lạc:.....

- Email:

- Số fax:

**Ghi nhận ngày nộp Thông báo mức giá
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được
Thông báo mức giá và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị thực hiện**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

thông báo giá

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm

**BẢNG THÔNG BÁO GIÁ BÁN LẺ
TRONG NƯỚC**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Thông báo giá bán lẻ trong nước: Các mức giá tại các địa bàn, khu vực khác nhau (nếu có).

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Quy cách, chất lượng | Đơn vị tính | Mức giá kê khai/thông báo liền kề trước | Mức giá thông báo | Mức tăng/giảm | Tỷ lệ tăng/giảm | Ghi chú |
|------------|------------------------------|-----------------------------|--------------------|--|--------------------------|----------------------|------------------------|----------------|
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

2. Mức giá thông báo này thực hiện từ ngày / /

Ghi chú:

Mức giá thông báo là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có), đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm.

X. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

63. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai. Mã Hồ sơ: 2.000073.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 10 (mười ngày) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp (bản chính).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh (bản sao).

- Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng (Bản sao).

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy (bản sao).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định: Thành phố 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp theo mẫu số 07 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trạm nạp phải thuộc thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Trạm nạp phải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng.
- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 07**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ****CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRẠM NẠP LPG VÀO CHAI, TRẠM NẠP LPG VÀO XE BỒN, TRẠM NẠP LPG/LNG/CNG VÀO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số...

....do..... .. cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

....., ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

64. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai. Mã hồ sơ: 2.000207.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 05 (Năm) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (bản chính).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai, trạm nạp LPG vào xe bồn, trạm nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện VT.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo mẫu số 12 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp bị mất, sai sót, hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
.....do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế số:.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định
tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về
kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
.../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

65. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai. Mã hồ sơ: 2.000201. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 05 (Năm) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (bản chính).

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai, trạm nạp LPG vào xe bồn, trạm nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện Vận tải.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo mẫu số 12 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
.....do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế số:.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện
xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định
tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về
kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
.../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

66. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn. Mã hồ sơ: 2.000194.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 10 (mười ngày) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp (bản chính).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh (bản sao).

- Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng (Bản sao).

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy (bản sao).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định: Thành phố 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp theo mẫu số 07 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trạm nạp phải thuộc thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Trạm nạp phải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng.
- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 07

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRẠM NẠP LPG VÀO XE BỒN

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số...

.....do..... cấp ngày... tháng...
năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào xe bồn theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

67. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn. Mã hồ sơ: 2.000187.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 05 (Năm) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (bản chính).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo mẫu số 12 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp bị mất, sai sót, hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
.....do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế số:.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm
2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
.../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

....., ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH
DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

68. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn. Mã hồ sơ: 2.000175.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 05 (Năm) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (bản chính).

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo mẫu số 12 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
.....do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế số:.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày tháng ... năm ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH
DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

69. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải. Mã hồ sơ: 2.000196.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 10 (mười ngày) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp (bản chính).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh (bản sao).

- Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng (Bản sao).

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy (bản sao).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định: Thành phố 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp theo mẫu số 07 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trạm nạp phải thuộc thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Trạm nạp phải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng.
- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 07

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRẠM NẠP LPG VÀO
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước,

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số...

.....do..... cấp ngày... tháng...
năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

....., ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

70. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải. Mã hồ sơ: 1.000425.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 05 (Năm) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (bản chính).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo mẫu số 12 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp bị mất, sai sót, hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
.....do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế số:.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm
2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
.../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

.....,ngày.....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

71. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải. Mã hồ sơ: 2.000180.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 05 (Năm) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (bản chính).

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo mẫu số 12 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ****CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

Kính gửi: Sở Công Thương.

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
.....do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế số:.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/**CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

72. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải. Mã hồ sơ: 2.000387.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 10 (mười ngày) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp (bản chính).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh (bản sao).

- Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng (Bản sao).

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy (bản sao).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định: Thành phố 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp theo mẫu số 07 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trạm nạp phải thuộc thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Trạm nạp phải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng.

- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 07

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRẠM NẠP LNG VÀO
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số...
.....do..... cấp ngày... tháng...
năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:, ngày....tháng...năm...

- Như trên;
- Lưu: ...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

73. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải. Mã hồ sơ: 2.000376.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 05 (Năm) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (bản chính).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo mẫu số 12 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp bị mất, sai sót, hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 12**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****~~Độc lập - Tự do - Hạnh phúc~~****GIẤY ĐỀ NGHỊ****CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
.....do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế số:.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm
2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
.../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

....., ngày..... tháng... năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

74. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải. Mã hồ sơ: 2.000371.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 05 (Năm) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (bản chính).

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo mẫu số 12 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 12
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Sở Công Thương.

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế số:.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày..... tháng... năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/

CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

75. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải. Mã hồ sơ: 2.000163.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 10 (mười ngày) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp (bản chính).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh (bản sao).

- Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng (Bản sao).

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy (bản sao).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí thẩm định: Thành phố 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp theo mẫu số 07 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trạm nạp phải thuộc thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Trạm nạp phải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng.

- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 07**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ****CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRẠM NẠP CNG VÀO
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số...

...do..... cấp ngày... tháng...
năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp
CNG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP
ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
.../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: ...

....., ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

76. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải. Mã hồ sơ: 1.000444.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 05 (Năm) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (bản chính).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo mẫu số 12 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp bị mất, sai sót, hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

~~Độc lập - Tự do - Hạnh phúc~~

GIẤY ĐỀ NGHỊ

CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Sở Công Thương.

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
.....do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế số:.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm
2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
.../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

....., ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

77. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải. Mã hồ sơ: 2.000211.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 05 (Năm) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (bản chính).

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo mẫu số 12 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Sở Công Thương.

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
.....do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế số:.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

78. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG. Mã TTHC: 2.000142.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn tám (08) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa.

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

- Đối với thương nhân kinh doanh mua bán LPG chỉ có chai LPG hoặc thuê chai LPG ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 87/2017/NĐ-CP phải bổ sung các giấy tờ sau: Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định chai LPG còn hiệu lực và Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy đối với chai LPG.

-Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2,3,4 Điều 38 Nghị định số 87/NĐ-CP phải bổ sung tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh mua bán LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG

h) Mức thu Phí:

- Tại các thị xã, thành phố:
 - + Đối với doanh nghiệp: 1.200.000 đồng;
 - + Đối với Hộ kinh doanh: 400.000 đồng
- Tại các huyện:
 - + Đối với doanh nghiệp: 600.000 đồng;
 - + Đối với Hộ kinh doanh: 200.000 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Có bồn chứa khí hoặc hợp đồng thuê bồn chứa khí hoặc có chai LPG hoặc hợp đồng thuê chai LPG;
- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.
- Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 8 Nghị định 87/2017/NĐ-CP còn phải có trạm cấp khí đáp ứng đầy đủ các điều kiện về an toàn theo quy định tại Nghị định số 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.
- Đối với thương nhân kinh doanh mua bán LPG chỉ có chai LPG hoặc thuê chai LPG, ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định 87/2018/NĐ-CP phải bổ sung các giấy tờ sau:

- + Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định chai LPG còn hiệu lực;
- + Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy đối với chai LPG.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN LPG

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên thương nhân:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do
cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

.....,ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

79. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG. Mã TTHC: 2.000136.000.00.00.H10**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG theo mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG

h) Phí, lệ Phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp lại trong trường hợp: bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Mẫu số 12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN LPG

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/hộ kinh doanh số:.....
do.....cấp ngày.....tháng... ..năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

80. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG. Mã TTHC: 2.000078.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG

h) Phí, lệ Phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm về trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN LPG

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/hộ kinh doanh số:.....
do.....cấp ngày.....tháng... ..năm...

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

81. Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG. Mã TTHC: 2.000166.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa.

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy gồm: Văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy và Biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh; Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

Chúng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp kinh doanh.

* Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2,3,4 Điều 38 Nghị định số 87/NĐ-CP phải bổ sung tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

*Đối với thương nhân kinh doanh mua bán LNG ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2, 3 Điều 38 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP phải bổ sung tài liệu chứng minh có trạm cấp LNG đáp ứng các quy định về an toàn theo quy định tại Chương IV Nghị định số 87/2018/NĐ-CP hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải đã được cấp Giấy chứng nhận đủ còn hiệu lực.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LNG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG

h) Phí, Lệ phí:

- Tại các thị xã, thành phố:

+ Đối với doanh nghiệp: 1.200.000 đồng;

+ Đối với Hộ kinh doanh: 400.000 đồng

- Tại các huyện:

+ Đối với doanh nghiệp: 600.000 đồng;

+ Đối với Hộ kinh doanh: 200.000 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG theo mẫu Phụ lục số 03 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí:

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Có bồn chứa khí hoặc hợp đồng thuê bồn chứa khí hoặc có chai LNG hoặc hợp đồng thuê chai LNG

- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

* Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 8 Nghị định 87/2017/NĐ-CP còn phải có trạm cấp khí đáp ứng đầy đủ các điều kiện về an toàn theo quy định tại Chương IV của Nghị định 87/2017/NĐ-CP.

* Đối với thương nhân kinh doanh mua bán LNG ngoài điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 87/2017/NĐ-CP phải có trạm cấp LNG hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN LNG

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/hộ kinh doanh số:..... do.....cấp ngày.....tháng... ..năm...

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Lưu: ...

82. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG. Mã TTHC: 2.000156.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG cho thương nhân.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí thiên nhiên hóa lỏng theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LNG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí thiên nhiên hóa lỏng theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp lại trong trường hợp: bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN LNG

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/hộ kinh doanh số:..... do.....cấp ngày.....tháng... ..năm...

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

83. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG. Mã TTHC: 2.000390.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí thiên nhiên hóa lỏng theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LNG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp cấp điều Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm về trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP ĐIỀU CHỈNH
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THƯƠNG NHÂN
MUA BÁN LNG

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/hộ kinh doanh số:..... do.....cấp ngày.....tháng... ..năm...

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Lưu: ...

84. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG. Mã TTHC: 2.000354.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập hồ sơ nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa.

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy gồm: Văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy và Biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp

tính; Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định; Chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp kinh doanh

- Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2,3,4 Điều 38 Nghị định số 87/NĐ-CP phải bổ sung tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

- Đối với thương nhân kinh doanh mua bán CNG ngoài giấy tờ quy định tại khoản 2,4 Điều 38 Nghị định 87/2017/NĐ-CP phải bổ sung:

+ Tài liệu chứng minh có xe bồn CNG đã được kiểm định còn hiệu lực;

+ Tài liệu chứng minh có trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan;

+ Tài liệu chứng minh có trạm nén CNG đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh CNG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG

h) Phí, Lệ phí:

- Tại các thị xã, thành phố:

+ Đối với doanh nghiệp: 1.200.000 đồng;

+ Đối với Hộ kinh doanh: 400.000 đồng

- Tại các huyện:

+ Đối với doanh nghiệp: 600.000 đồng;

+ Đối với Hộ kinh doanh: 200.000 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG theo mẫu Phụ lục số 03 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

*. Điều kiện đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí:

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Có bồn chứa khí hoặc hợp đồng thuê bồn chứa khí hoặc có chai CNG hoặc hợp đồng thuê chai CNG
- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

* Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 8 Nghị định 87/2017/NĐ-CP còn phải có trạm cấp khí đáp ứng đầy đủ các điều kiện về an toàn theo quy định tại Chương IV của Nghị định 87/2017/NĐ-CP.

* Đối với thương nhân kinh doanh mua bán CNG ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 8 Nghị định 87/2017/NĐ-CP và phải có xe bồn CNG, trạm nén CNG, trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN CNG

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/hộ kinh doanh số:..... do.....cấp ngày.....tháng... ..năm...

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....,ngày....tháng....năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

85. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG. Mã TTHC: 2.000279.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh CNG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp lại trong trường hợp: bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN CNG**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/hộ kinh doanh số:..... do.....cấp ngày.....tháng... ..năm...

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

86. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG. Mã TTHC: 1.000481.000.00.00.H10**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí thiên nhiên nén cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí thiên nhiên nén theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh CNG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí thiên nhiên nén

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp cấp điều Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm về trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU
KIỆN THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN CNG**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/hộ kinh doanh
số:..... do..... cấp ngày.....tháng... ..năm...

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....ngày.....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

XI. LĨNH VỰC DẦU KHÍ

87. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210 m³ đến dưới 5.000 m³. Mã TTHC: 2.000453.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định

- Bước 3: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương gửi hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp;

- Bước 4: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu các uỷ viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Công Thương để tổng hợp

- Bước 5: Trong vòng 07 ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu. Hội đồng thẩm định tiến hành họp và thông qua các văn bản: Biên bản phiên họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu, Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu và Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định;

- Biên bản phiên họp thông qua bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu đồng thời Chủ đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu khi có ít nhất một yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung. Mẫu Biên bản thẩm định và Phiếu đánh giá đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu tại Phụ lục 3 và Phụ lục 4 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013;

- Không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định bỏ phiếu không đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu;

- Bước 6: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ dự án đã được Chủ đầu tư hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh (Quy hoạch do cấp Tỉnh lập và phê duyệt) xem xét, phê duyệt Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do;

* Trường hợp Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án đầu tư kho xăng dầu thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Công Thương và thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư 39/2013/TT-BCT. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ, Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thẩm định báo cáo kết quả của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo quy định. Trường hợp không chấp thuận bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phải thông báo cho Sở Công Thương và nêu rõ lý do

Bước 7: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho xăng dầu của tổ chức, cá nhân theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công Thương;

- Bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh xăng dầu;

- Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu xăng dầu khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư;

- Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho xăng dầu;

- Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;

- Phương án thu xếp vốn đầu tư;

- Bản sao có chứng thực cam kết tài trợ vốn vay của ngân hàng, tổ chức tín dụng (nếu có);

- Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Những doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp;

- Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Các bản vẽ thiết kế chủ yếu của công trình (bản vẽ mặt bằng, bản vẽ sơ đồ công nghệ, bản vẽ kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực (giao thông, đô thị...))

* **Số lượng hồ sơ:** 09 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

h) Phí, Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị theo mẫu (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Việc đầu tư xây dựng dự án kho xăng dầu phải phù hợp với quy hoạch phát triển xăng dầu đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

+ Kho xăng dầu phải thuộc danh mục đã được xác định trong Quy hoạch phát triển xăng dầu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu vào quy hoạch.

+ Trường hợp cùng một thời điểm có từ hai (2) doanh nghiệp trở lên xin bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu trên cùng một địa bàn vào quy hoạch thì thứ tự ưu tiên thẩm định và phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch được xem xét theo thứ tự các tiêu chí như sau:

1. Hiệu quả đầu tư: Ưu tiên cho doanh nghiệp chứng minh được dự án có hiệu quả hơn;

2. Hình thức đầu tư: Ưu tiên cho doanh nghiệp có Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu;

3. Quy mô, khả năng tài chính và uy tín của doanh nghiệp: Ưu tiên cho doanh nghiệp có quy mô lớn hơn, khả năng tài chính lành mạnh hơn và uy tín cao hơn.

4. Chủ đầu tư: Ưu tiên cho doanh nghiệp đầu mối và doanh nghiệp có trụ sở tại địa phương nơi triển khai dự án.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương : Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng;

- Thông tư số 34/2017/TT-BCT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Phụ lục I

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

...(1)....., ngày..... tháng năm

V/v đề nghị bổ sung dự án
đầu tư kho xăng dầu vào quy
hoạch

Kính gửi: ...(2)..

Thực hiện quy định về trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu vào quy hoạch tại Thông tư số..... /2013/TT-BCT ngày... tháng...năm..... của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Tên Chủ đầu tư) trình (2) Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư kho xăng dầu vào quy hoạch (3).

I. Thông tin chung về dự án đầu tư kho xăng dầu

1. Tên dự án
2. Tên Chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ...)
3. Địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu
4. Quy mô, dung tích kho
5. Nguồn vốn đầu tư
6. Các thông tin khác liên quan (nếu có).

II. Danh mục Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu vào Quy hoạch (3) (Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư).

(Tên Chủ đầu tư) trình ..(2)... xem xét bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu nêu trên vào quy hoạch (3) hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, họ tên và đóng dấu)

88. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000 m³. Mã TTHC: 2.000433.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đông Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch kho LPG để hoàn chỉnh hồ sơ, trường hợp hồ sơ hợp lệ Sở Công Thương có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định

- Bước 3: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương gửi hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp.

- Bước 4: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG các ủy viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Công Thương để tổng hợp

- Bước 5: Trong vòng 07 ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch

đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG. Hội đồng thẩm định tiến hành họp và thông qua các văn bản: Biên bản phiên họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LPG, Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG và Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định

- Biên bản phiên họp thông qua bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG đồng thời Chủ đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG khi có ít nhất một yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung. Mẫu Biên bản thẩm định và Phiếu đánh giá đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG

- Không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định bỏ phiếu không đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG

- Bước 6: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ dự án đã được Chủ đầu tư hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh (Quy hoạch do cấp Tỉnh lập và phê duyệt) xem xét, phê duyệt Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

* Trường hợp Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án đầu tư kho LPG thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Công Thương và thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư 39/2013/TT-BCT. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ, Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thẩm định báo cáo kết quả của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo quy định. Trường hợp không chấp thuận bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phải thông báo cho Sở Công Thương và nêu rõ lý do

- Bước 7: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản **đề nghị bổ sung quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LPG theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BCT** ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương;

- Bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh LPG;

- Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu LPG khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường, khoảng cách an toàn công trình kho LPG; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư;

- Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho LPG;

- Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;

- Phương án thu xếp vốn đầu tư;

- Bản sao có chứng thực cam kết tài trợ vốn vay của ngân hàng, tổ chức tín dụng (nếu có);

- Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp;

- Danh mục các Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;

- Các bản vẽ thiết kế chủ yếu của công trình (bản vẽ mặt bằng, bản vẽ sơ đồ công nghệ, bản vẽ kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực (giao thông, đô thị v.v..).

* Số lượng hồ sơ: 09 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LPG của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị theo mẫu (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Việc đầu tư xây dựng dự án kho LPG phải phù hợp với quy hoạch phát triển LPG đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

+ Kho LPG phải thuộc danh mục đã được xác định trong Quy hoạch phát triển LPG do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định bổ sung dự án đầu tư kho LPG vào quy hoạch.

+ Trường hợp cùng một thời điểm có từ hai (2) doanh nghiệp trở lên xin bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG trên cùng một địa bàn vào quy hoạch thì thứ tự ưu tiên thẩm định và phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch được xem xét theo thứ tự các tiêu chí như sau:

1. Hiệu quả đầu tư: Ưu tiên cho doanh nghiệp chứng minh được dự án có hiệu quả hơn;

2. Hình thức đầu tư: Ưu tiên cho doanh nghiệp có Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu;

3. Quy mô, khả năng tài chính và uy tín của doanh nghiệp: Ưu tiên cho doanh nghiệp có quy mô lớn hơn, khả năng tài chính lành mạnh hơn và uy tín cao hơn.

4. Chủ đầu tư: Ưu tiên cho doanh nghiệp đầu mối và doanh nghiệp có trụ sở tại địa phương nơi triển khai dự án.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương : Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng;

- Thông tư số 34/2017/TT-BCT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

4. Quy mô, dung tích kho
5. Nguồn vốn đầu tư
6. Các thông tin khác liên quan (nếu có).

II. Danh mục Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu vào Quy hoạch (3) (Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư).

(Tên Chủ đầu tư) trình ..(2)... xem xét bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu nêu trên vào quy hoạch (3) hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, họ tên và đóng dấu)

89. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000 m³. Mã TTHC: 2.000427.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch kho LNG để hoàn chỉnh hồ sơ; trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định

- Bước 3: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương gửi hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp.

- Bước 4: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công

trình kho LNG các uỷ viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Công Thương để tổng hợp

- Bước 5: Trong vòng 07 ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG. Hội đồng thẩm định tiến hành họp và thông qua các văn bản: Biên bản phiên họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG, Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG và Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định

- Biên bản phiên họp thông qua bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG đồng thời Chủ đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG khi có ít nhất một yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung. Mẫu Biên bản thẩm định và Phiếu đánh giá đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG

- Không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định bỏ phiếu không đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG

- Bước 6: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ dự án đã được Chủ đầu tư hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh (Quy hoạch do cấp Tỉnh lập và phê duyệt) xem xét, phê duyệt Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

* Trường hợp Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án đầu tư kho LNG thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Công Thương và thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư 39/2013/TT-BCT. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ, Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thẩm định báo cáo kết quả của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo quy định. Trường hợp không chấp thuận bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phải thông báo cho Sở Công Thương và nêu rõ lý do.

- Bước 7: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị bổ sung quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương;

- Bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh LNG;

- Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu LNG khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường, khoảng cách an toàn công trình kho LNG; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư;

- Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho LNG;

- Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;

- Phương án thu xếp vốn đầu tư;

- Bản sao có chứng thực cam kết tài trợ vốn vay của ngân hàng, tổ chức tín dụng (nếu có);

- Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp;

- Danh mục các Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;

- Các bản vẽ thiết kế chủ yếu của công trình (bản vẽ mặt bằng, bản vẽ sơ đồ công nghệ, bản vẽ kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực (giao thông, đô thị v.v..).

* Số lượng hồ sơ: 09 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị theo mẫu (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Việc đầu tư xây dựng dự án kho LNG phải phù hợp với quy hoạch phát triển LNG đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

+ Kho LNG phải thuộc danh mục đã được xác định trong Quy hoạch phát triển LNG do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định bổ sung dự án đầu tư kho LNG vào quy hoạch.

+ Trường hợp cùng một thời điểm có từ hai (2) doanh nghiệp trở lên xin bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG trên cùng một địa bàn vào quy hoạch thì thứ tự ưu tiên thẩm định và phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch được xem xét theo thứ tự các tiêu chí như sau:

1. Hiệu quả đầu tư: Ưu tiên cho doanh nghiệp chứng minh được dự án có hiệu quả hơn;

2. Hình thức đầu tư: Ưu tiên cho doanh nghiệp có Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu;

3. Quy mô, khả năng tài chính và uy tín của doanh nghiệp: Ưu tiên cho doanh nghiệp có quy mô lớn hơn, khả năng tài chính lành mạnh hơn và uy tín cao hơn.

4. Chủ đầu tư: Ưu tiên cho doanh nghiệp đầu mối và doanh nghiệp có trụ sở tại địa phương nơi triển khai dự án.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương : Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng;

- Thông tư số 34/2017/TT-BCT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Phụ lục I

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số.....

....(1)....., ngày..... tháng năm

V/v đề nghị bổ sung dự
án đầu tư kho xăng dầu vào
quy hoạch

Kính gửi: ...(2)..

Thực hiện quy định về trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu vào quy hoạch tại Thông tư số..... /2013/TT-BCT ngày... tháng...năm.... của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Tên Chủ đầu tư) trình (2) Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư kho xăng dầu vào quy hoạch (3).

I. Thông tin chung về dự án đầu tư kho xăng dầu

1. Tên dự án
2. Tên Chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ...)
3. Địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu
4. Quy mô, dung tích kho
5. Nguồn vốn đầu tư
6. Các thông tin khác liên quan (nếu có).

II. Danh mục Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu vào Quy hoạch (3) (Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư).

(Tên Chủ đầu tư) trình ..(2)... xem xét bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu nêu trên vào quy hoạch (3) hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, họ tên và đóng dấu)

XII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CẠNH TRANH

90. Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương. Mã TTHC: 2.000309.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và xác nhận cho thương nhân. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;

- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;

- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (nếu có) hoặc 01 văn bản ủy quyền cho người đại diện tại địa phương, kèm theo 01 bản sao được chứng thực chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện đó trong trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương;

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương kèm theo danh sách người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương đến thời điểm nộp hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp đã có hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực (danh sách ghi rõ: Họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú trong trường hợp không cư trú tại nơi thường trú), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số người tham gia, điện thoại liên hệ của người tham gia bán hàng đa cấp) tới Sở Công Thương nơi doanh nghiệp dự kiến hoạt động.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp có trụ sở chính, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện có thực hiện chức năng liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

- Doanh nghiệp tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp tại địa phương.

- Doanh nghiệp có người tham gia bán hàng đa cấp cư trú (thường trú hoặc tạm trú trong trường hợp không cư trú tại nơi thường trú) hoặc thực hiện hoạt động tiếp thị, bán hàng theo phương thức đa cấp tại địa phương.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu số 7

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư

số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:/...../..... Lần thay đổi gần nhất:/...../.....

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:/...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh/thành phố..... như sau:

1. Thời gian dự kiến bắt đầu hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:....

2. Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp, tại địa phương (bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, các địa điểm kinh doanh nếu có):

Tên doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Địa chỉ:

Điện

thoại: Fax: Email:

Người đứng đầu:

Điện thoại liên hệ của người đứng

đầu: Email:

3. Người đại diện tại địa phương (trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương):

Họ tên:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu

số:

Do: Cấp ngày:/...../.....

Điện thoại: Fax: Email:

Địa chỉ liên lạc:

Văn bản ủy quyền số:.... ngày

4. Văn bản, tài liệu kèm theo:

.....

.....

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên và đóng dấu)

91. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương. Mã TTHC: 2.000631.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đông Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và xác nhận cho thương nhân. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ.

- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;

- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (nếu có) hoặc 01 văn bản ủy quyền cho người đại diện tại địa phương, kèm theo 01 bản sao được chứng thực chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện đó trong trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương;

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu đăng ký sửa đổi, bổ sung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Khi có một trong các thay đổi liên quan đến:

- Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương;

- Người đại diện của doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại địa phương.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu số 09

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG
HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in
hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư
số:.....

Do:

Cấp lần đầu ngày:/...../..... Lần thay đổi gần
nhất:/...../.....

Địa chỉ của trụ sở
chính:

Điện thoại: Fax:

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp
số:Do: Cấp lần đầu
ngày:/...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

3. Xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
số:Do:Cấp ngày:/...../.....

**Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn
tỉnh/thành phố..... như sau:**

1. Nội dung đăng ký sửa đổi, bổ sung:.....
2. Lý do sửa đổi, bổ sung:.....
3. Văn bản, tài liệu kèm theo:.....

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

**92. Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương. Mã TTHC:
2.000619.000.00.00.H10**

92.1. Trường hợp Doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương ban hành văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương và công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương, thông báo cho Bộ Công Thương theo một trong các phương thức: Gửi qua bưu điện; Thư điện tử; Hệ thống công nghệ thông tin quản lý bán hàng đa cấp của Bộ Công Thương.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ.

- Báo cáo theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

- Báo cáo theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Do:
 Cấp lần đầu ngày:/.../..... Lần thay đổi gần nhất:/...../.....
 Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp
 số:

Do: Cấp lần đầu ngày:/...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

3. Xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
 số:

Do: Cấp ngày:/...../.....

**Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại tỉnh/thành
 phố..... như sau:**

1. Lý do chấm dứt hoạt
 động:

2. Thời gian bắt đầu chấm dứt hoạt động bán hàng đa
 cấp:

3. Thông tin liên hệ tại trụ sở chính:

Người liên hệ:

Chức vụ:

Điện thoại: Fax:

Email:

4. Thông tin liên hệ tại địa phương:

4.1. Tên doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (nếu
 có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:.....

Người đứng đầu:

Điện thoại liên hệ của người đứng đầu: Email:

4.2. Người đại diện tại địa phương (trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở
 chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương):

Họ tên:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu
 số:

Do: Cấp ngày:/...../.....

Điện thoại: Fax:..... Email:.....

Địa chỉ liên lạc:

5. Tài liệu kèm theo:

.....
 Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
 (Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 16

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: , ngày.... tháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁN HÀNG ĐA CẤP PHÁT SINH TẠI ĐỊA PHƯƠNG
Kỳ báo cáo.....

Kính gửi:

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Chi nhánh/Văn phòng đại diện tại địa phương (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Người đại diện tại địa phương (trường hợp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương):

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

1. Hoạt động bán hàng đa cấp của trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương

| STT | Trụ sở chính/Chi nhánh/Văn phòng đại diện/Địa điểm kinh doanh | Địa chỉ | Người đứng đầu | Điện thoại liên hệ | Tình trạng hoạt động hiện tại |
|-----|---|---------|----------------|--------------------|-------------------------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |

(Doanh nghiệp kê khai đầy đủ thông tin về trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương. Tình trạng hoạt động hiện tại của chi nhánh/địa điểm kinh doanh: đang hoạt động hoặc đã ngừng hoạt động.)

2. Mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương

- + Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương tính đến thời điểm báo cáo
- + Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương phát sinh mới trong kỳ báo cáo
- + Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương chấm dứt hợp đồng trong kỳ báo cáo

(Chỉ tiêu báo cáo: họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú trong trường hợp không cư trú tại nơi thường trú), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số người tham gia, điện thoại liên hệ của người tham gia bán hàng đa cấp)

3. Doanh thu bán hàng đa cấp tại địa phương

| TT | Chỉ tiêu | Giá trị | |
|----|--|-------------------------------------|------------------------------------|
| | | Doanh thu chưa gồm VAT (triệu đồng) | Doanh thu bao gồm VAT (triệu đồng) |
| 1 | Thực phẩm chức năng/Thực phẩm bổ sung sức khỏe | | |
| 2 | Mỹ phẩm | | |
| 3 | Quần áo/Thời trang | | |

| | | | |
|---|-------------|--|--|
| 4 | Thiết bị | | |
| 5 | Đồ gia dụng | | |
| 6 | Khác | | |
| 7 | Tổng cộng | | |

(Doanh nghiệp báo cáo nội dung này dựa trên doanh thu bán hàng đa cấp cho người tham gia, khách hàng tại địa phương)

4. Hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế, khuyến mại trả cho người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương

Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương nhận hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế, khuyến mại trong kỳ báo cáo

(Chỉ tiêu báo cáo: họ tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp; mã số người tham gia; doanh thu bán hàng trong kỳ; giá trị hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế đã nhận trong kỳ; giá trị khuyến mại quy đổi thành tiền trong kỳ; khấu trừ thuế thu nhập cá nhân)

5. Kết quả hoạt động kinh doanh:(Nội dung này chỉ áp dụng đối với báo cáo định kỳ năm)

| TT | Chỉ tiêu | Giá trị (triệu đồng) |
|----------|---|----------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | |
| | Các khoản giảm trừ | |
| 2 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | |
| | Doanh thu từ bán hàng đa cấp | |
| | Doanh thu khác | |
| 3 | Doanh thu hoạt động tài chính | |
| 4 | Giá vốn hàng bán | |
| | Giá vốn mặt hàng đa cấp | |
| | Giá vốn ngoài mặt hàng đa cấp (nếu có) | |
| 5 | Chi phí quản lý, kinh doanh | |
| | Chi phí hoa hồng | |
| | Chi phí khuyến mãi | |
| | Chi phí bán hàng khác | |
| | Chi phí quản lý | |
| | Chi phí tài chính | |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | |

| | | | | | | | |
|---|--|--|------------|--|--|--|--|
| | | | gia | | | | |
| 1 | | | | | | | |

(Đào tạo cơ bản cho người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương trong kỳ: họ tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; mã số người tham gia; điện thoại liên hệ; thời gian đào tạo; phương thức đào tạo; ngày cấp Thẻ thành viên)

10. Mua lại hàng hóa từ người tham gia bán hàng đa cấp

| STT | Họ tên | CMND | Mã số người tham gia | Điện thoại | Giá trị hàng hóa trả lại | Khấu trừ | Giá trị đã chi trả | Giá trị còn lại |
|------------------|--------|------|----------------------|------------|--------------------------|----------|--------------------|-----------------|
| 1 | | | | | | | | |
| tổng cộng | | | | | | | | |

(Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương có yêu cầu trả lại hàng hóa: họ tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; mã số người tham gia; điện thoại liên hệ; giá trị hàng hóa trả lại; giá trị khấu trừ; giá trị đã chi trả; giá trị còn lại)

**Đại diện theo pháp luật của
doanh nghiệp/Chi nhánh/VPĐD
(Ký tên, đóng dấu)**

92.2 Trường hợp Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp do xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương bị thu hồi.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương ban hành văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương và công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương, thông báo cho Bộ Công Thương theo một trong các phương thức: Gửi qua bưu điện; Thư điện tử; Hệ thống công nghệ thông tin quản lý bán hàng đa cấp của Bộ Công Thương.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ.

- Báo cáo theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.**h) Phí, Lệ phí:** 0 đồng**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Mẫu Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp*Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:***Mẫu số 11**

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

THÔNG BÁO**CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư
số:.....

Do:

Cấp lần đầu ngày:/...../..... Lần thay đổi gần
nhất:/...../.....

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:/...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

3. Xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
số:

Do: Cấp ngày:/...../.....

**Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại tỉnh/thành
phố..... như sau:**

1. Lý do chấm dứt hoạt động:

2. Thời gian bắt đầu chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

3. Thông tin liên hệ tại trụ sở chính:

Người liên hệ:

Chức vụ:

Điện thoại: Fax:

Email:

4. Thông tin liên hệ tại địa phương:

4.1. Tên doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (nếu
có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:.....

Người đứng đầu:

Điện thoại liên hệ của người đứng đầu: Email:

4.2. Người đại diện tại địa phương (trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở
chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương):

Họ tên:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu
số:

Do: Cấp ngày:/...../.....

Điện thoại: Fax:..... Email:.....

Địa chỉ liên lạc:

5. Tài liệu kèm theo:

.....
 Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
 (Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 16

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁN HÀNG ĐA CẤP PHÁT SINH TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo.....

Kính gửi:

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Chi nhánh/Văn phòng đại diện tại địa phương (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Người đại diện tại địa phương (trường hợp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương):

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

1. Hoạt động bán hàng đa cấp của trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương

| STT | Trụ sở chính/Chi nhánh/Văn phòng đại diện/Địa điểm kinh doanh | Địa chỉ | Người đứng đầu | Điện thoại liên hệ | Tình trạng hoạt động hiện tại |
|-----|---|---------|----------------|--------------------|-------------------------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |

(Doanh nghiệp kê khai đầy đủ thông tin về trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương. Tình trạng hoạt động hiện tại của chi nhánh/địa điểm kinh doanh: đang hoạt động hoặc đã ngừng hoạt động.)

2. Mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương

- + Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương tính đến thời điểm báo cáo
- + Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương phát sinh mới trong kỳ báo cáo
- + Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương chấm dứt hợp đồng trong kỳ báo cáo

(Chỉ tiêu báo cáo: họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú trong trường hợp không cư trú tại nơi thường trú), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số người tham gia, điện thoại liên hệ của người tham gia bán hàng đa cấp)

3. Doanh thu bán hàng đa cấp tại địa phương

| TT | Chỉ tiêu | Giá trị | |
|----|--|-------------------------------------|------------------------------------|
| | | Doanh thu chưa gồm VAT (triệu đồng) | Doanh thu bao gồm VAT (triệu đồng) |
| 1 | Thực phẩm chức năng/Thực phẩm bổ sung sức khỏe | | |
| 2 | Mỹ phẩm | | |
| 3 | Quần áo/Thời trang | | |
| 4 | Thiết bị | | |

| | | | |
|---|-------------|--|--|
| 5 | Đồ gia dụng | | |
| 6 | Khác | | |
| 7 | Tổng cộng | | |

(Doanh nghiệp báo cáo nội dung này dựa trên doanh thu bán hàng đa cấp cho người tham gia, khách hàng tại địa phương)

4. Hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế, khuyến mại trả cho người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương

Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương nhận hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế, khuyến mại trong kỳ báo cáo

(Chỉ tiêu báo cáo: họ tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp; mã số người tham gia; doanh thu bán hàng trong kỳ; giá trị hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế đã nhận trong kỳ; giá trị khuyến mại quy đổi thành tiền trong kỳ; khấu trừ thuế thu nhập cá nhân)

5. Kết quả hoạt động kinh doanh

(Nội dung này chỉ áp dụng đối với báo cáo định kỳ năm)

| TT | Chỉ tiêu | Giá trị (triệu đồng) |
|----------|---|----------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | |
| | Các khoản giảm trừ | |
| 2 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | |
| | Doanh thu từ bán hàng đa cấp | |
| | Doanh thu khác | |
| 3 | Doanh thu hoạt động tài chính | |
| 4 | Giá vốn hàng bán | |
| | Giá vốn mặt hàng đa cấp | |
| | Giá vốn ngoài mặt hàng đa cấp (nếu có) | |
| 5 | Chi phí quản lý, kinh doanh | |
| | Chi phí hoa hồng | |
| | Chi phí khuyến mãi | |
| | Chi phí bán hàng khác | |
| | Chi phí quản lý | |
| | Chi phí tài chính | |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | |

| | | | | | | | |
|---|--|--|--|--|--|--|--|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |

(Đào tạo cơ bản cho người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương trong kỳ: họ tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; mã số người tham gia; điện thoại liên hệ; thời gian đào tạo; phương thức đào tạo; ngày cấp Thẻ thành viên)

10. Mua lại hàng hóa từ người tham gia bán hàng đa cấp

| STT | Họ tên | CMND | Mã số người tham gia | Điện thoại | Giá trị hàng hóa trả lại | Khấu trừ | Giá trị đã chi trả | Giá trị còn lại |
|------------------|--------|------|----------------------|------------|--------------------------|----------|--------------------|-----------------|
| 1 | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | |

(Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương có yêu cầu trả lại hàng hóa: họ tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; mã số người tham gia; điện thoại liên hệ; giá trị hàng hóa trả lại; giá trị khấu trừ; giá trị đã chi trả; giá trị còn lại)

93. Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp. Mã TTHC: 2.000609.000.00.00.H10

Doanh nghiệp bán hàng đa cấp nộp hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp ít nhất trước 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện. Doanh nghiệp có thể thông báo về việc tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp trong cùng một văn bản thông báo.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận tiếp nhận hồ sơ và xem xét tính đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung. Thời hạn sửa đổi, bổ sung là 10 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo.

Doanh nghiệp được phép tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo nếu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được thông báo, Sở Công Thương không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

Khi có thay đổi thông tin trong hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Sở Công Thương ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện.

Trường hợp đã thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo với Sở Công Thương nhưng không thực hiện, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Sở Công Thương trước ngày dự kiến tổ chức trong hồ sơ thông báo.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP;

- Nội dung, tài liệu trình bày tại hội thảo, số lượng người tham gia dự kiến;

- Danh sách báo cáo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo kèm theo hợp đồng thuê khoán của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, nội dung báo cáo của báo cáo viên;

- 01 bản chính văn bản ủy quyền trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân thực hiện đào tạo hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp bán hàng đa cấp được phép tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo như đã thông báo.

h) Phí, Lệ phí, lệ phí: không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu số 12 (Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư
số:.....

Do:

Cấp lần đầu ngày:/...../..... Lần thay đổi gần
nhất:/...../.....

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp
số:

Do: Cấp lần đầu ngày:/...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần..... ngày

3. Xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương số:.....

Do:.....Cấp ngày:/...../.....

**Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo tại tỉnh/thành
phố..... như sau⁽²⁾:**

1. Tên hội nghị, hội thảo, đào tạo:

2. Thời gian tổ chức:

3. Địa điểm tổ chức:

4. Nội dung:

5. Số lượng người tham gia dự kiến:

6. Văn bản, tài liệu kèm theo:

.....

..

.....

..

.....

..

.....

..

.....

..

7. Người liên hệ:..... Điện thoại:

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

**Đại diện theo pháp luật của doanh
nghiệp/Chi nhánh/Văn phòng đại diện**
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Thông tin về doanh nghiệp hoặc chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại địa phương.
- (2) Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có thể thông báo về việc tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp trong cùng một văn bản thông báo.

94. Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương. Mã TTHC: 2.000191.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trường hợp hồ sơ đăng ký được gửi trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải lập biên bản tiếp nhận, ngày tiếp nhận hồ sơ là ngày ghi trong biên bản tiếp nhận đó. Trong trường hợp hồ sơ đăng ký gửi bằng đường bưu điện, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo dấu của bưu điện. Trường hợp hồ sơ gửi bằng phương tiện điện tử, thời điểm tiếp nhận hồ sơ được tính từ thời điểm xác nhận bằng thông điệp điện tử của cơ quan có thẩm quyền đăng ký được gửi đi.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn tám (08) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và Thông báo cho thương nhân. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Trong trường hợp gửi hồ sơ bằng phương tiện điện tử:

+ 01 bản scan màu dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung được đóng dấu của Tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ văn bản;

+ 01 bản mềm dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word;

- Trong trường hợp gửi hồ sơ bằng phương thức khác:

+ 01 bản cứng Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung có đóng dấu của Tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ văn bản;

+ 01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo về việc chấp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đăng ký hợp đồng, điều kiện giao dịch chung (Mẫu tại Thông tư 10/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 30 tháng 5 năm 2013).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số: 59/2010/QH12;

- Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

- Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/1/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

- Thông tư số 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013 của Bộ Công Thương ban hành mẫu đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;

- Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/1/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG THEO MẪU, ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG (1)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Kính gửi (2):.....

Tổ chức, cá nhân kinh doanh (3):

I. Nội dung đề nghị đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung(1):

1. Đăng ký lần đầu/đăng ký lại:

2. Áp dụng cho loại hàng hóa/dịch vụ:

3. Đối tượng áp dụng (4):

4. Phạm vi áp dụng (5):

5. Thời gian áp dụng (6):

II. Tổ chức, cá nhân kinh doanh cam kết và hiểu rằng:

1. Đảm bảo hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung tuân thủ các quy định pháp luật là nghĩa vụ của Tổ chức, cá nhân kinh doanh;

2. Bất cứ khi nào phát hiện thấy nội dung của hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cơ quan chấp nhận đăng ký có quyền và trách nhiệm yêu cầu Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải sửa đổi, hủy bỏ nội dung vi phạm đó.

3. Đã tìm hiểu kỹ quy định pháp luật và cam kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung nộp kèm theo Đơn đăng ký này không có các điều khoản vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các nguyên tắc chung về giao kết hợp đồng.

4. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung đơn đăng ký và tài liệu kèm theo.

Tổ chức, cá nhân kinh doanh (7)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo (8):

XIII. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

95. Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Mã TTHC: 2.000063.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp Giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập Văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành (sau đây gọi chung là Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành) và trường hợp việc thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, Cơ quan cấp Giấy phép gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cơ quan cấp Giấy phép, Bộ quản lý chuyên ngành có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cấp phép thành lập Văn phòng đại diện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành, Cơ quan cấp Giấy phép cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

2. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;

3. Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bỏ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện;

4. Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

5. Bản sao Điều lệ hoạt động của Chi nhánh;

6. Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện;

7. Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm:

- Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;

- Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 và quy định pháp luật có liên quan.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

h) Phí, lệ phí: 3.000.000 (ba triệu) đồng.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-1, Phụ lục I kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT)

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân nước ngoài được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc được pháp luật các quốc gia, vùng lãnh thổ này công nhận;

- Thương nhân nước ngoài đã hoạt động ít nhất 05 năm, kể từ ngày được thành lập hoặc đăng ký;

- Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ;

- Nội dung hoạt động của Chi nhánh phải phù hợp với cam kết mở cửa thị trường của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và phù hợp với ngành nghề kinh doanh của thương nhân nước ngoài;

- Trường hợp nội dung hoạt động của Chi nhánh không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập Chi nhánh phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Mẫu MĐ-1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghibằngchữ in hoa)

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ...

Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Số tài khoản:.....tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

Văn phòng đại diện số 1:

Tên Văn phòng đại diện:

Giấy phép thành lập số: ... Ngày cấp .../.../... Cơ quan cấp:

Mã số thuế:

Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:.....

Văn phòng đại diện số 2:

Tên Văn phòng đại diện:

Giấy phép thành lập số: ... Ngày cấp .../.../... Cơ quan cấp:

Mã số thuế:

Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:.....

Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số như sau:

Tên Văn phòng đại diện:

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện:

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)

.....

 Thời hạn của Giấy phép thành lập:
 Người đứng đầu Văn phòng đại diện:
 Họ và tên:.....Giới tính:
 Quốc tịch:
 Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:
 Ngày cấp .../.../....Nơi cấp:
 Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu

96. Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Mã TTHC: 2.000450.000.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp lại Giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

1. Trường hợp cấp lại như chuyên địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác, hồ sơ 01 bộ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi;

- Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp;

- Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;

- Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện.

2. Trường hợp cấp lại theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức, hồ sơ 01 bộ bao gồm:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: quy định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

h) Phí, lệ phí:

***Trường hợp** cấp lại như chuyên địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi

quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác

- Mức thu phí: 1.500.000 đồng.(một triệu năm trăm nghìn đồng)

***Trường hợp cấp lại** theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức

- Mức thu phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-2, Phụ lục I kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT)

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Mẫu MĐ-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng ... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có)

Đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện:(tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../

Thứ tự của Văn phòng đại diện:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có)

Mã số thuế:

Lý do cấp lại:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

97. Cấp Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Mã TTHC: 2.000347.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp điều chỉnh Giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

- Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi, cụ thể:

+ Trường hợp điều chỉnh Giấy phép thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài.

+ Trường hợp điều chỉnh Giấy phép Thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài có liên quan trực tiếp đến nội dung hoạt động của Chi nhánh tại Việt Nam: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài.

+ Trường hợp điều chỉnh Giấy phép Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện, Chi nhánh: Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi.

+ Trường hợp điều chỉnh Giấy phép Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý và Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Chi nhánh: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 và quy định pháp luật có liên quan.

- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

- Các tài liệu chứng minh nội dung thay đổi tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 (đối với trường hợp văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện bằng tiếng nước ngoài và bản sao hộ chiếu của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện là người nước ngoài) Điều 15 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP

ngày 25/01/2016 phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Các tài liệu chứng minh nội dung thay đổi tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

h) Phí, lệ phí: 1.500.000 đồng

i) Tên mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-3, Phụ lục I kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT)

k) Các trường hợp cấp điều chỉnh giấy phép Văn phòng đại diện

Thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong những trường hợp sau:

- Thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài.
- Thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài có liên quan trực tiếp đến nội dung hoạt động của Chi nhánh tại Việt Nam.
- Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.
- Thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.
- Thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.
- Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý.
- Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Chi nhánh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu MĐ-3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng ...năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt:

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập).....

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: Ngày cấp .../.../

Thứ tự của Văn phòng đại diện:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Mã số thuế:

Nội dung điều chỉnh:

Lý do điều chỉnh:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

98. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Mã TTHC: 2.000314.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ

phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và Thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện cho thương nhân. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo mẫu;

- Bản sao văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP) hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Cơ quan cấp Giấy phép (đối với trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP);

- Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;

- Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;

5. Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện

h) Phí, lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-1, Phụ lục I kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT)

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

Thương nhân nước ngoài và người đứng đầu Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện. Đồng thời phải niêm yết công khai về việc chấm dứt hoạt động tại trụ sở của Văn phòng đại diện và chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại Văn phòng đại diện, và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN.../CHI NHÁNH ... TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên thương nhân: ...(ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh)

Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh trong Giấy phép thành lập):

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh số.....Ngày cấp: ...

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh theo Giấy phép thành lập)

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có)

Thời hạn hoạt động: từ ngày.... tháng... năm.... đến ngày... tháng... năm.....

¹¹Thông báo việc thanh toán (hoặc chưa thanh toán) các khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.../Chi nhánh...:

1. Thuế:

2. Bảo hiểm xã hội:.....

3. Các khoản khác:.....

4. Các nghĩa vụ khác (nếu có):

Đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện.../Chi nhánh tại Việt Nam: Từ ngày...tháng...năm...

Lý do chấm dứt hoạt động:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

99. Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Mã TTHC: 2.000327.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, gia hạn giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp việc gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, Cơ quan cấp Giấy phép gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép, Bộ quản lý chuyên ngành có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành, Cơ quan cấp Giấy phép gia hạn hoặc không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không gia hạn phải có văn bản nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;

- Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

- Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

- Tài liệu quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tài liệu quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định pháp luật Việt Nam.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

h) Phí, lệ phí: Lệ phí: 1.500.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-4, Phụ lục I kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT)

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Các giấy tờ do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp hay xác nhận đối với hồ sơ VPĐD theo quy định phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và dịch ra tiếng Việt; bản dịch, bản sao phải được công chứng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Bản sao các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp hay xác nhận đối với hồ sơ VPĐD theo quy định phải được công chứng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Cá nhân, Tổ chức có thể chọn các hình thức “bản sao” phù hợp với từng cách thức thực hiện: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện /công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Mẫu MĐ-4

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng ...năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp:
.../.../... Cơ quan cấp:

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập).....

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../

Thứ tự của Văn phòng đại diện:.....

Mã số thuế:

Số lao động làm việc tại Văn phòng đại diện tại thời điểm gia hạn:.. người; trong đó:

- Số lao động nước ngoài:... người;

- Số lao động Việt Nam: ... người.

Thời hạn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

100. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa. Mã TTHC: 2.000255.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép do không đủ điều kiện, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh

h) Phí, Lệ phí: không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

k1. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có cam kết mở cửa thị trường cho hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa:

- Đáp ứng điều kiện về tiếp cận thị trường tại Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh;
- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

k2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

2.1. Điều kiện quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP;

- Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh;
- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

2.2. Đáp ứng tiêu chí sau:

- Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành;
- Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động;
- Khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước;
- Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

k3. Trường hợp dịch vụ kinh doanh chưa được cam kết mở cửa thị trường trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: Điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng ... năm ...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ¹ ngày ...tháng ...năm.....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

4. Ngành nghề kinh doanh²:5. Mục tiêu của dự án đầu tư³:6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập⁴:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp: Nơi đăng ký thành lập:

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: Quốc tịch:

¹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.² Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.³ Ghi mục tiêu của từng dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp có nhiều dự án thì lập phụ lục.⁴ Trường hợp có nhiều thành viên thì lập phụ lục.

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:

II. Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa với nội dung sau:

1. Thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (Liệt kê từng hoạt động đề nghị được cấp phép theo khoản 1 Điều 3 Nghị định này):

-

2. Các đề xuất khác (nếu có):

-

III. Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.;

2.;

3.

101. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn. Mã TTHC: 2.000370.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy phép kinh doanh;

- Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính có trách nhiệm xem xét việc đáp ứng điều kiện.

+ Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp đáp ứng điều kiện, Sở Công Thương gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương.

-Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương xem xét các nội dung tương ứng quy định tại Điều 10 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Sở Công Thương cấp Giấy phép kinh doanh. Trường hợp Bộ Công Thương có văn bản từ chối, Sở Công Thương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 6: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

d) Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ

e) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính.

h) Phí, Lệ phí: không có

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh;

- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

- Đáp ứng các tiêu chí:

+ Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành;

+ Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động;

+ Khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước;

+ Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện một trong các hoạt động:

+ Sản xuất dầu, mỡ bôi trơn tại Việt Nam;

+ Sản xuất hoặc được phép phân phối tại Việt Nam máy móc, thiết bị, hàng hóa có sử dụng dầu, mỡ bôi trơn loại đặc thù.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu số 01

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:..... Email: Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng ... năm ...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ ngày ...tháng ...năm.....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

4. Ngành nghề kinh doanh:.....

5. Mục tiêu của dự án đầu tư:

6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp: Nơi đăng ký thành lập: ...

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: Quốc tịch:

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:

II. Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa với nội dung sau:

1. Thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá (Liệt kê từng hoạt động đề nghị được cấp phép theo khoản 1 Điều 3 Nghị định này):

-

2. Các đề xuất khác (nếu có):

-

III. Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

102. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí. Mã TTHC: 2.000362.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy phép kinh doanh;

- Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính có trách nhiệm xem xét việc đáp ứng điều kiện.

+ Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp đáp ứng điều kiện, Sở Công Thương gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương.

- Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương xem xét các nội dung tương ứng quy định tại Điều 10 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Sở Công Thương cấp Giấy phép kinh doanh. Trường hợp Bộ Công Thương có văn bản từ chối, Sở Công Thương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 6: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

***Thành phần hồ sơ**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

* **Số lượng bộ hồ sơ:** 03 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính.

g) Phí, Lệ phí: không có

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh;

- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

- Đáp ứng các tiêu chí:

+ Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành;

+ Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động;

+ Khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước;

+ Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã có cơ sở bán lẻ dưới hình thức siêu thị, siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi để bán lẻ tại các cơ sở đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**TÊN DOANH
NGHIỆP**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do.... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng ... năm ...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ ngày ..tháng ...năm.....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

4. Ngành nghề kinh doanh:.....

5. Mục tiêu của dự án đầu tư:

6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp: Nơi đăng ký thành l

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: Quốc tịch:

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:

II. Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa với nội dung sau:

1. Thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá (Liệt kê từng hoạt động đề nghị được cấp phép theo khoản 1 Điều 3 Nghị định này):

2. Các đề xuất khác (nếu có):

III. Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

103. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP. Mã TTHC: 2.000351.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy phép kinh doanh;

- Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính có trách nhiệm xem xét việc đáp ứng điều kiện.

+ Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp đáp ứng điều kiện, Sở Công Thương gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương.

- Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương xem xét các nội dung tương ứng quy định tại Điều 10 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Sở Công Thương cấp Giấy phép kinh doanh. Trường hợp Bộ Công Thương có văn bản từ chối, Sở Công Thương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 6: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh

h) Phí, Lệ phí: không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh;

- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

- Đáp ứng các tiêu chí:

+ Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành;

+ Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động;

+ Khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước;

+ Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do.... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng ... năm ...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ...tháng ...năm.....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

4. Ngành nghề kinh doanh:.....

5. Mục tiêu của dự án đầu tư:

6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp: Nơi đăng ký thành lập:

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: Quốc tịch:

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:

II. Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa với nội dung sau:

1. Thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá (Liệt kê từng hoạt động đề nghị được cấp phép theo khoản 1 Điều 3 Nghị định này):

-

2. Các đề xuất khác (nếu có):

-

III. Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

104. Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Mã TTHC: 2.000340.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét và cấp lại giấy phép kinh doanh cho thương nhân. Trường hợp từ chối, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp cấp lại do tổ chức Chuyển địa điểm đặt trụ sở chính từ một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác).

d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

e) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh

h) Phí, Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a. Điều kiện chung

Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 tương ứng như đối với thủ tục cấp mới

b. Điều kiện riêng:

- Giấy phép kinh doanh được cấp lại trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở chính từ một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác.

- Giấy phép kinh doanh bị mất hoặc bị hỏng

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 03

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày.... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

2. Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần... ngày...tháng...năm...

II. Đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số ... như sau:

Lý do cấp lại:

III. Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép kinh doanh.

3. Hoàn trả Giấy phép kinh doanh đã được cấp trước đó theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

105. Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Mã TTHC: 2.000330.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy phép kinh doanh;

- Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính có trách nhiệm xem xét việc đáp ứng điều kiện.

+ Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp đáp ứng điều kiện, Sở Công Thương gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương.

- Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương xem xét các nội dung tương ứng quy định tại Điều 10 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Sở Công Thương cấp Giấy phép kinh doanh. Trường hợp Bộ Công Thương có văn bản từ chối, Sở Công Thương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 6: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

- Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 trừ trường hợp chuyển địa điểm trụ sở chính: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh.

- Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 11 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018:

+ Bản giải trình ghi các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018;

+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

d) Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ

e) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh điều chỉnh

h) Phí, Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện chung:

Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 tương ứng với các nội dung đề nghị điều chỉnh.

- Điều kiện riêng:

Khi có một trong những sự thay đổi về giấy phép kinh doanh như sau:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật;

- Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập;

- Hàng hóa phân phối;

- Các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa;

- Các nội dung khác.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng

hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 02

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:..... Email: Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp đăng ký lần đầu ngày ... tháng ... năm ...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ... ngày ... tháng ... năm ...

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

4. Ngành nghề kinh doanh:.....

5. Mục tiêu của dự án đầu tư:

6. Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần... ngày...tháng...năm....

II. Đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... như sau:

1. Điều chỉnh thông tin doanh nghiệp

- a) Thông tin của doanh nghiệp đã được ghi nhận:
- b) Thông tin của doanh đề nghị điều chỉnh (ghi thông tin điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....
- c) Thông tin của doanh nghiệp sau khi điều chỉnh:
2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh
- a) Nội dung kinh doanh đã được cấp:.....
- b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh (ghi nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....
- c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh:.....

III. Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

106. Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP. Mã THHC: 2.000272.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP. Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

- Bước 3: Trường hợp đáp ứng đủ điều kiện Sở Công Thương trình Bộ Công Thương (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP).

- Bước 4: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP).

- Bước 5: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Trường hợp Bộ Công Thương từ chối, Cơ quan cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 6: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có)

* **Số lượng bộ hồ sơ:** 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài xin Giấy phép kinh doanh đồng thời giấy phép lập cơ sở bán lẻ

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện chung: Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 9 và Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Điều kiện riêng: Địa điểm lập cơ sở bán lẻ thứ nhất cùng tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương với trụ sở chính của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm

Mẫu số 01

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:..... Email: Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do.... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng ... năm ...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ⁵ ngày ...tháng ...năm.....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

4. Ngành nghề kinh doanh⁶:.....5. Mục tiêu của dự án đầu tư⁷:6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập⁸:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

⁵ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.⁶ Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.⁷ Ghi mục tiêu của từng dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp có nhiều dự án thì lập phụ lục.⁸ Trường hợp có nhiều thành viên thì lập phụ lục.

- + Tên doanh nghiệp: Nơi đăng ký thành lập:
- + Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:
- + Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:
- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:
- + Họ và tên: Quốc tịch:
- + Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:

II. Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa với nội dung sau:

1. Thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá (Liệt kê từng hoạt động đề nghị được cấp phép theo khoản 1 Điều 3 Nghị định này):

-

2. Các đề xuất khác (nếu có):

-

III. Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các tài liệu gửi kèm:

1.;
2.;
3.

107. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT). Mã TTHC: 2.000361.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP. Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

- Bước 3: Trường hợp đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

- Bước 4: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Bước 5: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Trường hợp Bộ Công Thương từ chối, Cơ quan cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 6: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.

* **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lập cơ sở bán lẻ

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương .

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

h) Phí, Lệ phí: không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có kế hoạch về tài chính để lập cơ sở bán lẻ;

- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên;

- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm

Mẫu số 04

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng....năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần⁹... ngày...tháng...năm...

Các cơ sở bán lẻ đã lập trên phạm vi toàn quốc¹⁰:

II. Đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ....với nội dung như sau:

1. Tên cơ sở bán lẻ:

2. Địa chỉ cơ sở bán lẻ:

3. Loại hình cơ sở bán lẻ:

4. Quy mô cơ sở bán lẻ, gồm:

- Tổng diện tích đất sử dụng cho dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có): ... m²

- Tổng diện tích sàn xây dựng (nếu có): ...m², trong đó:

+ Diện tích bán hàng: ... m²

+ Diện tích kinh doanh dịch vụ (nếu có): ...m²

5. Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ:

⁹ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

¹⁰ Lập phụ lục theo tỉnh/ thành phố nêu các nội dung: số thứ tự; tên cơ sở bán lẻ; số, ngày, tháng, năm của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; địa chỉ của cơ sở bán lẻ.

6. Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ:

7. Các đề xuất khác (nếu có):

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

108. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT). Mã TTHC: 1.000774.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP:

+ Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép đề xuất thành lập Hội đồng ENT theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 24 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thành lập Hội đồng ENT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng ENT.

- Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng ENT đánh giá các tiêu chí ENT quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để Chủ tịch Hội đồng ENT có văn bản kết luận đề xuất.

- Bước 5: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận đề xuất của Chủ tịch Hội đồng ENT:

+ Trường hợp văn bản kết luận đề xuất không cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp văn bản kết luận đề xuất cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Bước 6: Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Bước 7: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Trường hợp Bộ Công Thương từ chối, Cơ quan cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 8: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.

- Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

* **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục ENT.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lập cơ sở bán lẻ

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

h) Phí, Lệ phí: không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có kế hoạch về tài chính để lập cơ sở bán lẻ;
- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên;
- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.
- Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.
- Đáp ứng tiêu chí Kiểm tra nhu cầu kinh tế sau:
 - + Quy mô của khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng khi cơ sở bán lẻ hoạt động.
 - + Số lượng các cơ sở bán lẻ đang hoạt động trong khu vực thị trường địa lý.
 - + Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường và hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống trong khu vực thị trường địa lý.
 - + Ảnh hưởng của cơ sở bán lẻ tới mật độ giao thông, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy trong khu vực thị trường địa lý.
 - + Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý, cụ thể:
 - (i) Tạo việc làm cho lao động trong nước;
 - (ii) Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý
 - (iii) Cải thiện môi trường và điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý
 - (iv) Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm:

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng....năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần... ngày...tháng...năm...

Các cơ sở bán lẻ đã lập trên phạm vi toàn quốc:

II. Đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ...với nội dung như sau:

1. Tên cơ sở bán lẻ:

2. Địa chỉ cơ sở bán lẻ:

3. Loại hình cơ sở bán lẻ:

4. Quy mô cơ sở bán lẻ, gồm:

- Tổng diện tích đất sử dụng cho dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có): ... m²

- Tổng diện tích sàn xây dựng (nếu có): ...m², trong đó:

+ Diện tích bán hàng: ... m²

+ Diện tích kinh doanh dịch vụ (nếu có): ...m²

5. Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ:

6. Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ:

7. Các đề xuất khác (nếu có):

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

109. Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Mã TTHC: 2.000339.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính: Bản sao Giấy phép kinh doanh ghi nhận nội dung điều chỉnh.

- Trường hợp thay đổi địa chỉ của cơ sở bán lẻ: Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phường, xã, thị trấn xác nhận việc thay đổi địa chỉ.

- Trường hợp giảm diện tích cơ sở bán lẻ: Các giấy tờ có liên quan.

*** Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương .

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được điều chỉnh.

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện chung: Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng:

Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm:

- a) Nội dung kinh doanh đã được cấp:
- b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh (ghi nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....
- c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh:

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

110. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m². Mã TTHC: 2.000334.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đông Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất.

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

*** Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương .

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được điều chỉnh

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện chung:

Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng:

Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m²

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm:

Mẫu số 05

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần¹⁴... ngày...tháng...năm...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần¹⁵... ngày...tháng...năm ...

II. Đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... như sau:

1. Điều chỉnh thông tin của doanh nghiệp

a) Thông tin của doanh nghiệp đã được ghi nhận¹⁶:.....

b) Thông tin của doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh (ghi thông tin điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....

c) Thông tin của doanh nghiệp sau khi điều chỉnh:

¹⁴ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

¹⁵ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị điều chỉnh.

¹⁶ Chỉ ghi thông tin liên quan đến thông tin đề nghị điều chỉnh.

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh của cơ sở bán lẻ

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp:

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh (ghi nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh:

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

111. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại. Mã TTHC: 2.000322.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định. Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; Trường hợp đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định này (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Bước 4: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP)

- Bước 5: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Trường hợp Bộ Công Thương từ chối, Cơ quan cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 6: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần hồ sơ

Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất.

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

- Bản giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

* **Số lượng bộ hồ sơ:** 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương .

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được điều chỉnh.

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện chung:

Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng:

+) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại

+) Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm:

Mẫu số 05

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần¹⁷... ngày...tháng...năm...Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần¹⁸... ngày...tháng...năm ...**II. Đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... như sau:****1. Điều chỉnh thông tin của doanh nghiệp**a) Thông tin của doanh nghiệp đã được ghi nhận¹⁹:.....

b) Thông tin của doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh (ghi thông tin điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....

c) Thông tin của doanh nghiệp sau khi điều chỉnh:

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh của cơ sở bán lẻ¹⁷ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.¹⁸ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị điều chỉnh.

- a) Nội dung kinh doanh đã được cấp:
- b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh (ghi nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....
- c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh:

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

112. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini. Mã TTHC: 2.002166.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 09/2018/NĐ-CP:

- Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

- Trường hợp đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép đề xuất thành lập Hội đồng ENT theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 24 của Nghị định này số 09/2018/NĐ-CP.

- Bước 4: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thành lập Hội đồng ENT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng ENT.

- Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng ENT đánh giá các tiêu chí ENT quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để Chủ tịch Hội đồng ENT có văn bản kết luận đề xuất.

- Bước 6: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận đề xuất của Chủ tịch Hội đồng ENT:

- Trường hợp văn bản kết luận đề xuất không cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

- Trường hợp văn bản kết luận đề xuất cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Bước 7: Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Bước 8: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Trường hợp Bộ Công Thương từ chối, Cơ quan cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 9: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất;

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

- Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

* **Số lượng bộ hồ sơ:** 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được điều chỉnh.

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

k1) Điều kiện chung:

Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 của Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

k2) Điều kiện riêng:

+) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini

+) Có kế hoạch về tài chính để lập cơ sở bán lẻ;

+) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên;

+) Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.

+) Đáp ứng tiêu chí Kiểm tra nhu cầu kinh tế sau:

+ Quy mô của khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng khi cơ sở bán lẻ hoạt động.

+ Số lượng các cơ sở bán lẻ đang hoạt động trong khu vực thị trường địa lý.

+ Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường và hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống trong khu vực thị trường địa lý.

+ Ảnh hưởng của cơ sở bán lẻ tới mật độ giao thông, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy trong khu vực thị trường địa lý.

+ Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý, cụ thể:

(i) Tạo việc làm cho lao động trong nước;

(ii) Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý

(iii) Cải thiện môi trường và điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý

(iv) Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu số 05

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ

...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần²⁰ ... ngày...tháng...năm...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần²¹ ... ngày...tháng...năm ...

II. Đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... như sau:

1. Điều chỉnh thông tin của doanh nghiệp

a) Thông tin của doanh nghiệp đã được ghi nhận²²:.....

²⁰ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

b) Thông tin của doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh (ghi thông tin điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....

c) Thông tin của doanh nghiệp sau khi điều chỉnh:

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh của cơ sở bán lẻ

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp:

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh (ghi nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh):.....

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh:

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(ký, ghi họ tên và đóng dấu)

113. Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Mã TTHC: 2.000665.000.00.00.H10**a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có Giấy phép lập cơ sở bán lẻ bị mất, rách, hỏng.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện chung:

Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng:

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ bị mất, rách, hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm

Mẫu số 06

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần²³ ... ngày...tháng...năm...

II. Đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... như sau:

Lý do cấp lại:

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

114. Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ . Mã TTHC: 1.001441.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP)

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định này; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký

đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.

* **Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có Giấy phép lập cơ sở bán lẻ sắp hết hạn hiệu lực.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ gia hạn.

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện chung:

Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng:

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ sắp hết hạn hiệu lực.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm:

Mẫu số 07

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

I. Thông tin về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần²⁴ ... ngày...tháng...năm...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần²⁵ ... ngày...tháng...năm...

II. Đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ..do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... như sau:

1. Thời hạn gia hạn:.....

2. Lý do gia hạn:.....

3. Các đề xuất khác (nếu có):.....

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh.

²⁴ Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép kinh doanh.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

115. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động. Mã TTHC: 2.000662.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

(Nếu đủ điều kiện áp dụng) gửi đến Bộ Công Thương trong vòng 30 ngày kể từ ngày có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung thay đổi;

- Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Bộ Công Thương xem xét và gửi hồ sơ tới Sở Công Thương nơi có cơ sở bán lẻ đề nghị được tiếp tục hoạt động;

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra và đánh giá hồ sơ để có văn bản gửi Bộ Công Thương đề xuất cấp phép (Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP), trường hợp đề xuất không cấp phép phải có văn bản trả lời Bộ Công Thương và nêu rõ lý do;

- Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Công Thương, Bộ Công Thương căn cứ vào ý kiến đề xuất của Cơ quan cấp Giấy phép và nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận, trường hợp từ chối phải có văn bản nêu rõ lý do (Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP);

- Bước 6: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Sở Công Thương cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 7: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP)

- Bản giải trình cơ sở bán lẻ có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; giải trình các tiêu chí ENT quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định, trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Tình hình kinh doanh của cơ sở bán lẻ; kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh của cơ sở bán lẻ;

+ Kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất;

- Báo cáo tổng hợp về kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh tế trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất; kế hoạch tài chính; kèm theo tài liệu về tài chính;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh (nếu có).

* **Số lượng bộ hồ sơ:** 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức kinh tế sau khi nhận vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, có nhu cầu cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ đang hoạt động.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

h) Phí, Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.

- Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường và hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống trong khu vực thị trường địa lý.

- Ảnh hưởng của cơ sở bán lẻ tới mật độ giao thông, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy trong khu vực thị trường địa lý.

- Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý, cụ thể:

(i) Tạo việc làm cho lao động trong nước;

(ii) Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý

(iii) Cải thiện môi trường và điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý

(iv) Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm:

5. Mục tiêu của dự án đầu tư:.....
6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập²⁸:
- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:
 - + Tên doanh nghiệp:..... Nơi đăng ký thành lập:
 - + Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:
 - + Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:
 - Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:
 - + Họ và tên:..... Quốc tịch:

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:

6. Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số ... do... cấp ngày ... tháng ... năm ...²⁹ (nếu có).

7. Các cơ sở bán lẻ đã được lập trên phạm vi toàn quốc³⁰:.....

II. Đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ để (các) cơ sở bán lẻ sau được tiếp tục hoạt động³¹:

1. Cơ sở bán lẻ thứ nhất:

a) Tên cơ sở bán lẻ:

b) Địa chỉ cơ sở bán lẻ:

c) Loại hình cơ sở bán lẻ:

d) Quy mô cơ sở bán lẻ, gồm:

- Tổng diện tích đất sử dụng cho dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có): ... m²

- Tổng diện tích sàn xây dựng (nếu có): ...m², trong đó:

+ Diện tích bán hàng: ... m²

+ Diện tích kinh doanh dịch vụ (nếu có): ...m²

đ) Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ:.....

e) Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ:

g) Các đề xuất khác (nếu có):.....

2. Cơ sở bán lẻ số:

²⁸ Trường hợp có nhiều thành viên thì lập phụ lục.

²⁹ Giấy phép kinh doanh cấp lần gần nhất.

³⁰ Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố nêu các nội dung: số thứ tự; tên cơ sở bán lẻ; địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình cơ sở bán lẻ, mặt hàng đang kinh doanh.

³¹ Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố nêu các nội dung quy định tại phần II theo tỉnh, thành phố. Mỗi tỉnh/thành phố lập 01 phụ lục kèm theo 01 Đơn đề nghị.

III. Doanh nghiệp cam kết

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

XIV. LĨNH VỰC DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

116. Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại. Mã TTHC: 1.005190.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đông Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận bộ hồ sơ, cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho thương nhân yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận bộ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ có trách nhiệm đăng ký dấu nghiệp vụ sử dụng trong chứng thư giám định của thương nhân vào Sổ đăng ký dấu nghiệp vụ và thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định cho thương nhân bằng văn bản

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ thực hiện theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong các trường hợp sau:

+ Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

+ Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp

- Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo xác nhận

h) Phí, Lệ phí, lệ phí: 20.000 đồng/hồ sơ

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ (Mẫu tại Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;

- Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về dịch vụ giám định thương mại tại Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006

- Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

- Quyết định số 58/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2006 quy định mức thu lệ phí đăng ký dấu nghiệp vụ.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ DẤU NGHIỆP VỤ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm....

ĐƠN ĐĂNG KÝ DẤU NGHIỆP VỤ

Kính gửi: Sở Công Thương...¹

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):

Địa chỉ của trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:.....Email (nếu có):

.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số:

Cơ quan cấp:..... Ngày cấp:...../...../.....

Vốn điều lệ:

Nội dung đăng ký:

Cấp mới Thay đổi² Bổ sung

Lĩnh vực thực hiện dịch vụ giám định: Ví dụ nông sản, lâm sản, thủy sản, khoáng sản, kim loại, hóa chất vv...

Thương nhân cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn này và hồ sơ kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên và đóng dấu)

¹ Tên Sở Công Thương nơi thương nhân đăng ký dấu nghiệp vụ ² Trong trường hợp đã đăng ký dấu nghiệp vụ nhưng thay đổi tên thương nhân; biểu tượng công ty hoặc nội dung khác, thương nhân gửi kèm theo thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định đã được cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ thông báo hoặc dấu nghiệp vụ giám định cũ đã đăng ký

117. Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại. Mã TTHC: 2.000110.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 1: Trường hợp thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ trong chứng thư giám định, thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại phải đăng ký với cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ nơi thương nhân đăng ký kinh doanh

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ từ các thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại và các Tổ chức, cá nhân khác có liên quan

- Bước 3: Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận bộ hồ sơ, cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho thương nhân yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận bộ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ có trách nhiệm đăng ký dấu nghiệp vụ sử dụng trong chứng thư giám định của thương nhân vào Sổ đăng ký dấu nghiệp vụ và thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định cho thương nhân bằng văn bản

Thương nhân chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc đã đăng ký dấu nghiệp vụ tại nơi chuyển đi đến cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ nơi chuyển đến trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chuyển đến và không phải làm thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ;

- Bước 5: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính đơn đăng ký dấu nghiệp vụ thực hiện theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong các trường hợp sau:

+ Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

+ Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp

- Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo xác nhận

h) Phí, Lệ phí, lệ phí: 20.000đồng/hồ sơ

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ (Mẫu tại Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;

- Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về dịch vụ giám định thương mại tại Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006.

- Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại

- Quyết định số 58/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2006 quy định mức thu lệ phí đăng ký dấu nghiệp vụ.

*Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:***MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ DẤU NGHIỆP VỤ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm....

ĐƠN ĐĂNG KÝ DẤU NGHIỆP VỤ

Kính gửi: Sở Công Thương...¹

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ của trụ sở chính:

.....

Điện

thoại:..... Fax:.....

Email (nếu có):.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số:.....

Cơ quan cấp:..... Ngày

cấp:...../...../.....

Vốn điều lệ:.....

Nội dung đăng ký:

Cấp mới Thay đổi² Bổ sung

Lĩnh vực thực hiện dịch vụ giám định: Ví dụ nông sản, lâm sản, thủy sản, khoáng sản, kim loại, hóa chất vv...

Thương nhân cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn này và hồ sơ kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của thương nhân (Ký tên và đóng dấu)

¹ Tên Sở Công Thương nơi thương nhân đăng ký dấu nghiệp vụ

² Trong trường hợp đã đăng ký dấu nghiệp vụ nhưng thay đổi tên thương nhân; biểu tượng công ty hoặc nội dung khác, thương nhân gửi kèm theo thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định đã được cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ thông báo hoặc dấu nghiệp vụ giám định cũ đã đăng ký

XV. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI.

118. Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Mã TTHC: 2.000004.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xác nhận đăng ký thực hiện khuyến mại cho thương nhân. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ gồm:

+ 01 Đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

+ 01 Thẻ lệ chương trình khuyến mại theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

+ Mẫu bằng chứng xác định trúng thưởng hoặc mô tả chi tiết về bằng chứng xác định trúng thưởng;

+ 01 Bản sao không cần chứng thực giấy tờ về chất lượng của hàng hóa khuyến mại theo quy định của pháp luật.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công văn xác nhận hoặc không xác nhận.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại (theo Mẫu số 02, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP).

- Thẻ lệ chương trình khuyến mại (theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại;

- Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

7. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng được hưởng khuyến mại):

8. Tổng giá trị giải thưởng:

9. Tên của các thương nhân cùng thực hiện khuyến mại, nội dung tham gia cụ thể và trách nhiệm cụ thể của từng thương nhân tham gia thực hiện trong chương trình (Trường hợp nhiều thương nhân cùng phối hợp thực hiện chương trình khuyến mại hoặc thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận (văn bản thỏa thuận/hợp đồng gửi kèm).

Thương nhân cam kết giải quyết các trường hợp tranh chấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vi phạm khi thực hiện chương trình khuyến mại (nếu có); đồng thời phải báo cáo kết quả thực hiện khuyến mại, lưu trữ và chịu trách nhiệm về các chứng từ, tài liệu liên quan đến báo cáo theo đúng quy định của pháp luật để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.

Thẻ lệ chương trình khuyến mại đính kèm.

(Tên thương nhân) cam kết nội dung đăng ký nêu trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
THƯƠNG NHÂN**
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 03

THẺ LỆ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI

(Kèm theo công văn số ngày..... /... /20...của.....)

1. Tên chương trình khuyến mại:
2. Hàng hóa, dịch vụ khuyến mại:
- Số lượng hàng hóa, dịch vụ (nếu có)
3. Thời gian khuyến mại:
4. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại:
5. Hình thức khuyến mại (ghi rõ khuyến mại mang tính may rủi hoặc hình thức khác):
6. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng hưởng khuyến mại):
Quy định cụ thể các đối tượng được tham gia và đối tượng không được tham gia chương trình khuyến mại (áp dụng hoặc không áp dụng cho nhân viên của doanh nghiệp, các đại lý, nhà phân phối, nhà quảng cáo, in ấn phục vụ chương trình khuyến mại, vị thành niên, trẻ em...):

7. Cơ cấu giải thưởng:

| Cơ cấu giải thưởng | Nội dung giải thưởng (chi tiết nội dung và ký mã hiệu từng giải thưởng) | Trị giá giải thưởng (VNĐ) | Số giải | Thành tiền (VNĐ) |
|---------------------------|--|----------------------------------|----------------|-------------------------|
| Giải... | | | | |
| Giải... | | | | |
| Giải... | | | | |
| Tổng cộng: | | | | |

Tổng giá trị giải thưởng so với tổng giá trị hàng hóa khuyến mại.

8. Nội dung chi tiết thể lệ chương trình khuyến mại:

8.1 Điều kiện, cách thức, thủ tục cụ thể khách hàng phải thực hiện để được tham gia chương trình khuyến mại:

8.2 Thời gian, cách thức phát hành bằng chứng xác định trúng thưởng

- Trường hợp phát hành kèm theo hàng hóa: Nêu rõ gắn kèm, dính kèm, đặt bên trong hàng hóa hoặc các cách thức khác:

- Trường hợp phát hành không kèm theo hàng hóa: Nêu rõ thời gian, cách thức thực hiện (gửi trực tiếp, gửi qua bưu điện, nhắn tin... cho khách hàng):

8.3 Quy định về bằng chứng xác định trúng thưởng

- Mô tả cụ thể về bằng chứng xác định trúng thưởng và tính hợp lệ của bằng chứng xác định trúng thưởng;

- Tổng số bằng chứng xác định trúng thưởng (phiếu cào, phiếu rút thăm, nắp chai, khoen lon, mã dự thưởng...) phát hành:.....

8.4 Thời gian, địa điểm và cách thức xác định trúng thưởng:

- Thời gian xác định trúng thưởng:

- Địa điểm xác định trúng thưởng:

- Cách thức xác định trúng thưởng (mô tả rõ cách thức quay số, rút thăm, quay vòng quay, cào, bật nắp, mở khoen... cho từng loại giải thưởng):

8.5 Thông báo trúng thưởng:

- Thời hạn, cách thức (trực tiếp, gửi qua bưu điện, nhắn tin...) nội dung thông báo trúng thưởng cho khách hàng:

- Hoặc thời hạn, cách thức nội dung tiếp nhận thông báo trúng thưởng từ khách hàng:

8.6 Thời gian địa điểm, cách thức và thủ tục trao thưởng

- Địa điểm trao thưởng:

- Cách thức trao thưởng:

- Thủ tục trao thưởng:

- Thời hạn kết thúc trao thưởng:

- Trách nhiệm của khách hàng trúng thưởng đối với chi phí phát sinh khi nhận thưởng, thuế thu nhập không thường xuyên:

9. Đầu mối giải đáp thắc mắc cho khách hàng về các vấn đề liên quan đến chương trình khuyến mại (người liên hệ, điện thoại...).

10. Trách nhiệm công bố thông tin:

- Quy định về trách nhiệm của thương nhân trong việc thông báo công khai chi tiết nội dung của thể lệ chương trình khuyến mại (trên phương tiện thông tin hoặc tại địa điểm khuyến mại hoặc dính kèm sản phẩm khuyến mại...):

- Quy định về trách nhiệm của thương nhân trong việc công bố kết quả trúng thưởng (tại địa điểm khuyến mại hoặc trên phương tiện thông tin hoặc trên website của thương nhân):.....

11. Các quy định khác (nếu có):

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

119. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Mã TTHC: 2.000002.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xác nhận đăng ký thực hiện khuyến mại cho thương nhân. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại theo mẫu số 06 của Nghị định này.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công văn xác nhận hoặc không xác nhận.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại (theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại;

- Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu số 06

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm 20.....

**THÔNG BÁO/ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI**

Kính gửi:.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:..... Email:

Người liên hệ:..... Điện thoại:

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Căn cứ vào công văn sốngày... tháng... năm... của Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) xác nhận việc thực hiện chương trình khuyến mại (tên chương trình khuyến mại, thời gian, địa bàn khuyến mại);

(Tên thương nhân) thông báo/đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung của chương trình khuyến mại trên như sau:

Lý do điều chỉnh:

Mọi nội dung khác của chương trình khuyến mại này giữ nguyên.

(Tên thương nhân) cam kết:

- Thông báo công khai thông tin về chương trình khuyến mại (đã được sửa đổi, bổ sung nội dung) theo quy định.

- Đảm bảo đầy đủ quyền lợi của khách hàng đã tham gia chương trình khuyến mại.
- Thực hiện chương trình khuyến mại đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.
- (Các cam kết khác.....)

120. Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam. Mã TTHC: 2.000131.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xác nhận cho thương nhân. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ 01 Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại theo mẫu số 10 kèm theo Nghị định này.

+ 01 Bản sao không cần chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập hoặc các quyết định khác có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân, tổ chức đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

- Ngành hàng dự kiến tham gia:
- Quy mô dự kiến (Số lượng gian hàng hoặc số doanh nghiệp):
- Việc trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (nếu có)
- Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có)
- Việc sử dụng danh nghĩa Quốc gia Việt Nam hoặc danh nghĩa tỉnh, thành phố (nếu có):

2. Hội chợ/triển lãm thương mại thứ...

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt):
- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt):
- Thời gian:
- Địa điểm:
- Chủ đề (nếu có):
- Ngành hàng dự kiến tham gia:
- Quy mô dự kiến (Số lượng gian hàng hoặc số doanh nghiệp):
- Việc trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (nếu có)
- Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có)
- Việc sử dụng danh nghĩa Quốc gia Việt Nam hoặc danh nghĩa tỉnh, thành phố (nếu có)

(Tên thương nhân) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, (tên thương nhân) sẽ báo cáo kết quả thực hiện tới Quý Cục (Sở).

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
 (Ký tên và đóng dấu)

121. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam. Mã TTHC: 2.000001.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Công Thương có trách nhiệm xác nhận đăng ký thực hiện khuyến mại cho thương nhân. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại tỉnh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận hoặc không xác nhận.

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Ngành hàng dự kiến tham gia:
- Quy mô dự kiến (Số lượng gian hàng hoặc số doanh nghiệp):
- Việc trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (nếu có)
- Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có)
- Việc sử dụng danh nghĩa quốc gia Việt Nam hoặc danh nghĩa tỉnh, thành phố (nếu có)

(Tên thương nhân) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc tổ chức hội chợ/triển lãm thương mại trên theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, (tên thương nhân) sẽ báo cáo kết quả thực hiện tới Quý Cục (Sở).

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

122. Thông báo thực hiện khuyến mại. Mã TTHC: 2.000033.000.00.00.H10**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập hồ sơ nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương tiếp nhận hồ sơ thông báo thực hiện chương trình khuyến mại của thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Thông báo thực hiện chương trình khuyến mại theo mẫu quy định;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thực hiện khuyến mại (theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại;

- Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu số 01

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày tháng năm 20.....

THÔNG BÁO THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI

Kính gửi:

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Mã số thuế:

Người liên hệ: Điện thoại:

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, (tên thương nhân) thông báo chương trình khuyến mại như sau:

1. Tên chương trình khuyến mại:
2. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại: Ghi rõ từng địa điểm cụ thể hoặc có danh sách kèm theo
3. Hình thức khuyến mại:
4. Thời gian khuyến mại:
5. Hàng hóa, dịch vụ khuyến mại:
- Số lượng hàng hóa, dịch vụ (nếu có):
6. Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại:
7. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng được hưởng khuyến mại): .
8. Cơ cấu giải thưởng (nội dung giải thưởng, giá trị giải thưởng, số lượng giải thưởng):
9. Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại:

10. Nội dung chi tiết của chương trình khuyến mại:

11. Tên của các thương nhân cùng thực hiện, nội dung tham gia cụ thể và trách nhiệm cụ thể của từng thương nhân tham gia thực hiện trong chương trình (Trường hợp nhiều thương nhân cùng phối hợp thực hiện chương trình khuyến mại hoặc thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận (văn bản thỏa thuận/hợp đồng gửi kèm).

(Tên thương nhân) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về chương trình khuyến mại trên theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

123. Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại. Mã TTHC: 2.001474.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương tiếp nhận hồ sơ thông báo thực hiện chương trình khuyến mại của thương nhân.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại theo mẫu quy định;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không.

h) Phí, Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương khuyến mại (theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại;
- Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu số 06

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm 20.....

**THÔNG BÁO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI**

Kính gửi:.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:..... Email:

Người liên hệ:..... Điện thoại:

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Căn cứ vào công văn sốngày... tháng... năm... của Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) xác nhận việc thực hiện chương trình khuyến mại (tên chương trình khuyến mại, thời gian, địa bàn khuyến mại);

(Tên thương nhân) thông báo/đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung của chương trình khuyến mại trên như sau:

Lý do điều chỉnh:

Mọi nội dung khác của chương trình khuyến mại này giữ nguyên.

(Tên thương nhân) cam kết:

- Thông báo công khai thông tin về chương trình khuyến mại (đã được sửa đổi, bổ sung nội dung) theo quy định.
- Đảm bảo đầy đủ quyền lợi của khách hàng đã tham gia chương trình khuyến mại.
- Thực hiện chương trình khuyến mại đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.
- (Các cam kết khác.....)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai. Mã TTHC: 2.001283.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện
- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, UBND cấp huyện có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;
- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc UBND cấp huyện

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai theo mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

- Bản sao hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế - Hạ tầng,

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai

h) Phí, Lệ phí:

- Tại các thị xã, thành phố:

+ Đối với doanh nghiệp: 1.200.000 đồng;

+ Đối với Hộ kinh doanh: 400.000 đồng

- Tại các huyện:

+ Đối với doanh nghiệp: 600.000 đồng;

+ Đối với Hộ kinh doanh: 200.000 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai theo mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật

- Có hợp đồng tối thiểu 01 năm bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp cửa hàng trực thuộc của thương nhân

- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
CỬA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố.....

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh
doanh:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh
doanh số:do cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện...xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
 CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai. Mã TTHC: 2.001270.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, UBND cấp huyện có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc UBND cấp huyện

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế - Hạ tầng,

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp lại trong trường hợp: bị mất, bị rách hoặc bị cháy.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
CỬA HÀNG BÁN LPG CHAI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/hộ kinh doanh
số:..... do.....cấp ngày.....tháng... ..năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị UBND huyện/thị xã/thành phố xem xét, cấp điều chỉnh Giấy chứng
nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai theo quy định tại Nghị định số
87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản
pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

3. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai. Mã TTHC: 2.001261.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, UBND cấp huyện có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc UBND cấp huyện

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế - Hạ tầng,

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm về trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP ĐIỀU CHỈNH

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỦA HÀNG BÁN LPG CHAI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/hộ kinh doanh số:..... do.....cấp ngày.....tháng... ..năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị UBND huyện/thị xã/thành phố xem xét, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

II. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

4. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

Mã hồ sơ: 2.000633.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Bước 3: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu bổ sung.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: (01 bộ) bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

- Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

- Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

h. Phí, Lệ phí (nếu có):

- Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/lần/hồ sơ.
- Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm các điều kiện về ATTP và ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

Kính gửi:

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: Điện thoại: Fax: ..

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm

Đề nghị xem xét cấp Giấy phép , cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu:

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu: của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, TP trực thuộc TW: Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau: ..

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau: Được phép mua các loại rượu: ... của thương nhân SX rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau: ..

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

.....

..

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

.....

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu: của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

.....

Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:

Được phép mua các loại rượu: ... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau:

.....

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

.....⁽⁶⁾ ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

- : Loại giấy phép: Sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.
- : Cơ quan cấp phép: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.
- : Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- : Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).
- : Ghi rõ tên, địa chỉ.
- ⁽⁶⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

5. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Mã hồ sơ: 2000629.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích KD. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu bổ sung.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: (01 bộ) bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;
- Bản sao giấy phép đã được cấp;
- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế và Hạ tầng

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...)

h) Phí, Lệ phí (nếu có):

- Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/lần/hồ sơ.
- Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.
- Bảo đảm các ĐK về an toàn thực phẩm và ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu số 02

TÊN THƯƠNG NHÃN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP-.....

Kính gửi:

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.....Điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sốdocấp ngày ...tháng.....năm

Giấy phép..... đã được cấp số..... do cấp ngày ...tháng

Giấy phép... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) sốdo ...cấp ngày.....tháng ... năm đề nghịxem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép....., với lý do cụ thể như sau:

Thông tin cũ:

Thông tin mới: xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

¹ Loại giấy phép: Sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu.

² Cơ quan cấp phép: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

³Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁴Nội dung sửa đổi, bổ sung.

6 .Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Mã hồ sơ: 1.001279.000.00.00.H10

a)Trình tự thực hiện:

*Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực

- Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

* Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Bước 4: Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế hạ tầng căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để cấp lại giấy phép.

- Bước 5: Thời hạn của giấy phép sẽ được giữ nguyên như cũ.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực:** Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại đối với quy định tại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

- **Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất hoặc bị hỏng:** (01 bộ) bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có);

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, hết thời hạn hiệu lực; bị mất hoặc bị hỏng.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế và Hạ tầng

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Cấp lại lần thứ...)

g) Phí, Lệ phí (nếu có):

- Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/lần/hồ sơ.

- Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật, có giấy phép hết thời hạn hiệu lực; bị mất hoặc bị hỏng.

- Bảo đảm các điều kiện về ATTP và ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định.

Đối với trường hợp Giấy phép hết hạn: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

TÊN THƯƠNG NHÂN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm
.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP
(trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)**

Kính gửi:.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:Điện thoại:Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số docấp ngàytháng.....năm

Giấy phép..... đã được cấp số..... docấp ngày ...thángnăm

Giấy phép... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) sốdocấp ngày tháng ...năm ... đề nghị ... xem xét cấp lại Giấy phép....., với lý do cụ thể như sau:.....

..... xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số..... /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

: Loại giấy phép: sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

: Cơ quan cấp phép: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

: Lý do xin cấp lại.

7. Cấp Giấy phép bán lẻ rượu. Mã TTHC: 2.000620.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, UBND cấp huyện có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm cấp giấy phép bán lẻ rượu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc UBND cấp huyện

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

- Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ.

- Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh rượu

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế - Hạ tầng,

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ rượu

h) Phí, Lệ phí:

- Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm:

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ)

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**
 ----- **NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ RƯỢU

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày..... tháng năm

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố.....xem xét cấp Giấy phép bán lẻ rượu cụ thể là:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

8. Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu. Mã TTHC: 2.001240.000.00.00.H10

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, UBND cấp huyện có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm cấp lại giấy phép bán lẻ rượu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc UBND cấp huyện

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép đã được cấp (nếu có);

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh rượu

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế - Hạ tầng,

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ rượu

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu (theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm:

Mẫu số 03

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ)

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu
(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm

Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp số..... do cấp ngày tháng năm

Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm

..... đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố..... xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu với lý do cụ thể như sau:

..... xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

9. Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu. Mã TTHC: 2.000615.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, UBND cấp huyện có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc UBND cấp huyện

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;

- Bản sao Giấy phép đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh rượu

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế - Hạ tầng,

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ rượu

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật
- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.
- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.
- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm:

Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo ND số 17/2020/ND-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)

**TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: / , ngày tháng năm
.....**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ RƯỢU**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.....

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm

Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp số..... do cấp ngày ...tháng ... năm

Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm

..... đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố.....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép bán lẻ rượu, với lý do cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

Thông tin cũ:

Thông tin mới:

2. Bổ sung:

xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/ND-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/ND-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

10. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Mã TTHC: 2.000181.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, UBND cấp huyện có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc UBND cấp huyện

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Phụ lục 23 (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

* Số lượng hồ sơ:

Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá lập 02 bộ hồ sơ theo quy định, 01 bộ gửi Phòng KTHT hoặc phòng Kinh tế, thương nhân lưu 01 bộ;

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh thuốc lá

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế - Hạ tầng,

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ rượu

h) Phí, Lệ phí:

- Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá Phụ lục 23 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ;
- Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương,
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm:

BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...⁽⁴⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

11. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Mã TTHC: 2.000162.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, UBND cấp huyện có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc UBND cấp huyện

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;
- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;
- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh thuốc lá

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế - Hạ tầng,

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ rượu

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Phụ lục 46 theo mẫu (kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ;
- Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương,
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....

- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

b) Đề nghị bổ sung:.....

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...⁽⁴⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

12. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Mã TTHC: 2.000150.000.00.00.H10

12.1. Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực:

Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

12.2. Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập hồ sơ nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, UBND cấp huyện có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả theo dịch vụ đã cam kết hoặc trực tiếp tại bộ phận trả kết quả thuộc UBND cấp huyện

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại; Phụ lục 52 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh thuốc lá

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế - Hạ tầng,

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ rượu

h) Phí, Lệ phí: 0 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá Phụ lục 52 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ;
- Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương,
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...⁽⁴⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

III. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN CẤP HUYỆN

13. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Mã hồ sơ: 2.000599.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ; tiến hành xem xét, thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt; cụ thể:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

+ Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình UBND cấp huyện xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, cá nhân/tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án;
- Dự thảo phương án;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

*Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có

chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng **Kinh tế** và Hạ tầng, Phòng Kinh tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Theo biểu mẫu 1.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội.

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

- Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý án toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Biểu mẫu , tờ khai

Biểu mẫu 1

TÊN CÔNG TY CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CTy-.. *Bình Phước*, ngày tháng năm 202

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện

Kính gửi:

- UBND huyện.....

- Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện;

- Căn cứ Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý án toàn đập, hồ chứa thủy điện;

Ctyđề nghị Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng , UBND huyện..... thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện, cụ thể với các nội dung sau:

1. Thông tin về dự án/công trình.

.....

2. Các phương án ứng phó thiên tai

.....

3. Tài liệu đính kèm

.....

Công ty đề nghị Ctyđề nghị Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng , UBND huyện sớm thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện/.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

- Như trên:

- Lưu: VT.

14. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Mã hồ sơ: 1.000473.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ; tiến hành xem xét, thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt; cụ thể:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

+ Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình UBND cấp huyện xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, cá nhân/tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt;
- Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Kinh tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: theo biểu mẫu 1.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

- Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý án toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Biểu mẫu, tờ khai

Biểu mẫu 1

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CTy-..

Bình Phước, ngày tháng năm 202

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện

Kính gửi:

- UBND huyện.....
- Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện;
- Căn cứ Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

Ctyđề nghị Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện..... thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện, cụ thể với các nội dung sau:

1. Thông tin về dự án/công trình.

.....

2. Các phương án ứng phó thiên tai

.....

3. Tài liệu đính kèm

.....

Công ty đề nghị Ctyđề nghị Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyệnsớm thẩm định, phê duyệt phương án ứng với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện/.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

- Như trên:

- Lưu: VT.

IV. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

15. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện Mã TTHC: 2.002096.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện từ các cơ sở công nghiệp nông thôn;

- Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, chấm điểm bình chọn các sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để cấp Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của cơ sở công nghiệp nông thôn (theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương) kèm theo bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương;

- Bản thuyết minh, mô tả giới thiệu về sản phẩm đăng ký bình chọn (theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương) kèm theo tối thiểu 03 (ba) ảnh màu, cỡ (10 x 15) cm của sản phẩm được chụp tại các góc độ khác nhau (tối thiểu tại các góc: chính diện, các mặt bên, từ trên xuống);

- Bản sao hợp lệ các tài liệu khác còn giá trị pháp lý liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: Chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác”.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thực hiện thủ tục hành chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ sở công nghiệp nông thôn.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

h) Phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương (Mẫu số 01).

- Bản thuyết minh sản phẩm đăng ký bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương (Mẫu số 02).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm);

- Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn;

- Sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường”.

- Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường;

- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

+ Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;

+ Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;

+ Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; Thông

tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm:

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm...

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA

BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

| | | | |
|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> cấp Huyện | <input type="checkbox"/> cấp Tỉnh | <input type="checkbox"/> cấp Khu vực | <input type="checkbox"/> cấp Quốc gia |
|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|

Kính gửi: Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

1. Tên cơ sở công nghiệp nông thôn

Tên viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa có dấu):

Tên viết tắt (nếu có): Mã số (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chức danh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc trong các loại hình sau:

- Công ty cổ phần Doanh nghiệp tư nhân Trung tâm
- Công ty TNHH Hợp tác xã Cơ sở sản xuất
- Hộ kinh doanh Khác (ghi rõ loại hình):.....

Tài khoản số: Chủ tài khoản:

Mở tại ngân hàng: Chi nhánh:

2. Thông tin về chi nhánh (nếu có)

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

3. Thông tin về địa điểm sản xuất

Tên địa điểm sản xuất: (nếu nằm ngoài trụ sở chính và chi nhánh)

Địa chỉ địa điểm sản xuất:

Các văn bản, giấy tờ liên quan đến địa điểm sản xuất:

.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính

Số đăng ký kinh doanh, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh:.....

Ngày cấp, nơi cấp

Các ngành, nghề kinh doanh chính

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|-----------|----------|
| | | |
| | | |

5. Quy mô vốn, tài sản và lao động

Vốn đăng ký kinh doanh (bằng số; VNĐ):.....

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):.....

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất:

Tổng số lao động hiện đang sử dụng:

Trong đó: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội:

Thu nhập bình quân lao động (bằng số VNĐ/người):

6. Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước

Các giải thưởng: Huân huy chương, Bằng khen, Giấy khen, giấy chứng nhận đã đạt được:.....

- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo luật định;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo luật định;
- Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo các quyền lợi đối với người lao động;

Khác (ghi chi tiết)

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

7. Tên sản phẩm hoặc bộ sản phẩm:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sản phẩm sau:

Thủ công mỹ nghệ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm, bộ sản phẩm nêu trên; sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác đối với các tài liệu, thông tin được cung cấp, kê khai trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu./.

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

Địa chỉ:

Người đại diện: ; Chức vụ:

Điện thoại: ; Email:

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên sản phẩm:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

Thủ công mỹ nghệ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh:

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm:

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Trong đó: Số lượng sản phẩm xuất khẩu/năm:

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Doanh thu của sản phẩm/năm:

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm (nếu có):

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):

Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng trong nước%.

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng nhập khẩu%.

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng | <input type="checkbox"/> Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu |
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất với số lượng lớn | <input type="checkbox"/> Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm |
| <input type="checkbox"/> Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác | |
| <input type="checkbox"/> Đánh giá khác (ghi chi tiết):... | |

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm:

.....

Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

| | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm | <input type="checkbox"/> Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp |
| <input type="checkbox"/> Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất | <input type="checkbox"/> Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường |
| <input type="checkbox"/> Đánh giá khác (ghi chi tiết): | |

2.2. Về thị trường tiêu thụ:

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước%.

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước%.

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:

.....

Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):

.....

2. Bảo vệ môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm

.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:

Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:

Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:

Một số nội dung khác

Các chứng nhận liên quan: Quy định đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc nhóm ngành sản xuất có điều kiện theo quy định pháp luật; (ví dụ: Giấy phép sản xuất; Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...).

Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:

.....

Các giải thưởng, bằng khen, giấy chứng nhận,...đã đạt được:

.....

Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....

Tham gia các hoạt động công ích xã hội:

Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....

.....

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN

.....

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN CẤP XÃ

1. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã. Mã TTHC: 2.000206.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã,

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, UBND cấp xã có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, UBND cấp xã thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- Bước 3: Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, UBND cấp xã trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

- Bước 4: Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án;

- Dự thảo phương án;

- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;

- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;

- Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: theo biểu mẫu 1.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

- Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Biểu mẫu, tờ khai**Biểu mẫu 1****TÊN CÔNG TY****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CTy-..

Bình Phước, ngày tháng năm 202

TỜ TRÌNH**Đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình
vùng hạ du đập thủy điện****Kính gửi: UBND xã.....**

- Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện;

- Căn cứ Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

Ctyđề nghị UBND xã..... thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện, cụ thể với các nội dung sau:

1. Thông tin về dự án/công trình.

.....

2. Các phương án ứng phó thiên tai

.....

3. Tài liệu đính kèm

.....

Công ty đề nghị Ctyđề nghị UBND xã..... sớm thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện/.

Nơi nhận:**GIÁM ĐỐC**

- Như trên:

- Lưu: VT.

2. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã. Mã TTHC: 2.000184.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập trực tuyến hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã,

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, UBND cấp xã có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, UBND cấp xã thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- Bước 3: Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, UBND cấp xã trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

- Bước 4: Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt;
- Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

* Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp một trong bốn hình thức bản sao (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc (ii) bản sao có chứng thực hoặc (iii) bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc (iv) Bản sao chứng thực điện tử .

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: theo biểu mẫu 1

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

- Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý án toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Biểu mẫu, tờ khai

TÊN CÔNG TY CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CTy-.. Bình Phước, ngày tháng năm 202

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện

Kính gửi: UBND xã.....

- Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện;
- Căn cứ Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

Ctyđề nghị UBND xã..... thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện, cụ thể với các nội dung sau:

1. Thông tin về dự án/công trình.

.....

2. Các phương án ứng phó thiên tai

.....

3. Tài liệu đính kèm

.....

Công ty đề nghị Ctyđề nghị UBND xã..... sớm thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện/.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

- Như trên:

- Lưu: VT.